

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 2_4010102 Tổ thi: 001_2_4010102 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050001	Lê Đức	An	6/5/1996	1				
2	1521060240	Chu Đức	Anh	10/9/1997	2				
3	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	3				
4	1621010331	Lê Thị Phương	Anh	12/10/1998	4				
5	1521070052	Lê Xuân	Anh	24/10/1997	5				C1
6	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	1/1/1997	6				
7	1521040158	Nguyễn Đức	Anh	1/9/1997	7				C1
8	1621060571	Nguyễn Đức Hoàng	Anh	3/10/1998	8				
9	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	9/7/1996	9				
10	1421050265	Nguyễn Tuấn	Anh	25/08/1995	10				
11	1521050286	Phạm Tuấn	Anh	5/12/1997	11				C1
12	1721030151	Trần Nguyễn Thảo	Anh		12				C1
13	1421060011	Trần Nguyễn Việt	Anh	20/12/1996	13				
14	1621060790	Hà Ngọc	Biên	6/6/1997	14				
15	1521050600	Nguyễn Vũ	Bình		15				C1
16	1521060056	Vũ Đức	Bình	23/09/1997	16				
17	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	17				C1
18	1421060029	Lê Bá	Chiến	17/03/1993	18				
19	1521080103	Hoàng Thị	Chinh	6/6/1997	19				
20	1521060210	Phạm Đức	Chung	9/11/1997	20				C1
21	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/1994	21				
22	1421060037	Nguyễn Văn	Công	23/09/1996	22				
23	1521060004	Vũ Chí	Công	6/1/1997	23				
24	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	24				
25	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	25				
26	1621040114	Trần Quốc	Cường	16/03/1998	26				C1
27	1421040398	Chu Phương	Đăng	13/12/1996	27				
28	1511030001	Lê Đình Đỗ	Đạt	15/06/1997	28				
29	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	5/6/1997	29				
30	1521060036	Nguyễn Tiến	Đạt	8/12/1997	30				
31	1521040057	Nguyễn Trọng	Đạt	11/9/1997	31				
32	1521011083	Nguyễn Ngọc	Đinh	5/5/1997	32				
33	1421011081	Hoàng Văn	Đồng	3/2/1994	33				
34	1521060213	Lê Đình	Đồng	24/10/1997	34				
35	1521050253	Trần Thị	Dung	3/2/1995	35				
36	1421060047	Hoàng Văn Tiến	Dũng	20/09/1996	36				
37	1521030060	Nguyễn Anh	Dũng	15/12/1997	37				
38	1521060260	Nguyễn Duy	Dũng	6/2/1996	38				
39	1521010800	Đinh Tùng	Dương	6/6/1995	39				
40	1421010060	Đặng	Duy	2/2/1996	40				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 2_4010102 Tổ thi: 002_2_4010102 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/1996	41				
2	1511030012	Nguyễn Anh	Đức	30/09/1997	42				
3	1421020306	Nguyễn Minh	Đức	25/11/1994	43				
4	1421020308	Nguyễn Tuấn	Đức	28/09/1996	44				
5	1521070221	Nguyễn Văn	Đức	8/7/1997	45				
6	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	46				C1
7	1621060489	Đinh Đức	Hải	9/10/1998	47				
8	1421080204	Mai Thanh	Hải	20/06/1995	48				
9	1321060100	Nguyễn Thanh	Hải	17/10/1995	49				
10	1421030064	Nguyễn Đức	Hân	5/11/1996	50				
11	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	51				
12	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	52				
13	1421050395	Phan Thế	Hiền	15/01/1996	53				
14	1421060098	Đặng Ngọc	Hiệp	21/10/1996	54				
15	1721050901	Đoàn Văn	Hiệp	13/02/1999	55				
16	1521010358	Bùi Trung	Hiếu	10/10/1997	56				
17	1421040109	Lê Khánh	Hiếu	7/6/1996	57				
18	1421020063	Nguyễn ích	Hiếu	13/07/1995	58				
19	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	59				
20	1321050549	Trần Hữu	Hiệu	26/05/1995	60				C1
21	1721030068	Nguyễn Ngọc	Hoan	19/09/1999	61				
22	1611060060	Nguyễn Đức	Hoàng	2/5/1998	62				
23	1421070300	Phạm Huy	Hoàng	20/01/1996	63				
24	1521060299	Bùi Văn	Hội	20/03/1997	64				
25	1421050430	Tạ Văn	Hùng	3/8/1995	65				
26	1521060429	Lê Văn	Hưng	29/10/1997	66				
27	1421050443	Nguyễn Duy	Hương	15/03/1995	67				
28	1521040249	Phạm Thị	Hường	6/8/1996	68				
29	1421030381	Lê Thành	Huy	14/02/1996	69				
30	1421050464	Nguyễn Trung	Kiên	1/4/1996	70				C1
31	1521060091	Vũ Văn	Liêu	12/10/1997	71				C1
32	1321060167	Lê Thạc	Linh	17/03/1995	72				
33	1721060280	Nguyễn Văn	Linh	27/07/1992	73				
34	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/1997	74				C1
35	1721010048	Hoàng Văn	Long	29/01/1999	75				C1
36	1521070083	Lê Văn	Long	3/2/1997	76				
37	1421070365	Lê Văn	Long	10/6/1996	77				
38	1521070104	Lý Văn	Luân	16/08/1997	78				
39	1521019004	Phạm Gia	Luân	/ /19 3	79				C1
40	1421050120	Hoàng Thị	Lý	21/09/1996	80				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 2_4010102 Tổ thi: 003_2_4010102 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040182	Phương Tiến	Mạnh	30/10/1996	81				
2	1421040183	Tô Xuân	Mạnh	2/1/1996	82				
3	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	83				
4	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	84				
5	1421020475	Nguyễn Đỗ	Muội	2/6/1996	85				C1
6	1521050074	Nguyễn Văn	Nam	18/08/1997	86				
7	1421020485	Trần Văn	Nam	4/1/1996	87				
8	1421050143	Nguyễn Kim	Ngọc	10/12/1996	88				
9	1321020157	Tạ Minh	Ngọc	4/8/1995	89				C1
10	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	90				
11	1421050149	Đỗ Đình	Nhuộng	12/9/1996	91				
12	1421060518	Nguyễn Đăng	Ninh	11/3/1996	92				
13	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	93				
14	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/1996	94				
15	1421060211	Phạm Thái	Phương	25/02/1996	95				
16	1421040217	Trần Thu	Phương	3/10/1996	96				
17	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/1997	97				
18	1421030503	Bùi An	Quang	9/9/1995	98				
19	1421050159	Nguyễn Viết	Quang	7/7/1996	99				
20	1521060095	Bùi Xuân	Quảng	16/11/1997	100				
21	1421030512	Nguyễn Thị	Quế	22/05/1996	101				
22	1421050573	Bùi Nam	Sơn	7/11/1995	102				
23	1421030800	Ngô Trung	Sơn	14/05/1996	103				
24	1521050076	Nguyễn An	Sơn	4/10/1997	104				
25	1421040501	Nguyễn Văn	Sơn	13/07/1996	105				
26	1521040075	Nguyễn Văn	Sơn	8/3/1997	106				
27	1421080102	Đoàn Minh	Tài	2/8/1995	107				
28	1421040236	Nguyễn Trọng	Tạo	24/01/1996	108				
29	1521040301	Trần Văn	Thái	21/02/1997	109				
30	1521070032	Bùi Đức	Thắng	30/12/1997	110				
31	1521070118	Đoàn Xuân	Thắng	20/10/1997	111				
32	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	112				
33	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	2/2/1997	113				
34	1521060461	Nguyễn Văn	Thắng	6/7/1995	114				
35	1621060508	Phạm Văn	Thắng	22/07/1997	115				C1
36	1421050184	Nguyễn Duy	Thành	6/3/1995	116				
37	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/02/1997	117				
38	1421060588	Phạm Văn	Thiện	17/04/1996	118				
39	1311070050	Trần Đức	Thịnh	6/7/1995	119				
40	1421020586	Vũ Văn	Thịnh	24/05/1995	120				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010102 Nhóm: 2_4010102 Tổ thi: 004_2_4010102 Tên HP: Giải tích 1

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050196	Nguyễn Thị	Thu	22/01/1995	121				
2	1521060230	Trương Văn	Thuận	11/10/1997	122				
3	1521020061	Hoàng Văn	Thực	14/04/1996	123				
4	1521050136	Đào Quyết	Tiến	10/9/1997	124				
5	1521060296	Đỗ Minh	Tiến	19/11/1997	125				
6	1521020018	Nguyễn Anh	Tiến	17/12/1997	126				
7	1521010051	Phạm Văn	Tiến	8/1/1997	127				
8	1521020317	Lê Ngọc	Tinh	10/9/1994	128				
9	1321030895	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	24/11/1993	129				C1
10	1621050352	Bùi Văn	Trình	10/8/1998	130				
11	1621030044	Lê Công	Trúc	5/8/1998	131				C1
12	1521070123	Vũ Văn	Trung	30/07/1997	132				
13	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	5/6/1997	133				
14	1421040325	Nguyễn Văn	Tuấn	26/01/1996	134				
15	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1996	135				
16	1421030226	Phạm Văn	Tuấn	1/4/1996	136				
17	1421020668	Cao Xuân	Tùng	23/05/1996	137				
18	1521060246	Nguyễn Thanh	Tùng	30/01/1997	138				
19	1421040563	Phạm Thanh	Tùng	19/12/1996	139				
20	1421020190	Trần Văn	Tùng	2/4/1995	140				
21	1621070147	Bùi Công	Tuyên	7/1/1998	141				
22	1721050092	Đặng Thị	Uyên	5/12/1999	142				
23	1321060347	Phạm Thọ	Văn	13/10/1994	143				
24	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	144				
25	1521020038	Nguyễn Đức	Việt	30/03/1997	145				
26	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/3/1997	146				
27	1521060138	Đinh Quang	Vũ	22/10/1997	147				
28	1221060182	Lê Quang	Vũ	19/07/1994	148				
29	1321030992	Nguyễn Văn	Vương	8/8/1994	149				
30	1621060181	Vũ Minh	Vượng	16/09/1998	150				
31	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	151				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 2_4020201 Tổ thi: 001_2_4020201 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA409** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621030033	Đình Tuấn	Anh	1/4/1997	152				
2	1521080294	Lê Tú	Anh	12/6/1997	153				
3	1521070057	Nguyễn Văn Đức	Anh	11/5/1997	154				C1
4	1614010700	Phạm Thị Vân	Anh	13/12/1998	155				
5	1421050010	Quách Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/1996	156				C1
6	1521010045	Vũ Duy	Anh	28/02/1997	157				
7	1421050023	Đỗ Văn	Chiến	2/7/1994	158				C1
8	1721060454	Vũ Duy	Cường	24/10/1999	159				
9	1521030043	Hoàng Mạnh	Đức	20/11/1996	160				C1
10	1421050357	Lê Minh	Đức	29/07/1995	161				
11	1521010236	Mạc Việt	Đức	24/06/1997	162				C1
12	1721050912	Trần Đức	Dũng	20/07/1996	163				
13	1621030265	Tạ Thùy	Dương	28/03/1998	164				
14	1621010250	Nguyễn Thị	Giang	7/1/1998	165				
15	1221040078	Ngô Hồng	Hải	26/11/1994	166				
16	1621060835	Trần Ngọc	Hải	17/08/1997	167				C1
17	1624010283	Trần Minh	Hằng	4/8/1998	168				
18	1721030187	Đào Thu	Hiền	30/03/1999	169				
19	1621050101	Phạm Doãn	Hiệp	10/10/1998	170				C1
20	1624010624	Nguyễn Ngọc	Hoàng	5/10/1998	171				
21	1721060188	Nguyễn Quang	Hoàng	28/02/1999	172				
22	1621060804	Phạm Minh	Hoàng	1/12/1998	173				
23	1421020074	Đỗ Mạnh	Huy	1/5/1996	174				
24	1621060653	Nguyễn Tiến	Huy	28/11/1998	175				
25	1621030161	Nguyễn Thanh	Huyền	6/8/1998	176				
26	1621010018	Nguyễn Trọng	Huỳnh	24/10/1997	177				
27	1621060432	Nguyễn Tùng	Lâm	22/08/1998	178				
28	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/1996	179				
29	1421030119	Đỗ Văn	Linh	7/11/1996	180				
30	1514010010	Trần Thị	Linh	2/11/1997	181				
31	1521080353	Hồ Công	Lộc	1/10/1997	182				
32	1524010182	Nguyễn Hải	Long	29/12/1997	183				
33	1721060075	Chúc Văn	Mạnh	17/07/1999	184				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020201 Nhóm: 2_4020201 Tổ thi: 002_2_4020201 Tên HP: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621080136	Đỗ Thị Như	Mây	1/8/1998	185				
2	1621060603	Lê Ngọc	Nam	4/8/1998	186				
3	1521050095	Đỗ Thị	Ngọc	25/08/1996	187				
4	1621050311	Đào Văn	Nhạ	6/3/1998	188				C1
5	1721020064	Hà Ngọc Hải	Ninh	12/11/1999	189				C1
6	1724010245	Nguyễn Thành	Phát	12/5/1999	190				C1
7	1621060341	Nguyễn Thanh	Phong	28/12/1997	191				C1
8	1521010264	Phạm Văn	Phong	30/06/1997	192				C1
9	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/1997	193				C1
10	1621060553	Đỗ Trọng	Quang	22/02/1998	194				
11	1421050157	Nguyễn Thế	Quang	6/12/1996	195				C1
12	1621070015	Hoàng Văn	Quý	1/1/1998	196				
13	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	197				C1
14	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	198				
15	1721060811	Nguyễn Văn	Sỹ	11/2/1999	199				
16	1321060250	Nguyễn Đình	Tài	10/9/1995	200				
17	1421050178	Phạm Minh	Tâm	20/11/1996	201				
18	1721050142	Nguyễn Khắc	Thảo	6/11/1999	202				
19	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/1996	203				
20	1621080062	Phí Thu	Thủy	10/7/1998	204				
21	1721050058	Nguyễn Công	Tín	17/10/1998	205				C1
22	1521050190	Lê Văn	Tinh	28/09/1996	206				C1
23	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/8/1997	207				
24	1621030724	Bùi Nguyễn Thu	Trang	21/09/1998	208				C1
25	1621030063	Lê Hà	Trang	1/8/1998	209				
26	1521060426	Lê Thế	Trung	9/9/1997	210				
27	1621030003	Phạm Quang	Trường	21/07/1998	211				
28	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	212				
29	1721060504	Chúc Văn	Tuyên	13/10/1999	213				
30	1721040116	CHEA	VANNAK	10/10/1998	214				C1
31	1721050602	Nguyễn Hữu	Việt	20/08/1999	215				
32	1721010030	Phan Xuân	Việt	16/01/1999	216				
33	1521010122	Hồ Tuấn	Vũ	1/6/1997	217				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4030502 Nhóm: 2_4030502 Tổ thi: 001_2_4030502 Tên HP: Sức bền vật liệu 2 + BTL2
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA304** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/1997	218				
2	1421070008	Lê Khắc	Bình	20/03/1996	219				
3	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	220				
4	1421070194	Lưu Xuân	Cường	5/3/1992	221				
5	1521070210	Trần Tiến	Đạt	21/09/1997	222				
6	1421070024	Phạm Văn	Diện	17/06/1996	223				
7	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	224				
8	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	225				
9	1421070255	Vũ Ngọc	Đức	21/08/1996	226				
10	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	227				
11	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	228				
12	1524010092	Đặng Thái	Hùng	9/7/1997	229				
13	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	8/8/1997	230				
14	1621070037	Trần Hữu	Linh	23/10/1998	231				
15	1421070377	Dương Đức	Lượng	5/12/1996	232				
16	1621070049	Bùi Đức	Mạnh	14/06/1998	233				C1
17	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	234				
18	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	235				
19	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	236				
20	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/1997	237				
21	1521070457	Bùi Thị	Phương	1/9/1997	238				
22	1521070146	Vũ Hoàng	Quân	20/01/1997	239				C1
23	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/1996	240				C1
24	1421070117	Lù Đức	Thắng	22/02/1996	241				
25	1521070051	Nguyễn Văn	Trường	22/12/1996	242				
26	1421070516	Trần Anh	Tú	12/9/1996	243				
27	1521070060	Lương Anh	Tuấn	21/01/1997	244				
28	1521070068	Lê Trung	Tùng	2/6/1997	245				
29	1721010142	Nguyễn Thanh	Tùng	9/2/1999	246				
30	1731070004	Cao Duy	Vạn	7/9/1995	247				C1
31	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/1994	248				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4050301 Nhóm: 2_4050301 Tổ thi: 001_2_4050301 Tên HP: Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA407** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1731030001	Phạm Tuấn	Anh	2/3/1994	249				C1
2	1731030002	Nguyễn Sỹ	Bình	30/12/1991	250				
3	1731030050	Hoàng Văn	Chiều	29/09/1996	251				
4	1321030464	Nguyễn Mạnh	Cường	6/12/1995	252				
5	1731030003	Đỗ Tiến	Đạt	21/05/1995	253				
6	1731030005	Nguyễn Ngọc	Hoàng	19/04/1984	254				
7	1731030054	Lê Đức	Hùng	11/2/1990	255				
8	1731030007	Nguyễn Văn	Kiên	4/4/1990	256				
9	1731030010	Đinh Văn	Quang	1/10/1994	257				
10	1731030011	Bùi Văn	Sơn	15/03/1978	258				
11	1731030057	Trần Hồng	Thái	18/07/1987	259				C1
12	1731030013	Vũ Văn	Thế	22/06/1996	260				
13	1731030014	Nguyễn Đại	Thịnh	4/12/1996	261				
14	1731030015	Nguyễn Trần	Tiến	2/2/1994	262				
15	1731030059	Đặng Đình	Trường	15/05/1988	263				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070107 Nhóm: 2_4070107 Tổ thi: 001_2_4070107 Tên HP: Luật kinh tế
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAB201** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/1997	264				C1
2	1624010537	Phạm Thị Ngọc	Anh	3/3/1998	265				
3	1524010044	Trần Thị Lan	Anh	31/12/1997	266				
4	1524010112	Đinh Thị Hương	Giang	15/11/1997	267				C1
5	1524010079	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	15/10/1997	268				C1
6	1524010032	Nguyễn Thanh	Hương	1/1/1997	269				C1
7	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	270				C1
8	1524010084	Trần Đức	Lương	27/10/1997	271				C1
9	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	272				C1
10	1524010048	Nguyễn Hải	Nam	20/11/1997	273				C1
11	1524010060	Phạm Hồng	Nam	2/6/1997	274				
12	1524010023	Nguyễn Thị	Ngân	24/05/1996	275				C1
13	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	276				C1
14	1524010087	Lê Thị	Trang	2/10/1997	277				C1
15	1524010306	Nguyễn Thị Hồng	Trang	24/11/1997	278				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080302 Nhóm: 2_4080302 Tổ thi: 001_2_4080302 Tên HP: Đồ họa máy tính
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA307** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050109	Trần Tuấn	Anh	7/6/1997	279				
2	1521050328	Lê Danh	Biên	15/09/1996	280				
3	1521050036	Nguyễn Huy	Bình	18/05/1996	281				
4	1521050014	Đỗ Văn	Đà	10/11/1997	282				
5	1521050153	Phạm Thị	Hiền	10/4/1997	283				
6	1521050115	Trần Trung	Hiếu	15/02/1997	284				
7	1521050123	Nguyễn Tuấn	Hưng	24/06/1997	285				
8	1521050029	Lưu Thị Thùy	Linh	7/4/1997	286				C1
9	1521050217	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/04/1997	287				
10	1521050203	Tô Văn	Phú	17/07/1997	288				
11	1521050013	Nguyễn Thành	Tôn	26/08/1997	289				
12	1521050131	Nguyễn Anh	Tuấn	5/6/1995	290				
13	1521050137	Lương Văn	Vĩ	20/06/1995	291				
14	1521050046	Tổng Xuân	Vinh	19/05/1997	292				
15	1521050020	Tạ Đức	Vượng	25/06/1997	293				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4090418 Nhóm: 2_4090418 Tổ thi: 001_2_4090418 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/2/1998	294				
2	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	295				C1
3	1621060227	Nguyễn Minh	Chiến	6/6/1998	296				
4	1421010039	Đặng Chiến	Công	15/07/1996	297				
5	1621060206	Nguyễn Quốc	Cường	8/5/1996	298				
6	1321010060	Vũ Mạnh	Cường	7/7/1994	299				C1
7	1521060237	Lê Quý	Đại	14/04/1997	300				
8	1621060217	Trần Văn	Đoàn	28/01/1998	301				C1
9	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/1997	302				
10	1621060254	Nguyễn Minh	Đức	8/1/1997	303				
11	1624010073	Nguyễn Đắc	Dũng	29/10/1998	304				
12	1321040053	Nguyễn Hữu	Dương	2/3/1994	305				
13	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/1996	306				C1
14	1621060985	Nguyễn Tùng	Duy	26/11/1998	307				
15	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	308				C1
16	1621060014	Bùi Quang	Hải	10/6/1998	309				
17	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	310				
18	1621060125	Trần Đức	Hậu	29/07/1998	311				
19	1621060241	Đỗ Vũ	Hiệp	28/01/1998	312				
20	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/1994	313				
21	1421040108	Dương Minh	Hiếu	1/3/1996	314				
22	1621060022	Mã Văn	Hiếu	13/03/1998	315				
23	1621060010	Nguyễn Minh	Hiếu	11/4/1998	316				
24	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/1997	317				
25	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	318				
26	1621060118	Thân Huy	Hoàng	8/7/1998	319				
27	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/1997	320				
28	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	321				
29	1421020380	Bùi Việt	Hùng	6/11/1995	322				
30	1521010137	Đỗ Văn	Hung	21/01/1997	323				
31	1321040137	Đinh Văn	Hưởng	26/11/1994	324				C1
32	1621050720	Nguyễn Duy	Huy	25/07/1998	325				
33	1621060163	Trần Nhật	Linh	4/2/1998	326				
34	1621060973	Nguyễn Trọng	Linh	21/11/1998	327				
35	1321040157	Hà Thị	Loan	30/04/1995	328				
36	1621060088	Vũ Thị Kim	Loan	6/5/1998	329				
37	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	330				
38	1621060091	Phạm Gia	Long	20/10/1998	331				
39	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	332				
40	1321040170	Hồ Đức	Mạnh	26/04/1995	333				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4090418 Nhóm: 2_4090418 Tổ thi: 002_2_4090418 Tên HP: Kỹ thuật thủy khí C
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA203** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	334				
2	1621060979	Nguyễn Anh	Mười	6/4/1998	335				
3	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	3/6/1996	336				
4	1621060956	Võ Quốc	Pháp	16/06/1998	337				
5	1611060025	Nguyễn Lê Hữu	Phước	2/12/1998	338				
6	1521060273	Lê Minh	Phương	27/09/1997	339				
7	1421010262	Dương Đình	Quân	6/9/1996	340				
8	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/5/1997	341				
9	1621061026	Nguyễn Đăng	Quang	23/05/1998	342				
10	1521060350	Nguyễn Văn	Quang	4/11/1997	343				
11	1621060982	Trần Anh	Quang	13/08/1998	344				
12	1621060129	Hoàng Văn	Quyết	16/04/1998	345				
13	1521010073	Vũ Công	Tài	5/3/1997	346				C1
14	1621060224	Nguyễn Thị	Tâm	19/12/1998	347				
15	1421060245	Lê Chung	Thái	4/5/1996	348				
16	1121040248	Đặng Trọng	Thắng	31/05/1993	349				
17	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/1995	350				
18	1621060029	Nguyễn Việt	Thắng	25/10/1998	351				
19	1421020581	Tô Xuân	Thắng	19/10/1996	352				
20	1521060020	Phạm Đăng	Thiện	16/04/1997	353				
21	1621060961	Tăng Văn	Thịnh	8/9/1998	354				
22	1421020164	Lê Đức	Tín	14/01/1995	355				
23	1421010335	Trần Đức	Tín	5/5/1996	356				
24	1521060151	Trần Văn	Tổ	15/02/1997	357				
25	1421020173	Hoàng Quốc	Trọng	6/2/1996	358				
26	1621060131	Mai Văn	Trực	25/02/1998	359				
27	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/1997	360				
28	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	361				
29	1621060048	Nguyễn Văn	Trường	5/10/1998	362				
30	1521060460	Chu Quang	Tuấn	4/7/1997	363				C1
31	1521060041	Vũ Hữu	Tùng	26/08/1997	364				
32	1421060312	Trần Mạnh	Tường	14/06/1996	365				
33	1621060132	Cao Văn	Tuyến	27/01/1997	366				
34	1611060003	Lê Trung	Văn	6/9/1998	367				C1
35	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	368				
36	1421011432	Bùi Sỹ	Xuân	28/07/1996	369				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 2_4110236 Tổ thi: 001_2_4110236 Tên HP: Môi trường và con người

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040354	Lê Minh	An	19/07/1996	370				
2	1321070405	Lê Tuấn	Anh	11/4/1995	371				
3	1421020219	Tạ Hoàng	Anh	28/07/1996	372				
4	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	373				
5	1321030428	Vương Quốc	Bảo	15/07/1995	374				
6	1521050268	Trịnh	Bính	10/6/1997	375				
7	1621010308	Phạm Thị	Chín	1/1/1998	376				
8	1521050267	Hồ Sỹ	Cường	29/04/1995	377				
9	1521050182	Hoàng Danh	Cường	5/9/1997	378				
10	1221040336	Nguyễn Việt	Đa	27/09/1994	379				C1
11	1521010380	Trần Võ	Đại	15/12/1997	380				C1
12	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	381				
13	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	382				
14	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	5/1/1996	383				
15	1621060210	Trần Đỗ	Đạt	29/04/1998	384				
16	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	385				
17	1221020045	Vũ Khắc	Đoàn	2/8/1994	386				
18	1321010109	Đặng Tiến	Đông	6/11/1994	387				
19	1721030011	Phùng Quang	Đức	4/12/1999	388				
20	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	389				
21	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	390				C1
22	1521070045	Bùi Việt	Duy	5/8/1997	391				
23	1421030305	Nguyễn Trọng	Duy	26/11/1996	392				
24	1421010063	Nguyễn Xuân	Duy	1/1/1996	393				
25	1524010332	Hồ Cẩm	Hà	13/11/1997	394				
26	1621060244	Nguyễn Văn	Hải	10/10/1998	395				
27	1531020406	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08//1/190/	396				
28	1121040364	Đào Văn	Hiền	28/10/1992	397				C1
29	1524010070	Nguyễn Hoàng	Hiệp	4/11/1997	398				
30	1421020357	Nguyễn Minh	Hiếu	26/07/1996	399				
31	1521070099	Bùi Công	Hòa	8/1/1996	400				C1
32	1421050068	Nguyễn Đăng	Hòa	4/11/1996	401				
33	1421030360	Nguyễn Khánh	Hòa	1/10/1996	402				
34	1221020064	Nguyễn Thanh	Hòa	10/3/1994	403				
35	1621010007	Cao Văn	Hoan	19/10/1998	404				
36	1421040116	Nguyễn Văn	Hoàng	6/11/1996	405				
37	1421040117	Nguyễn Văn	Hoàng	7/3/1996	406				C1
38	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/1997	407				
39	1421040128	Hoàng Quốc	Huy	27/08/1996	408				
40	1421060132	Nguyễn Văn	Huy	1/4/1996	409				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 2_4110236 Tổ thi: 002_2_4110236 Tên HP: Môi trường và con người
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010216	Lục Thị Thu	Hương	26/05/1997	410				
2	1521050037	Trương Quốc	Khánh	25/09/1997	411				
3	1521040098	Trần Trung	Kiên	5/7/1997	412				
4	1524010226	Đặng Thị	Kiều	11/8/1997	413				
5	1524010248	Trần Thị	Lan	21/05/1997	414				
6	1421040441	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/01/1996	415				
7	1521010343	Nhâm Tuấn	Linh	12/7/1997	416				
8	1421040448	Trần Đức	Lợi	9/5/1996	417				C1
9	1321040161	Nguyễn Thành	Long	6/2/1995	418				C1
10	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	419				
11	1621070059	Lê Quang	Lượng	3/7/1998	420				
12	1321070588	Nguyễn Đức	Mạnh	21/01/1994	421				
13	1321050131	Phạm Đức	Minh	11/2/1995	422				
14	1521050172	Nguyễn Đức	Nam	26/07/1997	423				
15	1421040199	Bùi Kim	Ngọc	18/09/1996	424				
16	1621050861	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	2/9/1998	425				
17	1321020656	Đinh Trọng	Nhân	15/12/1995	426				C1
18	1521020027	Bùi Quang	Nhất	1/10/1997	427				
19	1424010156	Vũ Minh	Phương	9/12/1996	428				C1
20	1421030515	Hoàng Thị	Quyết	14/02/1996	429				
21	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	430				
22	1521010087	Lê Văn	Sang	16/10/1997	431				
23	1421040233	Đỗ Hoàng	Sơn	12/5/1996	432				
24	1621050079	Nguyễn Ngọc	Sơn	18/07/1998	433				
25	1621010093	Phan Duy	Sơn	22/04/1998	434				
26	1621060178	Trịnh Hữu	Sơn	18/02/1998	435				
27	1621080131	Đỗ Xuân	Tài	9/3/1997	436				C1
28	1421070116	Nguyễn Toàn	Thăng	4/6/1996	437				
29	1521050001	Đào Trung	Thành	16/08/1997	438				C1
30	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/1992	439				
31	1421010300	Phí Trung	Thành	3/3/1996	440				
32	1621010216	Nguyễn Thị	Thảo	9/7/1998	441				
33	1421020570	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/11/1996	442				
34	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	5/4/1996	443				
35	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	9/8/1996	444				
36	1421080374	Dương Văn	Thông	2/1/1995	445				
37	1421070125	Giáp Lương	Thuận	29/07/1996	446				
38	1421020159	Lê Đức	Thùy	29/04/1996	447				
39	1621040003	Trần Xuân	Trà	29/06/1998	448				
40	1524010532	Phạm Thị	Trâm	8/5/1996	449				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4110236 Nhóm: 2_4110236 Tổ thi: 002_2_4110236 Tên HP: Môi trường và con người
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010873	Đoàn Thị Hà	Trang	17/10/1998	450				C1
42	1524010349	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	22/12/1997	451				
43	1421040542	Nguyễn Lê	Trung	23/10/1996	452				
44	1521010351	Nguyễn Văn	Tuân	19/09/1997	453				
45	1321010400	Trần Anh	Tuấn	18/12/1995	454				
46	1421040333	Nguyễn Phan Sơn	Tùng	5/10/1996	455				
47	1621010264	Trịnh Hữu	Tùng	9/8/1998	456				
48	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	457				
49	1421040348	Lê	Vũ	7/9/1996	458				C1
50	1521030136	Kiều Thị	Yến	23/07/1997	459				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 2_4010103 Tổ thi: 001_2_4010103 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060299	Nguyễn Thanh	An	4/10/1996	460				C1
2	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	461				
3	1621060094	Đinh Quang	Anh	26/05/1998	462				C1
4	1321011002	Nguyễn Đức	Anh	25/03/1995	463				
5	1521020077	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/1997	464				
6	1721050257	Nguyễn Tuấn	Anh	7/6/1999	465				C1
7	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	1/2/1997	466				
8	1121010018	Trần Ngọc	Anh	11/11/1993	467				C1
9	1721060342	Trịnh Ngọc	Ánh	14/03/1998	468				
10	1521060098	Lê Minh	Châu	18/12/1997	469				C1
11	1421050290	Nguyễn Đình	Châu	30/01/1996	470				
12	1621060536	Nguyễn Minh	Chiến	19/10/1998	471				C1
13	1421050025	Phạm Anh	Chiến	27/07/1996	472				C1
14	1421070182	Giáp Văn	Chinh	25/07/1996	473				
15	1521050334	Cao Văn	Chung	15/06/1997	474				
16	1621060314	Ngô Quang	Chung	7/6/1998	475				
17	1321050035	Nguyễn Mạnh	Cường	1/3/1995	476				
18	1421020256	Nguyễn Mạnh	Cường	16/06/1995	477				
19	1521010426	Phan Văn	Cường	8/3/1997	478				C1
20	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	479				
21	1521070133	Hoàng Hải	Đăng	3/1/1997	480				
22	1621030043	Trần Văn	Danh	2/10/1998	481				C1
23	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	482				
24	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/1996	483				
25	1321010100	Phạm Tiến	Đạt	12/11/1995	484				C1
26	1521011083	Nguyễn Ngọc	Đinh	5/5/1997	485				
27	1621060217	Trần Văn	Đoàn	28/01/1998	486				C1
28	1421011081	Hoàng Văn	Đồng	3/2/1994	487				
29	1621050411	Bùi Trung	Đức	21/04/1998	488				
30	1421050357	Lê Minh	Đức	29/07/1995	489				
31	1511030012	Nguyễn Anh	Đức	30/09/1997	490				
32	1311070011	Trần Minh	Đức	22/02/1994	491				C1
33	1621080077	Vũ Hoàng	Đức	13/09/1998	492				
34	1421040045	Lý Văn	Dũng	1/2/1995	493				
35	1521030060	Nguyễn Anh	Dũng	15/12/1997	494				
36	1721010157	Nguyễn Văn	Dũng	28/10/1999	495				C1
37	1621080150	Lê Thành	Dương	15/10/1998	496				
38	1521070063	Trần Văn	Đương	8/11/1997	497				
39	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/5/1997	498				
40	1621050873	Nguyễn Văn	Duy	14/08/1998	499				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 2_4010103 Tổ thi: 002_2_4010103 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	500				
2	1321060098	Nguyễn Hoài	Hải	23/02/1995	501				
3	1521020185	Nguyễn Nam	Hải	15/12/1997	502				
4	1621070014	Nguyễn Việt	Hải	9/12/1998	503				
5	1621010152	Trần Phùng Trung	Hiển	16/08/1998	504				
6	1421030065	Trịnh Thanh	Hiên	25/09/1996	505				
7	1421070046	Hoàng Trọng	Hiệp	23/07/1996	506				
8	1521040040	Nguyễn Hoàng	Hiệp	9/8/1997	507				
9	1521070100	Đàm Xuân	Hiếu	13/08/1997	508				
10	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/1997	509				
11	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	4/9/1998	510				C1
12	1421070047	Nguyễn Minh	Hiếu	3/12/1996	511				C1
13	1321050549	Trần Hữu	Hiệu	26/05/1995	512				C1
14	1521010274	Vũ Văn	Hòa	31/05/1997	513				
15	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/1996	514				
16	1521010279	Đỗ Huy	Hoàng	20/08/1997	515				
17	1521060160	Trương Việt	Hoàng	5/11/1997	516				
18	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	2/3/1997	517				
19	1421020380	Bùi Việt	Hùng	6/11/1995	518				
20	1521050238	Mai Sỹ	Hùng	10/6/1997	519				
21	1621060492	Ngô Thịnh	Hưng	8/4/1998	520				
22	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/1993	521				
23	1621050221	Trần Khải	Hưng	14/12/1998	522				
24	1421070054	Đỗ Quang	Huy	22/11/1996	523				
25	1421011152	Mai Sỹ	Huy	3/5/1996	524				
26	1421020394	Nguyễn Tuấn	Huy	9/9/1994	525				
27	1521060458	Trần Quang	Huy	7/6/1997	526				
28	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	4/9/1998	527				
29	1521070286	Vũ Văn	Khánh	25/04/1997	528				
30	1521070148	Nguyễn Ngọc	Kiên	22/09/1997	529				
31	1421050101	Nguyễn Thị	Lam	6/5/1996	530				
32	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/1997	531				
33	1421070361	Nguyễn Tùng	Linh	18/11/1996	532				
34	1521070083	Lê Văn	Long	3/2/1997	533				
35	1721050399	Lý Thành	Long	1/5/1998	534				
36	1321060550	Phạm Văn	Long	1/4/1995	535				
37	1421050126	Nguyễn Tiến	Mạnh	12/12/1996	536				
38	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	6/9/1997	537				C1
39	1421040189	Nguyễn Ngọc	Minh	26/11/1995	538				
40	1421050526	Cung Hùng	Ngọc	8/8/1996	539				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 2_4010103 Tổ thi: 003_2_4010103 Tên HP: Giải tích 2

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA208**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020157	Tạ Minh	Ngọc	4/8/1995	540				C1
2	1621060689	Trần Văn	Ngọc	18/03/1998	541				
3	1621050153	Đặng Duy	Phong	24/10/1998	542				
4	1421060208	Vũ Hồng	Phúc	30/12/1995	543				
5	1521010227	Phạm Hữu	Phước	2/7/1996	544				
6	1521060273	Lê Minh	Phương	27/09/1997	545				
7	1421060214	Vũ Việt	Phương	22/10/1996	546				
8	1621060862	Nguyễn Vinh	Quang	9/5/1998	547				
9	1421011296	Nguyễn Hồng	Sơn	29/03/1996	548				
10	1621060430	Phạm Minh	Sơn	25/09/1998	549				C1
11	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	550				C1
12	1701044036	Nguyễn Quốc	Thái	25/10/1974	551				
13	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/1995	552				
14	1421080109	Nguyễn Đức	Thiện	17/06/1995	553				
15	1621060886	Đặng Trần	Thiệt	19/11/1998	554				C1
16	1311070050	Trần Đức	Thịnh	6/7/1995	555				
17	1621050573	Trần Đức	Thịnh	10/3/1998	556				
18	1521050211	Đỗ Trí	Thức	8/11/1997	557				
19	1621060032	Nguyễn Thanh	Thùy	19/03/1998	558				
20	1521060096	Vũ Đình	Tiến	8/12/1997	559				
21	1621060863	Hoàng Bảo	Toàn	17/12/1997	560				
22	1621050622	Bạch Quốc	Toàn	11/7/1998	561				
23	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	7/6/1996	562				
24	1621030063	Lê Hà	Trang	1/8/1998	563				
25	1521070047	Nhữ Quang	Trung	8/6/1997	564				C1
26	1421070129	Trần Hoàng	Trung	31/12/1996	565				
27	1621010252	Cao Thế	Trường	9/10/1998	566				C1
28	1421040311	Đình Quốc	Trường	17/02/1996	567				
29	1221020168	Nguyễn Anh	Tú	6/4/1994	568				
30	1321020239	Hòa Quý	Tuấn	10/5/1994	569				
31	1521050113	Huỳnh Anh	Tuấn	19/12/1997	570				C1
32	1421045011	Lê Văn	Tuấn	1/12/1996	571				C1
33	1521070395	Lưu Thanh	Tuấn	2/6/1995	572				C1
34	1421070136	Nguyễn Anh	Tuấn	23/04/1996	573				C1
35	1321030948	Nguyễn Trọng	Tuấn	19/02/1995	574				C1
36	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1996	575				
37	1321040320	Trịnh Văn	Tuấn	15/07/1995	576				
38	1521030456	Vũ Tiến	Tuế	2/5/1996	577				
39	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	578				
40	1521080033	Nguyễn Thanh	Tùng	25/03/1997	579				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010103 Nhóm: 2_4010103 Tổ thi: 003_2_4010103 Tên HP: Giải tích 2
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521030030	Phạm Thanh	Tùng	31/05/1995	580				
42	1421020677	Trần Khắc	Tùng	13/08/1996	581				
43	1611060003	Lê Trung	Văn	6/9/1998	582				C1
44	1521060138	Đình Quang	Vũ	22/10/1997	583				
45	1721060042	Hà Nguyên	Vũ	31/07/1999	584				C1
46	1521050116	Nguyễn Thị	Yên	19/07/1997	585				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ: Tổng số bài: Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010104 Nhóm: 2_4010104 Tổ thi: 001_2_4010104 Tên HP: Xác xuất thống kê
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010426	Cao Hồng	Anh	13/07/1998	586				
2	1724010414	Nguyễn Thị Vân	Anh	9/9/1999	587				
3	1524010038	Nguyễn Tiến	Anh	28/04/1997	588				
4	1724010486	Quách Thị Minh	Anh	14/05/1999	589				
5	1724010112	Vũ Phương	Anh	10/10/1999	590				
6	1624010687	Nguyễn Linh	Chi	30/08/1998	591				
7	1524010186	Lê Đức	Chính	6/12/1997	592				
8	1524010599	Nguyễn Trung	Đức	24/05/1996	593				
9	1524010203	Phùng Thị	Dung	13/01/1997	594				
10	1721050728	Nguyễn Thị	Giang	1/3/1999	595				
11	1621020712	Nguyễn Thị Thanh	Hải	29/05/1998	596				
12	1621080705	Đoàn Thị	Hạnh	13/12/1998	597				
13	1524010070	Nguyễn Hoàng	Hiệp	4/11/1997	598				
14	1624010666	Lâm Dương Minh	Hiếu	7/10/1998	599				
15	1624010092	Vũ Thị	Hoa	3/3/1998	600				
16	1624010232	Vũ Thị	Hồng	16/11/1998	601				
17	1624010120	Hoàng Đỗ	Hùng	27/08/1998	602				
18	1521020219	Đinh Quang	Hưng	3/2/1997	603				C1
19	1524010219	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	9/5/1997	604				
20	1524010281	Vũ Thị Thanh	Huyền	11/9/1997	605				
21	1724010302	Nguyễn Thị	Lan	23/04/1999	606				
22	1624010880	Mai Nguyễn Bảo	Linh	3/1/1998	607				
23	1624010388	Phạm Thị	Linh	28/07/1998	608				
24	1624010096	Hoàng Bích	Loan	14/08/1998	609				
25	1624010255	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1998	610				
26	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	2/7/1998	611				
27	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	3/4/1998	612				
28	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	613				C1
29	1614010023	Phạm Việt	Phương	24/07/1988	614				C1
30	1624010784	Vũ Thị	Phương	18/07/1998	615				
31	1524010189	Lưu Thị	Quyên	25/01/1997	616				
32	1724010328	Ngô Thị Thu	Quỳnh	10/3/1999	617				
33	1524010128	Bùi Công	Thành	4/8/1997	618				C1
34	1624010777	Nguyễn Thu	Thảo	8/3/1998	619				
35	1624010526	Nguyễn Thị	Thoa	3/2/1998	620				
36	1524010173	Trần Minh	Thư	25/02/1997	621				
37	1421020624	Vũ Thị Hồng	Trang	10/5/1995	622				
38	1624010244	Hán Thị Vân	Trường	8/8/1998	623				C1
39	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	3/11/1994	624				
40	1524010211	Đào Thanh	Tùng	8/12/1997	625				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 2_4110114 Tổ thi: 001_2_4110114 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030001	Nguyễn Chung	An	8/8/1995	626				
2	1521050158	Lê Tuấn	Anh	25/05/1997	627				
3	1521050321	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/06/1997	628				
4	1421030260	Nguyễn Vũ Việt	Anh	1/6/1995	629				
5	1621060657	Trần Hải	Anh	1/1/1998	630				
6	1731060002	Vũ Thế	Anh	3/7/1995	631				C1
7	1624010497	Hồ Thị Ngọc	ánh	5/11/1998	632				
8	1421030267	Nguyễn Ngọc	ánh	8/6/1996	633				
9	1524010135	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	25/04/1997	634				
10	1421020224	Đoàn Thanh	Ba	1/12/1995	635				
11	1421050275	Trần Đình	Bách	21/09/1996	636				
12	1421020233	Lê Văn	Bền	3/4/1995	637				
13	1421040373	Nguyễn Đức	Cảnh	5/5/1995	638				
14	1524010571	Nông Lâm Bảo	Châu	4/10/1997	639				
15	1621060645	Vũ Quang	Chiến	26/03/1998	640				
16	1421040036	Lê Tuấn	Cường	8/12/1994	641				C1
17	1421040398	Chu Phương	Đăng	13/12/1996	642				
18	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	643				
19	1421050344	Trần Tiến	Đạt	31/07/1996	644				
20	1421050042	Trịnh Văn	Đạt	17/04/1996	645				
21	1521040131	Phạm Đức	Diệp	28/08/1997	646				
22	1421050043	Nguyễn Mạnh	Đình	17/09/1995	647				
23	1421040073	Nguyễn Văn	Đô	30/09/1996	648				
24	1421030316	Nguyễn Văn	Đoàn	25/12/1996	649				
25	1321060468	Lê Huỳnh	Đức	17/09/1994	650				C1
26	1421070038	Trần Anh	Đức	4/11/1996	651				
27	1421050052	Trần Văn	Đức	11/8/1996	652				
28	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	653				
29	1524010235	Nguyễn Thị	Dung	23/09/1997	654				
30	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	655				
31	1321020456	Đỗ Mạnh	Dũng	17/10/1995	656				C1
32	1521030205	Đặng Trùng	Dương	14/02/1997	657				C1
33	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	4/6/1996	658				C1
34	1321050050	Nguyễn Tuấn	Dương	27/12/1995	659				C1
35	1421030236	Vũ Thùy	Dương	6/9/1996	660				
36	1421030303	Đỗ Thế	Duy	17/01/1996	661				
37	1421040391	Mai Văn	Duy	2/5/1996	662				C1
38	1421030305	Nguyễn Trọng	Duy	26/11/1996	663				
39	1524010398	Nguyễn Thị	Giang	12/5/1997	664				
40	1524010136	Nguyễn Thúy	Hà	8/7/1997	665				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 2_4110114 Tổ thi: 002_2_4110114 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030062	Nguyễn Thị Thu	Hằng	10/5/1996	666				
2	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	1/5/1996	667				
3	1421030348	Bùi Quang	Hiệp	11/9/1996	668				
4	1524010033	Nguyễn Trung	Hiếu	9/8/1997	669				
5	1421060107	Trịnh Trung	Hiếu	24/11/1996	670				
6	1421050068	Nguyễn Đăng	Hòa	4/11/1996	671				
7	1421010123	Nguyễn Xuân	Hòa	28/02/1996	672				
8	1421040119	Quách Duy	Hoàng	18/09/1996	673				
9	1421020373	Trương Văn	Hoàng	2/6/1995	674				
10	1521020035	Nguyễn Mai	Hương	29/09/1997	675				
11	1521050037	Trương Quốc	Khánh	25/09/1997	676				
12	1421050099	Đinh Văn	Khoa	10/8/1996	677				
13	1421011189	Dương Ngọc	Lam	9/6/1994	678				
14	1421030429	Lương Thị Hương	Linh	19/11/1996	679				
15	1521010343	Nhâm Tuấn	Linh	12/7/1997	680				
16	1421010181	Trịnh Văn	Linh	3/7/1996	681				
17	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	682				
18	1731020003	Đỗ Huy	Mạnh	25/04/1996	683				
19	1421070083	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/1996	684				
20	1524010238	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	31/10/1997	685				
21	1631020071	Lê Thanh	Nghiệp	18/03/1995	686				
22	1321050158	Mai Đức	Phúc	1/6/1995	687				C1
23	1421050154	Nguyễn Văn	Phúc	28/11/1996	688				
24	1421030498	Nguyễn Thị Mai	Phương	10/11/1996	689				
25	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/1997	690				C1
26	1731020005	Lê Đình	Quân	8/6/1996	691				
27	1421030508	Lương Văn	Quân	22/04/1996	692				
28	1421040225	Nguyễn Văn	Quân	1/9/1995	693				
29	1421050159	Nguyễn Viết	Quang	7/7/1996	694				
30	1321030800	Trần Xuân	Quý	27/02/1991	695				
31	1521050461	Phạm Thị	Quỳnh	21/05/1997	696				
32	1521060289	Nguyễn Ngọc	Sơn	6/10/1997	697				C1
33	1621010093	Phan Duy	Sơn	22/04/1998	698				
34	1421040234	Nguyễn Văn	Sỹ	21/01/1995	699				
35	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/1995	700				
36	1321010329	Hoàng Văn	Thắng	21/03/1995	701				
37	1424010173	Hoàng Thị Huyền	Thanh	13/07/1996	702				
38	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/1997	703				
39	1421050600	Lê Thị Thanh	Thảo	23/10/1994	704				
40	1521050234	Trần Thị Thu	Thảo	14/08/1997	705				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4110114 Nhóm: 2_4110114 Tổ thi: 003_2_4110114 Tên HP: Môi trường và phát triển bền vững
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030559	Nguyễn Duy	Thắng	2/9/1996	706				
2	1521060317	Trần Chiến	Thắng	29/04/1997	707				
3	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	9/8/1996	708				
4	1421010318	Vũ Đỗ Long	Thịnh	2/7/1996	709				C1
5	1421060265	Nguyễn Văn	Thông	1/7/1996	710				
6	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	711				
7	1421020159	Lê Đức	Thùy	29/04/1996	712				
8	1421020611	Lê Minh	Tiến	9/11/1996	713				
9	1421010340	Đinh Đức	Toản	2/5/1996	714				
10	1524010050	Lê Thị	Trang	21/11/1995	715				C1
11	1524010534	Lê Thị	Trang	13/02/1997	716				
12	1421040298	Nguyễn Thị	Trang	27/05/1996	717				
13	1621080029	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/06/1998	718				
14	1421040312	Nguyễn Ngọc	Tú	17/10/1996	719				
15	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	720				
16	1421040325	Nguyễn Văn	Tuấn	26/01/1996	721				
17	1421020664	Trần Anh	Tuấn	24/02/1996	722				
18	1321030260	Hoàng Mạnh	Tùng	7/8/1995	723				C1
19	1421040339	Hoàng Văn	Tuyền	24/03/1996	724				
20	1421050235	Tổng Quang	Tuyền	9/1/1996	725				
21	1624010518	Trần Thị Hoàng	Yến	26/12/1997	726				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 001_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721050082	Đinh Thế	Anh	9/8/1998	727				C1
2	1721050496	Đinh Việt	Anh	15/02/1998	728				
3	1621070061	Đỗ Tuấn	Anh	30/05/1998	729				
4	1621060630	Già Hoàng	Anh	26/04/1998	730				
5	1721050384	Hoàng Tuấn	Anh	17/10/1999	731				
6	1321070405	Lê Tuấn	Anh	11/4/1995	732				
7	1621070077	Lê Văn Tiến	Anh	8/3/1997	733				
8	1621070125	Nguyễn Đức	Anh	28/04/1998	734				
9	1621050512	Nguyễn Quang Duy	Anh	8/10/1998	735				
10	1721050524	Nguyễn Thị	Anh	18/05/1999	736				C1
11	1724010110	Phạm Phương	Anh	15/07/1999	737				
12	1721050210	Phạm Tú	Anh	24/01/1999	738				
13	1621050484	Phạm Tuấn	Anh	27/10/1998	739				
14	1621011005	Tạ Hải	Anh	16/03/1998	740				
15	1721070053	Trần Việt	Anh	12/1/1999	741				
16	1621010010	Vũ Ngọc	Anh	18/03/1998	742				
17	1621050262	Vũ Thị Lan	Anh	26/09/1998	743				
18	1621080114	Hoàng Thị Ngọc	ánh	27/11/1998	744				
19	1621030054	Phạm Ngọc	ánh	28/02/1998	745				C1
20	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	4/10/1995	746				
21	1621050467	Hà Vĩnh Nhật	Bảo	23/02/1998	747				
22	1321030428	Vương Quốc	Bảo	15/07/1995	748				
23	1721010812	Đàm Quốc	Bửu	10/4/1999	749				
24	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	750				
25	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	751				C1
26	1621070180	Chu Minh	Chiến	24/09/1998	752				
27	1621060105	Văn Đức	Chiến	3/3/1998	753				
28	1724010092	Vũ Minh	Chiến	28/03/1999	754				C1
29	1621080006	Bế Thị	Chinh	7/10/1998	755				
30	1721050822	Nguyễn Chí	Công	17/07/1999	756				C1
31	1421080127	Nguyễn Việt	Công	23/09/1995	757				
32	1621010011	Hoàng Văn	Cư	1/7/1998	758				
33	1611040008	Nguyễn Duy	Cung	22/02/1998	759				
34	1621040710	Bùi Quang	Cường	23/08/1998	760				
35	1721050367	Nguyễn Quang	Cường	4/10/1999	761				C1
36	1321040436	Nguyễn Thiện	Cường	10/11/1995	762				
37	1721060018	Nguyễn Việt	Cường	27/08/1999	763				
38	1721050481	Phạm Văn	Cường	14/06/1999	764				
39	1421060042	Trần Văn	Cường	1/11/1996	765				
40	1421020257	Phạm Đường	Dân	6/3/1996	766				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 002_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421070230	Phạm Đức	Đại	23/01/1996	767				C1
2	1621070156	Nguyễn Chí	Đan	8/7/1998	768				
3	1721060238	Nguyễn Hồng	Đăng	24/12/1996	769				
4	1621040068	Nguyễn Hải	Đăng	23/02/1998	770				
5	1621030234	Đào Quốc	Đạt	2/11/1998	771				
6	1421040061	Đỗ Quốc	Đạt	3/2/1995	772				
7	1721060012	Nguyễn Tiến	Đạt	30/10/1999	773				
8	1221080017	Phạm Quý	Đạt	25/12/1993	774				C1
9	1421030295	Đỗ Đức	Doanh	7/10/1996	775				
10	1621010211	Nguyễn Công	Doanh	25/04/1998	776				
11	1721060346	Phùng Đại	Đồng	25/02/1999	777				C1
12	1621070730	Đinh Xuân	Đức	5/8/1998	778				
13	1621050406	Đỗ Huỳnh	Đức	23/06/1998	779				
14	1621040052	Nguyễn Minh	Đức	2/12/1998	780				
15	1621040715	Phạm Hồng	Đức	8/9/1998	781				
16	1621040129	Phạm Văn	Đức	8/11/1998	782				
17	1721030011	Phùng Quang	Đức	4/12/1999	783				
18	1421050363	Trần Văn	Đức	20/07/1993	784				
19	1724010261	Đỗ Thị	Dung	8/3/1999	785				
20	1624010908	Vũ Thùy	Dung	23/08/1998	786				
21	1621010105	Bùi Đức	Dũng	18/06/1998	787				C1
22	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	788				
23	1621070202	Đỗ Bá	Dũng	30/06/1998	789				
24	1421080014	Đỗ Thành	Dũng	23/07/1996	790				
25	1724010113	Vũ Quang	Dũng	24/10/1999	791				
26	1321010090	Hồ Xuân Hoàng	Dương	4/3/1994	792				
27	1721030080	Nguyễn Duy	Dương	11/9/1999	793				
28	1724010002	Nguyễn Thùy	Dương	14/07/1999	794				
29	1621060773	Nguyễn Tử Thành	Dương	1/5/1998	795				C1
30	1621060872	Chu Đức	Duy	21/01/1998	796				
31	1421030303	Đỗ Thế	Duy	17/01/1996	797				
32	1321030483	Nguyễn Đức	Duy	27/05/1995	798				
33	1724010502	Nguyễn Thị	Gắm	31/05/1999	799				
34	1724010249	Phạm Quỳnh	Giang	10/11/1999	800				
35	1724010116	Trần Đức	Giang	8/9/1999	801				
36	1621030149	Trần Văn	Giang	26/02/1998	802				C1
37	1721050311	Hoàng Hải	Hà	25/04/1999	803				
38	1624010688	Nguyễn Thị Thu	Hà	5/10/1998	804				
39	1721060399	Nguyễn Đức	Hải	19/08/1999	805				
40	1621080046	Nguyễn Hoàng	Hải	18/03/1998	806				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 003_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1611060023	Nguyễn Ngọc	Hải	24/01/1998	807				
2	1621070146	Phạm Bắc	Hải	20/09/1998	808				
3	1421050385	Trần Thu	Hải	29/07/1996	809				C1
4	1724010185	Nguyễn Thị	Hằng	29/07/1999	810				
5	1721050698	Lưu Thị Hân	Hạnh	3/8/1999	811				
6	1621060396	Trần Ngọc	Hạnh	8/8/1998	812				
7	1621070164	Lê Sỹ	Hào	9/11/1998	813				
8	1721050215	Trần Thuý	Hào	17/10/1999	814				
9	1421060096	Nguyễn Văn	Hậu	16/12/1996	815				
10	1724010275	Tạ Thị	Hậu	7/9/1999	816				
11	1621070017	Hà Quang	Hiền	24/02/1998	817				
12	1621030178	Đinh Đức	Hiệp	14/10/1998	818				
13	1621060257	Nguyễn Quang	Hiệp	1/7/1998	819				
14	1421070279	Nguyễn Quang	Hiệp	23/03/1996	820				C1
15	1621030016	Lê Văn	Hiếu	10/4/1998	821				
16	1621040135	Nguyễn Đức	Hiếu	27/04/1998	822				
17	1721050177	Nguyễn Trung	Hiếu	3/7/1999	823				
18	1721050231	Nguyễn Văn	Hiếu	17/03/1999	824				
19	1621080035	Phan Minh	Hiếu	1/7/1998	825				
20	1624010276	Đoàn Thị	Hoa	13/04/1998	826				
21	1421010122	Nguyễn Dung	Hòa	21/07/1996	827				
22	1321020545	Nguyễn Văn	Hoàn	6/2/1995	828				C1
23	1721030035	Đặng Việt	Hoàng	28/08/1999	829				
24	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	830				
25	1621010305	Nguyễn Thế	Hoàng	22/02/1998	831				
26	1621050840	Vũ Nguyên	Hoàng	16/03/1998	832				
27	1721060208	Vũ Thái	Hoàng	5/8/1999	833				
28	1624010232	Vũ Thị	Hồng	16/11/1998	834				
29	1724010398	Đỗ Thị Kim	Huệ	28/10/1999	835				
30	1621010256	Lê Việt	Hùng	28/11/1998	836				
31	1421060126	Lương Văn	Hùng	7/10/1996	837				
32	1721060184	Ngô Xuân	Hùng	8/3/1999	838				
33	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	29/04/1998	839				
34	1721060230	Vũ Đình	Hùng	13/12/1999	840				
35	1621060809	Chu Quang	Huy	27/08/1998	841				
36	1624010726	Đỗ Quang	Huy	30/04/1998	842				
37	1621060311	Hoàng Tiến	Huy	9/12/1998	843				
38	1721050038	Nguyễn Văn	Huy	10/7/1999	844				
39	1721050127	Trần Hoàng	Huy	26/10/1999	845				
40	1724010281	Bùi Thanh	Huyền	24/07/1999	846				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 004_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060663	Đỗ Việt	Hưng	14/10/1998	847				
2	1721050695	Nguyễn Thị	Huyền	1/9/1999	848				
3	1621040023	Nguyễn Thị	Huyền	10/9/1998	849				
4	1724010033	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1/1/1999	850				C1
5	1421060137	Lê Thạc	Huỳnh	20/04/1996	851				
6	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	852				C1
7	1421040434	Mai Khắc	Khải	20/02/1996	853				
8	1721060220	Bùi Viết	Khang	21/03/1999	854				
9	1321020587	Đào Trọng	Khang	28/09/1995	855				C1
10	1621050318	Giang Văn	Khánh	21/11/1996	856				
11	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	857				
12	1721050485	Phạm Quang	Khánh	2/9/1999	858				
13	1721050654	Nguyễn Minh	Khiêm	30/11/1997	859				C1
14	1421020417	Nguyễn Đức	Khoa	15/01/1996	860				
15	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	1/10/1998	861				
16	1421030413	Doãn Văn	Khuong	18/02/1996	862				
17	1421050100	Lê Kế	Kiên	27/11/1996	863				
18	1421030415	Mai Trung	Kiên	28/11/1996	864				
19	1621010332	Nguyễn Anh	Kiên	5/9/1998	865				
20	1421050468	Nguyễn Bá	Kiện	23/02/1996	866				
21	1621070076	Dương Đức	Liêm	19/03/1998	867				
22	1624010946	Nguyễn Hồng	Liên	11/6/1998	868				
23	1724010381	Nguyễn Thị	Liên	5/7/1999	869				
24	1724010386	Đàm Khánh	Linh	17/05/1999	870				
25	1721060180	Đinh Mạnh	Linh	5/9/1999	871				
26	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	21/03/1998	872				
27	1724010162	Đỗ Thị Riệu	Linh	25/08/1999	873				
28	1721060521	Lưu Đức	Linh	22/09/1999	874				
29	1624010880	Mai Nguyễn Bảo	Linh	3/1/1998	875				
30	1724010082	Nguyễn Thị	Linh	20/12/1999	876				
31	1321030123	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4/1/1994	877				C1
32	1721050308	Nguyễn Thùy	Linh	14/11/1999	878				
33	1721060279	Phùng Bá	Linh	16/06/1999	879				
34	1421020441	Vũ Văn	Linh	2/4/1996	880				
35	1621060574	Lại Minh	Long	14/09/1998	881				
36	1721050378	Nguyễn Hữu	Long	11/12/1999	882				
37	1721030085	Nguyễn Hữu	Long	8/1/1999	883				
38	1321080474	Phạm Công	Long	21/12/1995	884				
39	1621050821	Phạm Văn	Long	31/10/1998	885				
40	1621050483	Trần Gia	Long	17/03/1998	886				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 005_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010466	Phạm Đình	Lộc	22/05/1998	887				
2	1621050496	Nguyễn Quý	Lợi	9/3/1998	888				
3	1321060555	Dương Minh	Lượng	10/9/1994	889				
4	1721070033	Dương Thị Hương	Ly	27/04/1999	890				
5	1621080096	Dương Ngọc	Mạnh	18/10/1997	891				C1
6	1721060227	Phan Đức	Mạnh	22/02/1999	892				
7	1421070385	Bùi Huy	Minh	7/7/1996	893				
8	1621050618	Dương Công	Minh	22/03/1998	894				
9	1721060222	Nguyễn Trung	Minh	24/03/1999	895				
10	1721060009	Nguyễn Văn	Minh	16/02/1999	896				
11	1421060181	Trần Bình	Minh	15/09/1996	897				
12	1621060408	Đặng Trung	Nam	22/01/1998	898				
13	1421060185	Đỗ Phương	Nam	27/01/1996	899				
14	1421080433	Dương Hoàng	Nam	31/08/1996	900				
15	1024010225	Phạm Hoài	Nam	21/05/1992	901				
16	1721060048	Phạm Văn	Nam	17/12/1999	902				
17	1321030736	Trịnh Đình	Nam	16/07/1995	903				C1
18	1624011039	Trần Thị Hằng	Nga	3/1/1998	904				
19	1621030252	Nguyễn Thị Thu	Ngân	6/1/1998	905				
20	1721050253	Nguyễn Kim	Nghĩa	11/2/1999	906				
21	1421020490	Phan Văn	Nghĩa	21/05/1996	907				
22	1721060509	Chu Thành	Ngọc	16/01/1999	908				
23	1421060194	Đỗ Thanh	Ngọc	3/6/1996	909				
24	1521050095	Đỗ Thị	Ngọc	25/08/1996	910				
25	1621070100	Nguyễn Thế	Ngọc	30/10/1998	911				C1
26	1624010587	Nguyễn Thị	Ngọc	1/5/1998	912				
27	1621050307	Nguyễn Tuấn	Ngọc	15/01/1998	913				
28	1621060692	Hoàng Văn	Nguyên	10/12/1998	914				
29	1721060241	Trần Tân	Nhật	8/12/1999	915				
30	1614010706	Lê Tâm	Như	3/11/1998	916				
31	1724010649	Đặng Hồng	Nhung	20/10/1999	917				
32	1624010663	Trần Thị Hồng	Nhung	22/08/1998	918				
33	1624010596	Vũ Hồng	Nhung	5/9/1998	919				
34	1421060203	Trịnh Văn	Ninh	13/07/1996	920				
35	1721050409	Lại Hồng	Phong	31/12/1999	921				
36	1721060131	Phạm Văn	Phong	1/3/1998	922				
37	1611060025	Nguyễn Lê Hữu	Phước	2/12/1998	923				
38	1621011049	Dương Thị	Phương	20/03/1998	924				
39	1621060090	Hoàng Xuân	Phương	7/2/1998	925				
40	1521060064	Mạc Duy	Phương	6/10/1997	926				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 006_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060529	Nguyễn Việt	Phương	5/7/1996	927				
2	1421060212	Phùng Thế	Phương	13/10/1996	928				
3	1421080331	Hoàng Thị Kim	Phượng	5/3/1996	929				
4	1624010193	Trần Thị	Phượng	4/4/1998	930				
5	1421020523	Bùi Ngọc	Quý	27/01/1994	931				
6	1621061100	Trần Xuân	Quý	13/09/1998	932				
7	1621060587	Vũ Huy	Quý	12/1/1998	933				
8	1621010339	Nguyễn Đỗ	Quyết	4/6/1998	934				
9	1621080155	Chu Diễm	Quỳnh	10/10/1998	935				
10	1621050862	Đặng Thị Xuân	Quỳnh	5/6/1998	936				
11	1121010268	Vũ Mạnh	Quỳnh	2/5/1993	937				C1
12	1721060026	Nguyễn Văn	Sang	17/09/1999	938				
13	1524010063	Nguyễn Thị	Soan	2/4/1997	939				C1
14	1621070055	Đào Văn	Sơn	3/2/1998	940				
15	1421020541	Hoàng Hồng	Sơn	27/06/1995	941				
16	1621040032	Nguyễn Chung	Sơn	26/06/1998	942				
17	1621070210	Nguyễn Hoàng	Sơn	4/7/1998	943				
18	1421050580	Nguyễn Minh	Sơn	21/03/1996	944				
19	1421030531	Nguyễn Văn	Sơn	8/10/1996	945				
20	1621061004	Trần Hồng	Sơn	1/8/1998	946				
21	1621050498	Vũ Linh	Sơn	9/5/1998	947				C1
22	1321040563	Trần Văn	Sử	12/4/1994	948				
23	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/1996	949				
24	1621060857	Hoàng Hữu	Sỹ	22/05/1998	950				
25	1621050460	Hoàng Văn	Tá	6/3/1998	951				
26	1721050171	Nguyễn Trọng	Tân	15/11/1999	952				
27	1721070061	Đoàn Mạnh	Tạo	19/03/1999	953				
28	1724010422	Phạm Thị	Thắm	24/06/1999	954				
29	1721060421	Lê Minh	Thắng	9/2/1999	955				C1
30	1421030559	Nguyễn Duy	Thắng	2/9/1996	956				
31	1411040055	Phùng Kim	Thắng	14/12/1996	957				C1
32	1721060090	Nguyễn Thắng	Thanh	15/03/1999	958				
33	1621070102	Hoàng Tiến	Thành	29/03/1998	959				C1
34	1621080142	Lưu Xuân	Thành	13/09/1998	960				
35	1621010181	Nguyễn Tuấn	Thành	22/01/1998	961				
36	1624010048	Đỗ Phương	Thảo	7/1/1998	962				
37	1721050881	Đoàn Thị Phương	Thảo	8/3/1999	963				
38	1421060259	Lê Quốc	Thê	2/10/1996	964				
39	1421080109	Nguyễn Đức	Thiện	17/06/1995	965				
40	1621050785	Nguyễn Văn	Thịnh	18/10/1998	966				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 007_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721060253	Phạm Quang	Thịnh	27/04/1999	967				
2	1621040130	Vũ Văn	Thịnh	22/08/1998	968				
3	1624010526	Nguyễn Thị	Thoa	3/2/1998	969				
4	1724010622	Nguyễn Thị	Thom	12/12/1999	970				
5	1521030317	Lê Đình	Thông	10/11/1997	971				
6	1621080135	Mai Thị	Thu	27/10/1998	972				
7	1421080378	Tào Thị	Thu	24/05/1996	973				
8	1724010134	Nguyễn Minh	Thư	21/04/1999	974				
9	1421060593	Mê Quang	Thương	30/10/1994	975				
10	1421060268	Đỗ Bá	Thường	21/04/1991	976				
11	1724010062	Hoàng Thị	Thúy	8/6/1999	977				
12	1624010665	Lã Thị	Thúy	9/5/1998	978				
13	1724010408	Vũ Thị Minh	Thúy	11/4/1999	979				
14	1721060011	Đinh Hồng	Tiến	3/6/1999	980				
15	1721060425	Nguyễn Ngọc	Tiến	8/10/1999	981				C1
16	1621030724	Bùi Nguyễn Thu	Trang	21/09/1998	982				C1
17	1724010558	Bùi Thị Huyền	Trang	12/4/1999	983				
18	1621020016	Đỗ Thu	Trang	19/08/1998	984				
19	1624010475	Lê Thị	Trang	16/10/1998	985				
20	1724010032	Lê Thị Thu	Trang	13/03/1999	986				
21	1724010446	Lưu Thị Minh	Trang	16/04/1999	987				
22	1724010152	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/06/1999	988				
23	1624010694	Dư Thị	Trình	26/01/1998	989				
24	1421050667	Cao Văn	Trung	12/6/1995	990				C1
25	1321050759	Nguyễn Nam	Trung	23/04/1995	991				
26	1621070191	Nguyễn Văn	Trung	15/09/1998	992				
27	1421080405	Nguyễn Xuân	Trung	16/01/1996	993				
28	1421080406	Đặng Phúc	Trường	31/10/1996	994				C1
29	1721050381	Dương Nam	Trường	22/05/1999	995				
30	1721050084	Phạm Xuân	Trường	1/5/1999	996				C1
31	1421060286	Đậu Văn	Tú	19/09/1996	997				
32	1721050200	Nguyễn Anh	Tú	20/05/1999	998				C1
33	1724010153	Nguyễn Văn	Tú	9/11/1998	999				
34	1421030602	Phùng Anh	Tú	29/07/1994	1000				C1
35	1421060311	Nguyễn Duy	Tư	15/01/1995	1001				
36	1721040091	Trần Văn	Tư	18/11/1999	1002				
37	1221020529	Trần Minh	Tuân	2/7/1994	1003				C1
38	1421020664	Trần Anh	Tuấn	24/02/1996	1004				
39	1621010017	Ngô Hoàng	Tùng	5/9/1998	1005				
40	1621070221	Nguyễn Đức	Tùng	14/06/1998	1006				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300111 Nhóm: 2_4300111 Tổ thi: 007_2_4300111 Tên HP: Đường lối quân sự của Đảng
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421060302	Nguyễn Thế	Tùng	4/4/1996	1007				
42	1421020677	Trần Khắc	Tùng	13/08/1996	1008				
43	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/3/1998	1009				
44	1421020679	Vũ Thanh	Tùng	2/10/1996	1010				
45	1724010378	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30/06/1999	1011				
46	1614010022	Phan Thị	Tuyết	6/11/1998	1012				
47	1724010588	Hoàng Thị Thu	Uyên	8/2/1999	1013				
48	1724010452	Nguyễn Thị	Vân	12/2/1999	1014				C1
49	1421060313	Nguyễn Đức	Vấn	7/7/1996	1015				
50	1611040015	Nguyễn Bắc	Vũ	12/9/1998	1016				
51	1624010589	Võ Thị	Vui	20/04/1998	1017				
52	1624010773	Chữ Thị Thanh	Xuân	13/04/1998	1018				
53	1721050250	Nguyễn Đức	Xuân	13/02/1999	1019				
54	1621050610	Trần Thị Lệ	Xuân	1/2/1998	1020				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 2_4010101 Tổ thi: 001_2_4010101 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030117	Nguyễn Mai Trường	An	16/06/1997	1021				
2	1521060240	Chu Đức	Anh	10/9/1997	1022				
3	1521070052	Lê Xuân	Anh	24/10/1997	1023				C1
4	1521040120	Lương Thị Lan	Anh	1/1/1997	1024				
5	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	1025				C1
6	1521020077	Nguyễn Tuấn	Anh	14/02/1997	1026				
7	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	1027				
8	1721030151	Trần Nguyễn Thảo	Anh		1028				C1
9	1521060056	Vũ Đức	Bình	23/09/1997	1029				
10	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/1997	1030				
11	1521030106	Lê Gia	Chí	14/08/1997	1031				
12	1421060029	Lê Bá	Chiến	17/03/1993	1032				
13	1621060682	Nguyễn Văn	Chương	20/03/1998	1033				
14	1411040007	Hà Văn	Công	30/04/1992	1034				
15	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/5/1994	1035				C1
16	1321040436	Nguyễn Thiện	Cường	10/11/1995	1036				
17	1521020152	Lê Quang	Đại	8/1/1997	1037				
18	1731020001	Phạm Xuân	Đăng	7/12/1995	1038				
19	1621030043	Trần Văn	Danh	2/10/1998	1039				C1
20	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	1040				
21	1731070031	Nguyễn Thành	Đạt	17/05/1993	1041				
22	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	5/6/1997	1042				
23	1521060036	Nguyễn Tiến	Đạt	8/12/1997	1043				
24	1521020159	Đỗ Minh	Đông	13/01/1997	1044				
25	1421070241	Ninh Duy	Đồng	13/10/1995	1045				
26	1421020306	Nguyễn Minh	Đức	25/11/1994	1046				
27	1621040715	Phạm Hồng	Đức	8/9/1998	1047				
28	1521050253	Trần Thị	Dung	3/2/1995	1048				
29	1421050317	Lê Tiến	Dũng	13/01/1996	1049				
30	1421060050	Nguyễn Tiến	Dũng	1/4/1996	1050				
31	1521010800	Đinh Tùng	Dương	6/6/1995	1051				
32	1321030487	Hoàng Đại	Dương	29/11/1995	1052				C1
33	1521040034	Phạm Lê Quang	Dương	14/02/1997	1053				C1
34	1521040228	Phạm Tiến	Duyệt	21/10/1997	1054				
35	1731020002	Đinh Đức	Hải	5/3/1993	1055				
36	1521020184	Nguyễn Đức	Hải	2/5/1997	1056				
37	1521020185	Nguyễn Nam	Hải	15/12/1997	1057				
38	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	5/1/1997	1058				
39	1321060100	Nguyễn Thanh	Hải	17/10/1995	1059				
40	1421060098	Đặng Ngọc	Hiệp	21/10/1996	1060				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 2_4010101 Tổ thi: 002_2_4010101 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040109	Lê Khánh	Hiếu	7/6/1996	1061				
2	1621060860	Ngô Thanh	Hiếu	19/12/1998	1062				C1
3	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/1997	1063				
4	1421070291	Nguyễn Cao	Hóa	28/01/1996	1064				
5	1521060115	Nguyễn Tiến	Huân	20/11/1996	1065				
6	1621040027	Lê Mạnh	Hùng	19/09/1998	1066				
7	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	9/9/1997	1067				
8	1511030008	Tạ Tuấn	Hưng	11/12/1997	1068				
9	1521020094	Trần Quang	Hữu	1/8/1997	1069				
10	1421070054	Đỗ Quang	Huy	22/11/1996	1070				
11	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	1071				C1
12	1621030196	Nguyễn Đức	Huy	11/5/1998	1072				
13	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/2/1996	1073				
14	1521050201	Bùi Văn	Huyền	10/12/1997	1074				
15	1421060137	Lê Thạc	Huỳnh	20/04/1996	1075				
16	1421050100	Lê Kế	Kiên	27/11/1996	1076				
17	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	1077				
18	1731060001	Ngô Văn	Lăng	19/09/1994	1078				
19	1521010018	Nguyễn Thị	Liên	25/05/1997	1079				
20	1521050206	Hà Văn	Linh	11/11/1996	1080				
21	1421070361	Nguyễn Tùng	Linh	18/11/1996	1081				
22	1721010048	Hoàng Văn	Long	29/01/1999	1082				C1
23	1521060400	Nguyễn Đặng	Long	20/03/1997	1083				
24	1321060550	Phạm Văn	Long	1/4/1995	1084				
25	1521070104	Lý Văn	Luân	16/08/1997	1085				
26	1731020031	Trần Văn	Luật	11/8/1993	1086				
27	1721060236	Bùi Văn	Lưỡng	1/7/1999	1087				
28	1521020253	Nguyễn Thọ	Lượng	6/5/1997	1088				
29	1521040070	Trần Khánh	Ly	11/9/1997	1089				
30	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Ly	20/04/1997	1090				
31	1521050251	Vũ Thu	Ly	1/3/1997	1091				
32	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/1997	1092				
33	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	1093				
34	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	6/9/1997	1094				C1
35	1421020475	Nguyễn Đỗ	Muội	2/6/1996	1095				C1
36	1521060357	Nguyễn Hoàng	Nam	8/11/1997	1096				C1
37	1521050039	Phạm Văn	Nam	21/05/1996	1097				
38	1621050637	Quách Hoàng	Nam	1/4/1998	1098				C1
39	1311070027	Lê Văn	Năng	9/10/1994	1099				
40	1521050207	Đặng Anh	Quân	6/7/1997	1100				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 2_4010101 Tổ thi: 003_2_4010101 Tên HP: Đại số

Ngày thi: **6/8/2018**

Phòng thi: **HNAA208**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1731020005	Lê Đình	Quân	8/6/1996	1101				
2	1521040003	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/12/1997	1102				
3	1421050573	Bùi Nam	Sơn	7/11/1995	1103				
4	1421030800	Ngô Trung	Sơn	14/05/1996	1104				
5	1521040294	Nguyễn Hồng	Sơn	26/08/1997	1105				C1
6	1621060430	Phạm Minh	Sơn	25/09/1998	1106				C1
7	1621050838	Nguyễn Thành	Thái	21/10/1995	1107				
8	1411040069	Hoàng Anh	Thắng	8/4/1995	1108				
9	1421070468	Lê Hữu	Thắng	9/8/1995	1109				
10	1621010176	Nguyễn Hữu	Thắng	6/8/1998	1110				
11	1421070111	Hoàng Văn	Thanh	19/09/1996	1111				C1
12	1421060248	Vũ Hồng	Thanh	13/12/1996	1112				
13	1521030070	Phùng Bá	Thành	27/10/1997	1113				
14	1421040263	Phạm Thị Thanh	Thảo	5/4/1996	1114				
15	1321030218	Nguyễn Đức	Thịnh	12/4/1995	1115				
16	1621050573	Trần Đức	Thịnh	10/3/1998	1116				
17	1521040117	Nguyễn Tri	Thức	5/8/1997	1117				
18	1521020314	Đỗ Tất	Thường	15/02/1997	1118				
19	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	1119				
20	1511020005	Nguyễn Trọng	Toàn	7/10/1997	1120				
21	1421070490	Nguyễn Thành	Tông	7/6/1996	1121				
22	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	2/3/1997	1122				
23	1521080002	Nguyễn Khắc	Trung	4/2/1997	1123				
24	1421070129	Trần Hoàng	Trung	31/12/1996	1124				
25	1321060652	Dương Trọng	Trường	8/4/1995	1125				
26	1521020327	Phạm Văn	Trường	6/4/1997	1126				
27	1521020045	Trần Quang	Trường	17/02/1997	1127				
28	1421040311	Đình Quốc	Trường	17/02/1996	1128				
29	1421070512	Nguyễn Hữu	Tú	10/1/1996	1129				
30	1521020076	Phạm Văn	Tú	9/5/1997	1130				
31	1521020390	Đặng Văn	Tuấn	1/8/1993	1131				
32	1521050113	Huỳnh Anh	Tuấn	19/12/1997	1132				C1
33	1731070030	Lê Anh	Tuấn	19/05/1996	1133				
34	1421030226	Phạm Văn	Tuấn	1/4/1996	1134				
35	1421020668	Cao Xuân	Tùng	23/05/1996	1135				
36	1421060304	Trần Kế Thanh	Tùng	30/06/1995	1136				
37	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/1997	1137				
38	1521010145	Phạm Thị	Tươi	20/09/1997	1138				C1
39	1521020086	Lê Thanh	Tuyến	13/07/1997	1139				
40	1521010112	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997	1140				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010101 Nhóm: 2_4010101 Tổ thi: 003_2_4010101 Tên HP: Đại số
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040007	Đặng Quang	Vinh	4/5/1997	1141				
42	1521020096	Vũ Trọng	Xuyên	17/10/1997	1142				
43	1521040002	Đặng Hưng	Yên	30/08/1997	1143				
44	1521050116	Nguyễn Thị	Yên	19/07/1997	1144				C1

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số tờ: Tổng số bài: Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 2_4010401 Tổ thi: 001_2_4010401 Tên HP: Hình học họa hình
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621020014	Kim Việt	Anh	12/12/1998	1145				C1
2	1521070057	Nguyễn Văn Đức	Anh	11/5/1997	1146				C1
3	1521070423	Trần Hoàng	Anh	3/4/1997	1147				
4	1421060019	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/1996	1148				
5	1521010187	Nguyễn Việt	Chiến	23/10/1997	1149				
6	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	1150				
7	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/1996	1151				
8	1621040114	Trần Quốc	Cường	16/03/1998	1152				C1
9	1621060771	Phạm Văn	Đạt	9/1/1998	1153				
10	1721040090	Ma Văn	Duân	8/10/1997	1154				C1
11	1421040078	Đoàn Lộc	Đức	27/01/1996	1155				C1
12	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	1156				
13	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	1157				
14	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	1158				C1
15	1321020456	Đỗ Mạnh	Dũng	17/10/1995	1159				C1
16	1621060666	Đỗ Mạnh	Dũng	25/12/1998	1160				
17	1521010314	Thái Bình	Dương	29/01/1997	1161				
18	1521040049	Trương Lê	Duy	3/11/1997	1162				
19	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	1163				
20	1221040078	Ngô Hồng	Hải	26/11/1994	1164				
21	1621060835	Trần Ngọc	Hải	17/08/1997	1165				C1
22	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	1166				
23	1521040040	Nguyễn Hoàng	Hiệp	9/8/1997	1167				
24	1421060105	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/1996	1168				
25	1421040115	Bùi Văn	Hoàn	15/02/1996	1169				
26	1621060804	Phạm Minh	Hoàng	1/12/1998	1170				
27	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	29/04/1998	1171				
28	1521010137	Đỗ Văn	Hưng	21/01/1997	1172				
29	1621060809	Chu Quang	Huy	27/08/1998	1173				
30	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/1997	1174				
31	1621060911	Trần Minh	Huy	1/9/1998	1175				
32	1621010018	Nguyễn Trọng	Huỳnh	24/10/1997	1176				
33	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	1177				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010401 Nhóm: 2_4010401 Tổ thi: 002_2_4010401 Tên HP: Hình học họa hình
Ngày thi: **6/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010090	Vũ Thùy	Linh	5/6/1997	1178				
2	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	1179				
3	1421010185	Hà Minh	Long	12/11/1996	1180				
4	1521010035	Tô Hạ	Long	2/9/1997	1181				
5	1621070049	Bùi Đức	Mạnh	14/06/1998	1182				C1
6	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	1/10/1996	1183				
7	1521040343	Đinh Dũng	Minh	1/12/1997	1184				
8	1621020706	Hoàng Duy	Nam	3/6/1998	1185				
9	1621060603	Lê Ngọc	Nam	4/8/1998	1186				
10	1621070712	Trịnh Bá	Phi	9/2/1998	1187				
11	1621060594	Trần Đăng	Phong	9/3/1998	1188				C1
12	1521020032	Đinh Văn	Phúc	24/05/1997	1189				
13	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	1190				
14	1621070015	Hoàng Văn	Quý	1/1/1998	1191				
15	1611040009	Nguyễn Trường	Sơn	29/09/1998	1192				
16	1521040075	Nguyễn Văn	Sơn	8/3/1997	1193				
17	1721060434	Tạ Thanh	Sơn	26/03/1999	1194				
18	1521040073	Phạm Tiên	Sỹ	13/08/1997	1195				C1
19	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/1996	1196				C1
20	1701044036	Nguyễn Quốc	Thái	25/10/1974	1197				
21	1621010383	Đinh Tiến	Thành	24/09/1997	1198				C1
22	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/1992	1199				
23	1721060374	Thân Chí	Thành	21/10/1999	1200				C1
24	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	1201				
25	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/1997	1202				
26	1721060443	Lưu Đức	Thọ	16/07/1999	1203				
27	1521070376	Vũ Văn	Tiến	5/12/1996	1204				
28	1621060820	Đào Văn	Trọng	20/05/1998	1205				
29	1221020166	Vũ Văn	Trường	21/09/1994	1206				
30	1421011398	Đinh Sỹ	Tuấn	19/01/1996	1207				
31	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	5/6/1997	1208				
32	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	1209				
33	1621060677	Trần Anh	Tuấn	10/3/1998	1210				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 2_4010202 Tổ thi: 001_2_4010202 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030114	Phạm Xuân	An	17/06/1997	1211				
2	1421020002	Bùi Quang	Anh	31/03/1996	1212				
3	1621060222	Đỗ Hữu	Anh	9/3/1998	1213				
4	1421030243	Đỗ Tuấn	Anh	10/8/1996	1214				
5	1521080294	Lê Tú	Anh	12/6/1997	1215				
6	1321050004	Nguyễn Bảo	Anh	21/05/1995	1216				C1
7	1521070040	Nguyễn Mạnh	Anh	7/6/1997	1217				C1
8	1521010008	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1997	1218				C1
9	1321030419	Trần Thế	Anh	19/09/1995	1219				
10	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	1220				
11	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/1996	1221				
12	1421050290	Nguyễn Đình	Châu	30/01/1996	1222				
13	1411050007	Lê Đình	Chí	30/08/1995	1223				
14	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	1224				
15	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	1225				
16	1521030010	Đặng Hữu	Chủ	6/11/1997	1226				
17	1521030112	Nguyễn Thành	Công	16/07/1997	1227				C1
18	1321050029	Phạm Ngô Anh	Cương	27/06/1995	1228				
19	1621060643	Cao Văn	Đạt	23/03/1998	1229				C1
20	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	1230				
21	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	1231				C1
22	1321060468	Lê Huỳnh	Đức	17/09/1994	1232				C1
23	1421050357	Lê Minh	Đức	29/07/1995	1233				
24	1321020455	Bùi Thế	Dũng	28/07/1995	1234				
25	1621060666	Đỗ Mạnh	Dũng	25/12/1998	1235				
26	1721010157	Nguyễn Văn	Dũng	28/10/1999	1236				C1
27	1421080020	Trần Thị Thùy	Dương	23/10/1996	1237				
28	1421030036	Trần Tùng	Dương	17/10/1996	1238				
29	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	1239				C1
30	1621050275	Hoàng Thị Hồng	Gấm	25/11/1998	1240				
31	1421020044	Đoàn Thanh	Giang	19/12/1996	1241				C1
32	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	1242				
33	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/1996	1243				C1
34	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	1244				
35	1521060251	Đinh Sơn	Hà	12/10/1997	1245				
36	1521080128	Nguyễn Thị Kim	Hà	19/03/1997	1246				
37	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	1247				
38	1731020002	Đinh Đức	Hải	5/3/1993	1248				
39	1221040078	Ngô Hồng	Hải	26/11/1994	1249				
40	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/2/1998	1250				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 2_4010202 Tổ thi: 002_2_4010202 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010440	Trần Tuấn	Hiền	13/10/1997	1251				
2	1421030065	Trịnh Thanh	Hiện	25/09/1996	1252				
3	1621050101	Phạm Doãn	Hiệp	10/10/1998	1253				C1
4	1421040108	Dương Minh	Hiếu	1/3/1996	1254				
5	1621060022	Mã Văn	Hiếu	13/03/1998	1255				
6	1521060186	Vũ Đình	Hiếu	18/01/1997	1256				
7	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	1257				
8	1421060111	Phạm Công	Hoàn	21/02/1996	1258				
9	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/1996	1259				
10	1621050404	Lê Việt	Hoàng	27/12/1998	1260				
11	1721050260	Nguyễn Phi	Hoàng	14/11/1999	1261				
12	1621060955	Cao Việt	Hùng	26/12/1998	1262				
13	1621050181	Lê Huy	Hùng	13/12/1997	1263				
14	1521010036	Lê Mạnh	Hùng	28/02/1997	1264				C1
15	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/1997	1265				C1
16	1521080164	Trần Nhật	Hùng	30/10/1997	1266				
17	1621050369	Đỗ Mạnh	Hưng	29/09/1998	1267				
18	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	9/9/1997	1268				
19	1721040070	Phạm Văn	Hưng	4/9/1999	1269				C1
20	1521060280	Nguyễn Bá	Hùng	2/6/1996	1270				
21	1621010165	Trần Thanh	Huyền	26/01/1998	1271				C1
22	1621010902	Mey	Kadun	23/06/1997	1272				C1
23	1421050097	Phan Anh	Khánh	2/8/1996	1273				
24	1521050242	Trần Hoàng	Khánh	11/10/1996	1274				
25	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	1275				
26	1621060668	Đỗ Trung	Kiên	31/07/1998	1276				
27	1621070016	Phan Thanh	Lam	27/12/1998	1277				C1
28	1421030427	Đặng Xuân	Linh	12/9/1995	1278				
29	1521030255	Dương Thị Thùy	Linh	3/7/1997	1279				
30	1421050477	Lê Doãn	Linh	4/11/1996	1280				
31	1721060521	Lưu Đức	Linh	22/09/1999	1281				
32	1521060071	Nguyễn Mạnh	Linh	23/06/1997	1282				
33	1721050308	Nguyễn Thùy	Linh	14/11/1999	1283				
34	1524010090	Vũ Thùy	Linh	5/6/1997	1284				
35	1421080274	Nguyễn Hồng	Lĩnh	5/10/1996	1285				
36	1421050116	Nguyễn Tiến	Lộc	15/02/1996	1286				
37	1521010374	Nguyễn Hoàng	Long	6/8/1997	1287				
38	1421020092	Nguyễn Nhật	Long	8/8/1996	1288				
39	1421040174	Chữ Viết	Luận	12/12/1996	1289				
40	1731020031	Trần Văn	Luật	11/8/1993	1290				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 2_4010202 Tổ thi: 003_2_4010202 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060636	Lê Đức	Lương	5/10/1998	1291				
2	1421010195	Bùi Văn	Mạnh	4/12/1996	1292				
3	1521020046	Nguyễn Khắc	Mạnh	8/4/1997	1293				
4	1421050126	Nguyễn Tiến	Mạnh	12/12/1996	1294				
5	1421060175	Bùi Anh	Minh	25/12/1996	1295				
6	1621050208	Nguyễn Bình	Minh	20/02/1998	1296				
7	1521030268	Nguyễn Đức	Minh	27/08/1997	1297				
8	1721060009	Nguyễn Văn	Minh	16/02/1999	1298				
9	1621061083	Phạm Văn	Minh	19/06/1998	1299				
10	1521020043	Trần Văn	Minh	16/05/1997	1300				
11	1621060603	Lê Ngọc	Nam	4/8/1998	1301				
12	1421030139	Nguyễn Văn	Nam	15/11/1996	1302				
13	1621060550	Phạm Viết	Nam	11/2/1998	1303				
14	1421050136	Trịnh Văn	Nam	25/08/1996	1304				
15	1521030095	Nguyễn Thị Hằng	Nga	19/10/1997	1305				
16	1421020490	Phan Văn	Nghĩa	21/05/1996	1306				
17	1421050526	Cung Hùng	Ngọc	8/8/1996	1307				
18	1621080717	Đặng Thị Bích	Ngọc	13/03/1998	1308				
19	1421030475	Nguyễn Hữu	Ngọc	9/9/1996	1309				
20	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	7/12/1994	1310				
21	1621010310	Lê Văn	Nhân	15/10/1998	1311				
22	1521050274	Nguyễn Đức	Nhật	12/10/1997	1312				
23	1621080146	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/10/1998	1313				
24	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	3/11/1996	1314				C1
25	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/1997	1315				
26	1721060131	Phạm Văn	Phong	1/3/1998	1316				
27	1521070079	Đỗ Đức	Phú	5/3/1997	1317				
28	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/1996	1318				
29	1721060179	Đoàn Hồng	Phương	13/03/1999	1319				
30	1731020004	Nguyễn Thị	Phương	15/07/1995	1320				
31	1521050139	Nguyễn Văn	Quân	18/11/1997	1321				
32	1521010437	Phạm Hồng	Quân	10/2/1996	1322				C1
33	1421060532	Đỗ Thanh	Quang	12/6/1996	1323				
34	1421050157	Nguyễn Thế	Quang	6/12/1996	1324				C1
35	1621060982	Trần Anh	Quang	13/08/1998	1325				
36	1521070332	Trần Văn	Quang	19/06/1997	1326				C1
37	1521060281	Phạm Thế	Quý	29/09/1997	1327				
38	1421060218	Trần Minh	Quý	20/11/1996	1328				C1
39	1621061100	Trần Xuân	Quý	13/09/1998	1329				
40	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	5/2/1994	1330				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 2_4010202 Tổ thi: 004_2_4010202 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030053	Nguyễn Tiến	Sĩ	10/10/1997	1331				C1
2	1621060080	Nguyễn Hồng	Son	13/08/1998	1332				
3	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/1996	1333				C1
4	1421030170	Đoàn Anh	Tài	10/10/1995	1334				
5	1621060224	Nguyễn Thị	Tâm	19/12/1998	1335				
6	1521030066	Nguyễn Kim	Tân	9/7/1995	1336				
7	1621060561	Hoàng Hồng	Thái	6/3/1998	1337				
8	1421060245	Lê Chung	Thái	4/5/1996	1338				
9	1701044036	Nguyễn Quốc	Thái	25/10/1974	1339				
10	1521070086	Vương Đình	Thắng	11/1/1997	1340				C1
11	1721040027	Nguyễn Công	Thành	15/08/1999	1341				
12	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	6/6/1996	1342				
13	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	1/8/1997	1343				
14	1521040132	Hoàng Văn	Thiện	2/4/1997	1344				
15	1421060262	Đỗ Đức	Thịnh	13/10/1996	1345				
16	1521070064	Đoàn Văn	Thịnh	4/9/1997	1346				
17	1421040524	Lê Xuân	Thuần	10/3/1995	1347				C1
18	1621060405	Phạm Văn	Thuật	7/4/1997	1348				
19	1521080261	Đặng Thị	Thúy	12/3/1997	1349				
20	1421040282	Vũ Đình	Thuyết	7/10/1996	1350				
21	1621060880	Phạm Minh	Tiến	25/03/1998	1351				
22	1421050209	Nguyễn Đức	Tiếp	16/10/1996	1352				C1
23	1221050417	Nguyễn Quốc	Toàn	1/9/1988	1353				
24	1521040142	Đỗ Thị Huyền	Trang	2/3/1997	1354				
25	1521080028	Phạm Thị Ngọc	Trang	11/3/1997	1355				
26	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	1356				
27	1221020159	Phạm Đức	Trọng	9/9/1994	1357				C1
28	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	1358				
29	1421080405	Nguyễn Xuân	Trung	16/01/1996	1359				
30	1421020643	Phạm Ngọc	Trường	23/06/1996	1360				C1
31	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/1996	1361				
32	1621060526	Lê Văn	Trường	4/2/1998	1362				
33	1621070121	Nguyễn Văn	Trường	13/11/1998	1363				
34	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	1364				
35	1421060287	Mai Văn	Tú	15/12/1996	1365				
36	1521060460	Chu Quang	Tuấn	4/7/1997	1366				C1
37	1321030948	Nguyễn Trọng	Tuấn	19/02/1995	1367				C1
38	1421060304	Trần Kế Thanh	Tùng	30/06/1995	1368				
39	1521050510	Trần Công	Tường	24/10/1997	1369				
40	1521050133	Đỗ Thành	Tuyên	17/05/1997	1370				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010202 Nhóm: 2_4010202 Tổ thi: 004_2_4010202 Tên HP: Vật lý đại cương A2 + TN
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/9/1997	1371				
42	1721010030	Phan Xuân	Việt	16/01/1999	1372				
43	1621060083	Lại Văn	Vũ	11/8/1998	1373				
44	1621060631	Nguyễn An	Vũ	21/11/1998	1374				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 2_4010403 Tổ thi: 001_2_4010403 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **7/8/2018**

Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321030016	Lê Việt	Bách	22/10/1994	1375				C1
2	1421050020	Trần Thị	Cảnh	2/10/1996	1376				
3	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/5/1994	1377				C1
4	1521020362	Đàm Xuân	Đạt	17/02/1997	1378				
5	1621060412	Đỗ Thành	Đạt	29/01/1998	1379				
6	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	1380				
7	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	1381				
8	1321020063	Nguyễn Tiến	Đạt	13/03/1995	1382				C1
9	1421040399	Đỗ Quang	Đoài	9/4/1995	1383				C1
10	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	1384				
11	1521060216	Lê Minh	Đức	19/03/1997	1385				
12	1421050052	Trần Văn	Đức	11/8/1996	1386				
13	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	1387				
14	1321070038	Nguyễn Sỹ	Dương	19/01/1995	1388				
15	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	1389				
16	1521040228	Phạm Tiến	Duyệt	21/10/1997	1390				
17	1521070236	Đặng Quang	Giang	3/1/1997	1391				
18	1421060085	Nguyễn Trường	Giang	1/4/1996	1392				C1
19	1621060122	Nguyễn Công	Hiệp	17/12/1998	1393				
20	1521070012	Hoàng Minh	Hiếu	26/07/1997	1394				
21	1321070078	Trần Trọng Huy	Hoàng	29/01/1995	1395				
22	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	1396				
23	1421060126	Lương Văn	Hùng	7/10/1996	1397				
24	1521070058	Nguyễn Văn	Hùng	10/1/1997	1398				C1
25	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	1399				
26	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	1400				
27	1621050900	Biasavanh	INTHICHA	25/08/1997	1401				
28	1521050405	Hạ Đức	Kiên	12/5/1997	1402				
29	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	1403				
30	1421020089	Đào Trọng Ngọc	Long	17/12/1995	1404				
31	1621060162	Hoàng Phúc	Long	6/11/1995	1405				C1
32	1521060400	Nguyễn Đặng	Long	20/03/1997	1406				
33	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	1407				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010403 Nhóm: 2_4010403 Tổ thi: 002_2_4010403 Tên HP: Autocad + TH

Ngày thi: **7/8/2018**

Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070124	Hồ Văn	Lộc	2/5/1997	1408				
2	1421060162	Ngô Đức	Lộc	1/7/1996	1409				
3	1421060165	Dương Viết	Mạnh	15/06/1996	1410				
4	1421070085	Phùng Văn	Miên	7/1/1996	1411				
5	1621060979	Nguyễn Anh	Mười	6/4/1998	1412				
6	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	4/2/1997	1413				C1
7	1621060156	Vũ Văn	Nam	18/03/1998	1414				
8	1421050529	Nguyễn Minh	Ngọc	5/8/1995	1415				C1
9	1521060061	Lê Văn	Nhân	22/08/1997	1416				
10	1221070115	Trần Tuấn	Phong	20/11/1994	1417				
11	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/1997	1418				
12	1421070099	Bùi Hải	Quân	17/02/1996	1419				C1
13	1321030800	Trần Xuân	Quý	27/02/1991	1420				
14	1421010273	Hoàng Văn	Quyền	6/8/1996	1421				C1
15	1421020132	Phạm Văn	Quyền	6/10/1996	1422				C1
16	1421060221	Trần Văn	Quyết	13/08/1996	1423				C1
17	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/1997	1424				
18	1421011296	Nguyễn Hồng	Sơn	29/03/1996	1425				
19	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/1995	1426				
20	1731060003	Tô Minh	Thái	26/11/1996	1427				
21	1721050058	Nguyễn Công	Tín	17/10/1998	1428				C1
22	1421010340	Đinh Đức	Toàn	2/5/1996	1429				
23	1521080324	Lê Thị Thùy	Trang	31/12/1997	1430				
24	1421060602	Dương Thành	Trung	7/8/1995	1431				
25	1521020325	Nguyễn Quang	Trường	6/12/1997	1432				
26	1421060283	Trần Xuân	Trường	24/12/1996	1433				
27	1421060288	Vũ Anh	Tú	24/10/1995	1434				
28	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	1435				
29	1521080365	Phạm Thanh	Tùng	4/2/1997	1436				
30	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/1996	1437				
31	1321040325	Phạm Văn	Tuyến	20/11/1995	1438				
32	1521080330	Nguyễn Thị	Yến	3/10/1996	1439				
33	1521080292	Phạm Thị Hải	Yến	21/06/1997	1440				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070102 Nhóm: 2_4070102 Tổ thi: 001_2_4070102 Tên HP: Kinh tế vĩ mô
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010770	Bùi Thị Vân	Anh	29/05/1998	1441				
2	1624010338	Phạm Đức	Cảnh	28/12/1993	1442				
3	1421030012	Lê Ngọc	Châu	4/11/1995	1443				C1
4	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/3/1997	1444				
5	1621030265	Tạ Thùy	Dương	28/03/1998	1445				
6	1621050876	Dương Thị Ngân	Hà	11/2/1998	1446				
7	1521050056	Cồ Thị	Hạnh	4/8/1997	1447				
8	1721030187	Đào Thu	Hiền	30/03/1999	1448				
9	1724010423	Lương Thị Bích	Hồng	16/11/1999	1449				
10	1624010542	Công Thị	Huyền	19/03/1998	1450				
11	1524010086	Nguyễn Đăng	Minh	25/02/1996	1451				
12	1521030125	Nguyễn Trọng	Nghĩa	2/8/1997	1452				
13	1624010599	Nguyễn Anh	Ngọc	30/11/1998	1453				
14	1624010754	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	7/10/1998	1454				
15	1724010233	Ứng Bảo	Nhi	22/10/1999	1455				C1
16	1524010278	Lương Thị Nhâm	Oanh	26/09/1997	1456				
17	1724010124	Nguyễn Văn	Sâm	22/01/1999	1457				
18	1524010215	Nguyễn Đức Xuân	Thịnh	22/09/1997	1458				
19	1621030245	Phan Thị	Thủy	23/12/1998	1459				
20	1724010446	Lưu Thị Minh	Trang	16/04/1999	1460				
21	1624010519	Nguyễn Thị Huyền	Trang	2/8/1998	1461				
22	1624010733	Phan Việt	Trinh	25/10/1998	1462				C1
23	1624010930	Lê Quang	Trung	27/10/1998	1463				
24	1524010244	Nguyễn Hoàng	Trung	17/01/1997	1464				
25	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	1465				C1
26	1624010561	Lương Minh	Tú	7/6/1998	1466				
27	1524010261	Trần Anh	Tú	13/05/1996	1467				C1
28	1524010025	Lương Xuân	Vĩnh	10/1/1997	1468				
29	1724010344	Hoàng Thị	Xuân	8/4/1999	1469				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070414 Nhóm: 2_4070414 Tổ thi: 001_2_4070414 Tên HP: Thị trường chứng khoán
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010944	Nguyễn Thị Mai	Anh	14/06/1997	1470				
2	1524010376	Lê Quang	Cường	22/12/1997	1471				
3	1524010028	Nguyễn Xuân	Đạt	3/6/1997	1472				
4	1524010017	Đỗ Mạnh	Đức	5/12/1997	1473				
5	1524010043	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/10/1996	1474				
6	1624010980	Đỗ Thị	Hà	16/06/1998	1475				
7	1524010171	Phạm Thị Thu	Hà	10/7/1996	1476				
8	1524010114	Vũ Quý	Hoàn	9/3/1997	1477				C1
9	1421020378	Lâm Thị	Huệ	7/7/1996	1478				
10	1624010711	Nguyễn Thị Thu	Hương	5/2/1998	1479				
11	1624010867	Phí Thị Lan	Hương	23/10/1998	1480				
12	1524010258	Mai Quang	Khải	29/10/1997	1481				
13	1624010644	Trần Sỹ	Liêm	12/3/1998	1482				
14	1524010091	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/12/1997	1483				C1
15	1624010466	Phạm Đình	Lộc	22/05/1998	1484				
16	1524010006	Nguyễn Phú	Lợi	20/10/1997	1485				C1
17	1524010182	Nguyễn Hải	Long	29/12/1997	1486				
18	1624010492	Nguyễn Thị	Luyên	17/02/1998	1487				
19	1624010628	Trịnh Thị Hương	Ly	8/3/1998	1488				
20	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	2/7/1998	1489				
21	1524010023	Nguyễn Thị	Ngân	24/05/1996	1490				C1
22	1624010713	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	24/02/1998	1491				
23	1624010689	Dương Thị Cẩm	Nhung	11/1/1998	1492				
24	1524010206	Nguyễn Thị Ngọc	Ninh	31/12/1996	1493				
25	1524010009	Trương Ngọc	Phú	12/5/1997	1494				
26	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	1495				C1
27	1624010652	Mai Thị Hương	Quỳnh	7/7/1998	1496				
28	1524010506	Chu Phương	Thắng	26/11/1997	1497				
29	1624010722	Nguyễn Đức	Thắng	21/09/1998	1498				
30	1521030310	Bê Tiến	Thành	24/01/1997	1499				
31	1624010623	Nguyễn Trí	Thành	6/11/1998	1500				
32	1524010034	Đặng Thị	Thúy	30/08/1997	1501				
33	1624010513	Hồ Thị	Thủy	6/5/1997	1502				
34	1521080263	Lưu Thị Thu	Thủy	30/10/1997	1503				
35	1624010906	Vũ Thị	Thủy	22/12/1998	1504				
36	1524010306	Nguyễn Thị Hồng	Trang	24/11/1997	1505				C1
37	1524010061	Nông Thị Thu	Trang	14/08/1997	1506				
38	1421020624	Vũ Thị Hồng	Trang	10/5/1995	1507				
39	1524010008	Vũ Anh	Tú	16/01/1997	1508				
40	1424010616	Nguyễn Sơn	Tùng	24/06/1996	1509				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070414 Nhóm: 2_4070414 Tổ thi: 001_2_4070414 Tên HP: Thị trường chứng khoán
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1614010022	Phan Thị	Tuyết	6/11/1998	1510				
42	1524010563	Nguyễn Văn	Vinh	18/10/1997	1511				C1
43	1424010634	Nguyễn Thị	Xuân	12/1/1996	1512				
44	1624010518	Trần Thị Hoàng	Yến	26/12/1997	1513				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080217 Nhóm: 2_4080217 Tổ thi: 001_2_4080217 Tên HP: Tin học B + TH (khối kinh tế)
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA203** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010053	Trần Tiến	Anh	25/09/1998	1514				C1
2	1624011004	Trần Duy	Đạt	20/09/1998	1515				
3	1624010861	Nguyễn Thị	Hằng	4/9/1998	1516				
4	1624010283	Trần Minh	Hằng	4/8/1998	1517				
5	1521030410	Nguyễn Thị	Hiền	20/11/1996	1518				
6	1624010089	Kiều Việt	Hùng	10/12/1998	1519				
7	1624010249	Đàm Hoàng	Khải	20/02/1998	1520				C1
8	1421010199	Vũ Tiến	Mạnh	15/03/1995	1521				
9	1621030722	Phạm Thị	Nga	21/09/1998	1522				
10	1621030192	Hoàng Minh	Ngọc	5/7/1998	1523				
11	1624010193	Trần Thị	Phượng	4/4/1998	1524				
12	1624010152	Ngô Hồng	Sơn	31/12/1998	1525				
13	1624010095	Nguyễn Thu	Thảo	20/05/1998	1526				C1
14	1521030131	Đỗ Danh	Thế	1/12/1997	1527				
15	1521030316	Bùi Thị	Thơm	23/01/1997	1528				
16	1624010144	Nguyễn Thị	Thơm	17/07/1998	1529				
17	1521030149	Kiều Quốc	Toàn	23/11/1997	1530				
18	1524010534	Lê Thị	Trang	13/02/1997	1531				
19	1621030207	Tự Thị	Trang	12/6/1998	1532				
20	1621030214	Lê Ngọc	Tú	28/06/1998	1533				
21	1624010208	Trần Minh	Tuấn	27/09/1998	1534				
22	1624010154	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21/01/1998	1535				
23	1624010837	Nguyễn Văn	Vượng	23/05/1998	1536				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4090202 Nhóm: 2_4090202 Tổ thi: 001_2_4090202 Tên HP: Lý thuyết điều khiển tự động + BTL
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA409** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	1537				
2	1421040036	Lê Tuấn	Cường	8/12/1994	1538				C1
3	1511060018	Trần Đức	Cường	25/01/1997	1539				
4	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	1540				
5	1511060004	Nguyễn Viết	Đức	8/1/1997	1541				
6	1511060008	Nguyễn Văn	Dương	1/11/1997	1542				
7	1511060019	Cao Hoàng	Hà	12/5/1997	1543				
8	1421060107	Trịnh Trung	Hiếu	24/11/1996	1544				
9	1511040004	Lê	Hoàn	17/07/1996	1545				
10	1511060020	Hoàng Văn	Hưng	28/09/1997	1546				
11	1421060146	Nguyễn Ngọc	Khang	1/12/1996	1547				
12	1511060011	Nguyễn Tùng	Lâm	18/02/1997	1548				
13	1511060015	Lê Văn	Lợi	10/4/1997	1549				
14	1511060013	Phạm Văn	Luân	15/10/1997	1550				
15	1511060001	Lê Công	Sinh	7/6/1997	1551				
16	1511060006	Nguyễn Duy	Thiệu	6/3/1997	1552				C1
17	1321060652	Dương Trọng	Trường	8/4/1995	1553				
18	1321060349	Nguyễn Hoài	Vũ	2/4/1995	1554				
19	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	1555				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 2_4010201 Tổ thi: 001_2_4010201 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010356	Hoàng Tuệ	An	20/11/1997	1556				
2	1524010016	Nguyễn Thế	An	15/12/1996	1557				
3	1621050322	Phạm Trường	An	4/10/1998	1558				
4	1521030114	Phạm Xuân	An	17/06/1997	1559				
5	1421070169	Nguyễn Bá	Ân	17/06/1995	1560				
6	1521070164	Hoàng Ngọc Tuấn	Anh	13/11/1997	1561				
7	1621050278	Hoàng Thế	Anh	12/12/1998	1562				
8	1621060404	Lê Đình	Anh	13/11/1998	1563				
9	1421020211	Lê Duy	Anh	22/11/1995	1564				
10	1621010375	Lê Xuân	Anh	19/11/1998	1565				C1
11	1521020092	Lương Đức	Anh	8/4/1997	1566				
12	1521010263	Nguyễn Quyền	Anh	9/7/1996	1567				
13	1621010155	Trần Thị Vân	Anh	1/6/1998	1568				
14	1421010015	Trịnh Tuấn	Anh	10/11/1996	1569				
15	1521010045	Vũ Duy	Anh	28/02/1997	1570				
16	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	1571				
17	1621070084	Trần Văn	Bình	25/06/1998	1572				C1
18	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/1997	1573				
19	1521030106	Lê Gia	Chí	14/08/1997	1574				
20	1521050012	Hoàng Quyết	Chiến	20/08/1997	1575				
21	1511030002	Nghiêm Đỗ	Chung	26/01/1997	1576				
22	1521050096	Đỗ Văn	Chương	11/8/1996	1577				
23	1421030289	Nguyễn Hữu	Chương	14/09/1996	1578				
24	1421060035	Nguyễn Chí	Công	30/05/1994	1579				
25	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	1580				
26	1621010282	Trịnh Văn	Công	13/06/1996	1581				
27	1521050267	Hồ Sỹ	Cường	29/04/1995	1582				
28	1521060090	Nguyễn Đình	Cường	12/5/1994	1583				C1
29	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	4/3/1997	1584				
30	1421050035	Hoàng Văn	Dũng	15/08/1996	1585				
31	1421060047	Hoàng Văn Tiến	Dũng	20/09/1996	1586				
32	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/1997	1587				C1
33	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	1588				
34	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	1589				
35	1621080150	Lê Thành	Dương	15/10/1998	1590				
36	1521050078	Đặng Ngọc	Duy	17/11/1997	1591				
37	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	1592				
38	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	1593				
39	1521050316	Phạm Đức	Duy	22/08/1997	1594				
40	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	1595				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cầm thi; C1 = Cầm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 2_4010201 Tổ thi: 002_2_4010201 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060072	Nguyễn Văn	Đăng	30/06/1996	1596				
2	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/1996	1597				
3	1521040123	Lê Thành	Đạt	11/2/1997	1598				C1
4	1621050059	Ngô Xuân	Đạt	28/03/1998	1599				
5	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	1600				
6	1521080009	Vũ Quốc	Đạt	20/03/1997	1601				
7	1521030063	Nguyễn Văn	Đinh	5/7/1997	1602				
8	1621070004	Lưu Văn	Đoan	3/3/1998	1603				
9	1521070214	Nguyễn Công	Đoàn	12/5/1997	1604				
10	1521080007	Đặng Phương	Đông	13/10/1997	1605				
11	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	1606				C1
12	1421030049	Bùi Đình	Đức	18/01/1996	1607				
13	1621050411	Bùi Trung	Đức	21/04/1998	1608				
14	1521050064	Đặng Minh	Đức	21/01/1997	1609				
15	1621060555	Lê Minh	Đức	28/01/1998	1610				
16	1521050008	Nguyễn Minh	Đức	20/05/1997	1611				
17	1521060053	Nguyễn Thái Minh	Đức	25/06/1996	1612				
18	1421010087	Phạm Minh	Đức	27/07/1996	1613				
19	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	2/11/1998	1614				
20	1621070114	Trần Văn	Đức	16/09/1998	1615				C1
21	1621080077	Vũ Hoàng	Đức	13/09/1998	1616				
22	1421070255	Vũ Ngọc	Đức	21/08/1996	1617				
23	1521080121	Nguyễn Bình	Dương	21/08/1997	1618				
24	1521010446	Nguyễn Thị ánh	Dương	29/03/1997	1619				
25	1521070232	Trần Thị Thùy	Dương	29/07/1997	1620				
26	1521070236	Đặng Quang	Giang	3/1/1997	1621				
27	1521050300	Lê Hồng	Giang	17/02/1997	1622				
28	1521050099	Ngô Thị	Giang	14/03/1997	1623				
29	1421060085	Nguyễn Trường	Giang	1/4/1996	1624				C1
30	1521060348	Nguyễn Tiến	Giáp	28/01/1997	1625				C1
31	1624010633	Bùi Thị	Hà	6/8/1998	1626				
32	1621010353	Nguyễn Thị Thanh	Hà	25/06/1998	1627				
33	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/2/1998	1628				
34	1521020184	Nguyễn Đức	Hải	2/5/1997	1629				
35	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	1630				
36	1621040111	Trương Thanh	Hải	5/9/1998	1631				
37	1521050028	Nguyễn Thị	Hằng	8/10/1996	1632				C1
38	1721050500	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	30/07/1999	1633				
39	1521050259	Đinh Quang	Hào	21/06/1997	1634				
40	1521070241	Nghiêm Hữu	Hậu	19/08/1996	1635				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 2_4010201 Tổ thi: 003_2_4010201 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030024	Trần Công	Hậu	10/4/1997	1636				
2	1621061036	Nguyễn Ngọc	Hiền	23/06/1998	1637				
3	1521010440	Trần Tuấn	Hiền	13/10/1997	1638				
4	1521050197	Đinh Đức	Hiền	8/7/1997	1639				
5	1421030349	Nguyễn Hoàng	Hiệp	5/12/1996	1640				
6	1621010292	Đặng Minh	Hiếu	16/03/1998	1641				
7	1621030100	Đặng Văn	Hiếu	23/10/1998	1642				
8	1421040109	Lê Khánh	Hiếu	7/6/1996	1643				
9	1521010149	Trần Minh	Hiếu	11/10/1997	1644				
10	1421080038	Hoàng Thị Thu	Hòa	26/02/1996	1645				
11	1421010122	Nguyễn Dung	Hòa	21/07/1996	1646				
12	1721020019	Lê Huy	Hoàng	24/08/1999	1647				
13	1521060269	Nguyễn Đình	Hoàng	6/12/1997	1648				
14	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	1649				
15	1421070300	Phạm Huy	Hoàng	20/01/1996	1650				
16	1621060585	Lại Văn	Hồng	1/6/1998	1651				
17	1521050385	Nguyễn Thị	Huế	7/11/1995	1652				
18	1621080099	Lê Bật	Hùng	18/04/1998	1653				
19	1521050224	Lê Mạnh	Hùng	20/09/1996	1654				
20	1521070266	Phạm Minh	Hùng	22/02/1996	1655				
21	1524010435	Trịnh Việt	Hùng	5/6/1991	1656				
22	1421040139	Nguyễn Chí	Hưng	2/4/1996	1657				C1
23	1624011041	Trần Thị	Hương	1/1/1998	1658				
24	1521070154	Lại Đức	Huy	24/06/1997	1659				
25	1521050216	Nguyễn Quang	Huy	21/10/1997	1660				
26	1521080026	Nguyễn Quang	Huy	28/06/1994	1661				
27	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/1997	1662				
28	1521060451	Nguyễn Văn	Huy	5/5/1997	1663				
29	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/1997	1664				
30	1624010280	Đặng Thị	Huyền	25/11/1998	1665				
31	1511030004	Nguyễn Văn	Huỳnh	3/2/1997	1666				
32	1621010902	Mey	Kadun	23/06/1997	1667				C1
33	1321030646	Đinh Văn	Khá	12/4/1995	1668				
34	1521050040	Đặng Văn	Khánh	20/12/1991	1669				
35	1621050841	Nguyễn Thị	Khánh	28/07/1998	1670				
36	1521020235	Trần Linh	Khánh	20/09/1997	1671				
37	1621010714	Đặng Văn	Khiêm	28/08/1998	1672				
38	1621060674	Vũ Đăng	Khoa	7/6/1998	1673				C1
39	1621060067	Trần Trung	Kiên	22/01/1998	1674				
40	1421050477	Lê Doãn	Linh	4/11/1996	1675				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 2_4010201 Tổ thi: 004_2_4010201 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010788	Lê Thùy	Linh	11/1/1998	1676				
2	1621030102	Lưu Mạnh	Linh	12/8/1998	1677				
3	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	1678				C1
4	1621060853	Nguyễn Văn	Lợi	7/2/1998	1679				
5	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	1680				
6	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/7/1996	1681				
7	1521060110	Mạc Văn	Long	16/06/1995	1682				
8	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	7/2/1997	1683				
9	1621080036	Đoàn Ngọc	Lương	18/09/1998	1684				
10	1624010461	Đinh Thảo	Ly	2/10/1998	1685				
11	1621050835	Nguyễn Văn	Mẫn	26/10/1998	1686				C1
12	1421040454	Bùi Duy	Mạnh	9/7/1996	1687				
13	1521050425	Nguyễn Văn	Mạnh	5/8/1997	1688				
14	1421060175	Bùi Anh	Minh	25/12/1996	1689				
15	1521020066	Ngô Thiên	Minh	14/06/1997	1690				
16	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	1691				
17	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	2/9/1998	1692				
18	1621020706	Hoàng Duy	Nam	3/6/1998	1693				
19	1521050431	Hoàng Quốc	Nam	9/7/1997	1694				
20	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	6/2/1998	1695				
21	1421060189	Nguyễn Hoài	Nam	28/03/1995	1696				C1
22	1521080023	Nguyễn Thành	Nam	15/12/1997	1697				
23	1521030272	Phùng Đức	Nam	3/1/1997	1698				
24	1621050637	Quách Hoàng	Nam	1/4/1998	1699				C1
25	1624010714	Hoàng Yến	Nga	10/10/1998	1700				
26	1521050101	Lê Thị	Nga	16/02/1997	1701				
27	1521080066	Nguyễn Thị Thúy	Nga	6/1/1997	1702				
28	1421040201	Lê Hữu	Ngọc	27/10/1996	1703				
29	1321060204	Nguyễn Anh	Ngọc	4/12/1994	1704				
30	1421060511	Lương Đình	Nguyên	20/01/1996	1705				
31	1621010310	Lê Văn	Nhân	15/10/1998	1706				
32	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	7/2/1997	1707				
33	1721040064	Nguyễn Văn	Nhất	10/6/1998	1708				
34	1621010319	Dương Doãn	Nhật	30/08/1998	1709				
35	1521030111	Lương Khánh	Nhật	8/11/1996	1710				C1
36	1521050274	Nguyễn Đức	Nhật	12/10/1997	1711				
37	1521030280	Trần Thị Thúy	Nhi	28/06/1997	1712				
38	1421040207	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/12/1996	1713				C1
39	1621050153	Đặng Duy	Phong	24/10/1998	1714				
40	1521050289	Hoàng Anh	Phong	25/02/1997	1715				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 2_4010201 Tổ thi: 005_2_4010201 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1611050011	Nguyễn Đình	Phong	23/01/1998	1716				
2	1621050543	Nguyễn Văn	Phong	30/07/1998	1717				
3	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/1997	1718				
4	1521080062	Nguyễn Quang	Phúc	24/10/1997	1719				
5	1521040025	Từ Bá	Phúc	8/2/1997	1720				
6	1521060396	Hoàng Đức	Phương	9/7/1997	1721				
7	1421080327	Phạm Minh	Phương	15/03/1995	1722				
8	1521040286	Hoàng Thị Bích	Phượng	18/09/1997	1723				
9	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	1724				
10	1521050213	Nguyễn Văn	Quân	7/5/1997	1725				
11	1421030157	Phạm Hồng	Quân	24/11/1995	1726				
12	1621060553	Đỗ Trọng	Quang	22/02/1998	1727				
13	1521070006	Lê Mạnh	Quang	6/11/1997	1728				C1
14	1621061026	Nguyễn Đăng	Quang	23/05/1998	1729				
15	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	5/12/1997	1730				
16	1621060453	Nguyễn Văn	Quang	3/5/1998	1731				
17	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	1732				
18	1321030189	Hoàng Tứ	Quý	10/11/1995	1733				
19	1521060281	Phạm Thế	Quý	29/09/1997	1734				
20	1621070103	Nguyễn Trọng	Quyền	22/10/1998	1735				C1
21	1621070133	Trần Đức	Quyền	12/12/1998	1736				
22	1621050461	Đỗ Đình	Quỳnh	24/09/1998	1737				
23	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	1738				
24	1421020541	Hoàng Hồng	Sơn	27/06/1995	1739				
25	1521040102	Lê Hoài	Sơn	7/1/1997	1740				
26	1421011296	Nguyễn Hồng	Sơn	29/03/1996	1741				
27	1621061030	Nguyễn Hồng	Sơn	17/01/1998	1742				
28	1521060289	Nguyễn Ngọc	Sơn	6/10/1997	1743				C1
29	1421070445	Trần Văn	Sơn	2/9/1995	1744				
30	1521010198	Tô Thanh	Tài	15/08/1997	1745				
31	1421040235	Trần Ngọc	Tài	19/11/1996	1746				
32	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	1747				C1
33	1521060054	Nguyễn Trọng	Tấn	21/10/1997	1748				
34	1421030539	Nguyễn Duyên	Thái	16/05/1996	1749				
35	1521070131	Bùi Văn	Thanh	3/1/1996	1750				
36	1621050235	Hoàng Trọng	Thanh	3/1/1998	1751				
37	1421050594	Nguyễn Đình	Thành	8/6/1991	1752				
38	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	6/6/1996	1753				
39	1421010300	Phí Trung	Thành	3/3/1996	1754				
40	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	1755				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 2_4010201 Tổ thi: 006_2_4010201 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721060190	Nguyễn Văn	Thắng	5/10/1996	1756				
2	1621061017	Trần Văn	Thảo	31/10/1998	1757				
3	1521070365	Hoàng Văn	Thế	30/05/1997	1758				
4	1621010184	Trương Sỹ	Thế	4/7/1996	1759				C1
5	1721080029	Tổng Minh	Thiên	28/11/1997	1760				C1
6	1621060901	Vũ Văn	Thịnh	25/08/1998	1761				
7	1421080110	Phạm Thị	Thu	29/10/1995	1762				
8	1621070038	Nguyễn Đức	Thủy	9/10/1998	1763				
9	1521070464	Bùi Đức	Tiến	6/5/1997	1764				C1
10	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	2/3/1996	1765				
11	1621070044	Nguyễn Văn	Tiến	30/05/1998	1766				
12	1421040287	Trịnh Mạnh	Tiến	6/3/1996	1767				
13	1521080267	Vì Thành	Tiến	29/01/1997	1768				C1
14	1721060071	Nguyễn Thanh	Tiếp	23/11/1999	1769				
15	1421010335	Trần Đức	Tín	5/5/1996	1770				
16	1421040292	Bùi Văn	Toàn	28/06/1996	1771				
17	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/8/1997	1772				
18	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	1773				
19	1521050016	Nguyễn Thị Thu	Trang	8/2/1997	1774				
20	1624010520	Uông Huyền	Trang	26/02/1998	1775				
21	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/9/1997	1776				
22	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/1995	1777				
23	1621060642	Nguyễn Văn	Trọng	7/9/1998	1778				
24	1621060608	Phạm Thành	Trung	2/9/1998	1779				C1
25	1521050117	Trần Đức	Trung	6/1/1997	1780				
26	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	1781				C1
27	1321030917	Trần Trọng	Trung	16/08/1995	1782				
28	1421080406	Đặng Phúc	Trường	31/10/1996	1783				C1
29	1521030337	Nguyễn Văn	Trường	5/7/1996	1784				
30	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/1996	1785				
31	1521070386	Bùi Văn	Tú	21/02/1996	1786				
32	1521060460	Chu Quang	Tuấn	4/7/1997	1787				C1
33	1421010363	Đoàn Anh	Tuấn	11/11/1996	1788				
34	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	3/3/1997	1789				
35	1621050303	Nguyễn Văn	Tuấn	19/06/1998	1790				
36	1621060476	Nguyễn Văn	Tuấn	11/1/1998	1791				
37	1521050209	Phạm Văn	Tuấn	14/01/1997	1792				
38	1421040330	Đào Duy	Tùng	25/04/1996	1793				
39	1521060044	Đào Duy	Tùng	5/12/1996	1794				
40	1521080281	Lưu Thanh	Tùng	16/05/1997	1795				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010201 Nhóm: 2_4010201 Tổ thi: 006_2_4010201 Tên HP: Vật lý đại cương A1 + TN
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621070221	Nguyễn Đức	Tùng	14/06/1998	1796				
42	1421030227	Nguyễn Thanh	Tùng	8/2/1995	1797				C1
43	1421060304	Trần Kế Thanh	Tùng	30/06/1995	1798				
44	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/3/1998	1799				
45	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/1997	1800				
46	1521020346	Lê Đình	Tường	10/7/1997	1801				
47	1521050133	Đỗ Thành	Tuyên	17/05/1997	1802				
48	1621060454	Đào Văn	Vệ	19/10/1998	1803				C1
49	1521060250	Hoàng Tuấn	Việt	7/12/1997	1804				
50	1421011421	Lê Quốc	Việt	9/10/1995	1805				
51	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	1806				
52	1621061057	Nguyễn Văn	Việt	7/9/1998	1807				
53	1701010002	Lại Thế	Vinh	17/09/1991	1808				
54	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	1809				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070110 Nhóm: 2_4070110 Tổ thi: 001_2_4070110 Tên HP: Thống kê kinh tế doanh nghiệp
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010362	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	2/2/1997	1810				
2	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/3/1997	1811				
3	1524010421	Ninh Thị	Hoa	12/1/1997	1812				
4	1524010032	Nguyễn Thanh	Hương	1/1/1997	1813				C1
5	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	6/11/1997	1814				C1
6	1524010039	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22/08/1997	1815				
7	1524010060	Phạm Hồng	Nam	2/6/1997	1816				
8	1524010579	Vũ Quang	Nam	2/9/1997	1817				C1
9	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/4/1997	1818				
10	1524010516	Trương Lập	Thu	15/09/1997	1819				
11	1524010061	Nông Thị Thu	Trang	14/08/1997	1820				
12	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	1821				C1
13	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	3/11/1994	1822				
14	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	1823				
15	1524010555	Nguyễn Thanh	Tùng	24/05/1997	1824				C1
16	1524010019	Phạm Viết	Viết	23/05/1996	1825				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 2_4010106 Tổ thi: 001_2_4010106 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **7/8/2018**

Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/1996	1826				
2	1621060078	Phan Hùng	Anh	5/5/1998	1827				
3	1621060657	Trần Hải	Anh	1/1/1998	1828				
4	1121010018	Trần Ngọc	Anh	11/11/1993	1829				C1
5	1521030106	Lê Gia	Chí	14/08/1997	1830				
6	1321070423	Lê Văn	Chiến	3/10/1993	1831				
7	1621060536	Nguyễn Minh	Chiến	19/10/1998	1832				C1
8	1721030043	Nguyễn Đức	Chính	20/04/1999	1833				
9	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	1834				
10	1521010380	Trần Võ	Đại	15/12/1997	1835				C1
11	1321030040	Phạm Văn	Đảng	28/02/1994	1836				
12	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	1837				
13	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	1838				
14	1321030047	Nguyễn Ngọc	Đông	14/06/1995	1839				C1
15	1421030317	Bùi Anh	Đức	12/9/1995	1840				
16	1521060053	Nguyễn Thái Minh	Đức	25/06/1996	1841				
17	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/1996	1842				
18	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/1997	1843				
19	1621070024	Lê Việt	Dũng	1/7/1998	1844				C1
20	1421040060	Lê Huy	Dương	1/11/1996	1845				
21	1621060840	Bá Trường	Giang	11/12/1998	1846				
22	1621060035	Nguyễn Phú	Giang	20/05/1998	1847				
23	1721060407	Bùi Ninh	Hải	26/03/1999	1848				
24	1621010267	Hồ Sỹ	Hiền	20/10/1997	1849				C1
25	1621010156	Lê Hoàng	Hiệp	28/07/1998	1850				
26	1521060011	Ngô Sách	Hiệp	16/01/1997	1851				
27	1521010189	Bùi Khắc	Hình	10/5/1997	1852				
28	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	/ /19 3	1853				C1
29	1721060208	Vũ Thái	Hoàng	5/8/1999	1854				
30	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	1855				
31	1521010036	Lê Mạnh	Hùng	28/02/1997	1856				C1
32	1701010001	Hồ Đình	Hưng	17/01/1989	1857				
33	1421070315	Đào Minh	Huy	19/10/1996	1858				
34	1521030102	Đỗ Khắc	Huy	26/11/1997	1859				
35	1521030101	Hoàng Văn	Huy	15/12/1997	1860				
36	1621060868	Nguyễn Quang	Huy	27/06/1998	1861				
37	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	1862				
38	1421030108	Hoàng Duy	Khánh	6/10/1995	1863				
39	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	1864				C1
40	1421030427	Đặng Xuân	Linh	12/9/1995	1865				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 2_4010106 Tổ thi: 002_2_4010106 Tên HP: Phương pháp tính

Ngày thi: **7/8/2018**

Phòng thi: **HNAA208**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030119	Đỗ Văn	Linh	7/11/1996	1866				
2	1421040448	Trần Đức	Lợi	9/5/1996	1867				C1
3	1521070018	Lê Duy	Long	5/8/1997	1868				C1
4	1721060233	Lâm Đức	Mạnh	20/02/1999	1869				
5	1421060179	Nguyễn Đức	Minh	5/6/1993	1870				C1
6	1421030460	Vũ Công	Minh	30/09/1996	1871				
7	1521050172	Nguyễn Đức	Nam	26/07/1997	1872				
8	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	1873				C1
9	1421020122	Nguyễn Trọng	Phong	20/11/1996	1874				
10	1621060393	Hoàng Văn	Phong	25/02/1998	1875				
11	1521080062	Nguyễn Quang	Phúc	24/10/1997	1876				
12	1521010337	Phan Hồng	Phúc	18/04/1997	1877				
13	1521010227	Phạm Hữu	Phước	2/7/1996	1878				
14	1521030285	Đặng Việt	Phương	28/11/1997	1879				
15	1421060212	Phùng Thế	Phương	13/10/1996	1880				
16	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/1993	1881				
17	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/1997	1882				
18	1321030798	Lê Văn	Quý	25/10/1995	1883				
19	1621070103	Nguyễn Trọng	Quyền	22/10/1998	1884				C1
20	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	16/01/1998	1885				C1
21	1421040231	Bùi Ngọc	Sơn	13/06/1996	1886				
22	1321040229	Lê Ngọc	Sơn	15/12/1995	1887				
23	1621060857	Hoàng Hữu	Sỹ	22/05/1998	1888				
24	1621060213	Nguyễn Văn	Tân	24/10/1998	1889				C1
25	1621061006	Nguyễn Văn	Thế	29/09/1998	1890				
26	1421010318	Vũ Đỗ Long	Thịnh	2/7/1996	1891				C1
27	1421040278	Chu Xuân	Thoại	8/11/1995	1892				
28	1721040063	Lê Ngọc	Thùy	28/01/1999	1893				C1
29	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	8/3/1997	1894				
30	1521010147	Vũ Văn	Trọng	21/11/1997	1895				
31	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	1896				
32	1521060068	Vũ Văn	Trung	1/8/1997	1897				
33	1421060283	Trần Xuân	Trường	24/12/1996	1898				
34	1421060286	Đậu Văn	Tú	19/09/1996	1899				
35	1721060074	Lê Quang	Tuấn	7/10/1999	1900				C1
36	1421010375	Nghiêm Vũ	Tùng	25/08/1996	1901				
37	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	6/12/1997	1902				
38	1721040116	CHEA	VANNAK	10/10/1998	1903				C1
39	1421011421	Lê Quốc	Việt	9/10/1995	1904				
40	1224010334	Nguyễn Đức	Việt	16/02/1993	1905				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010106 Nhóm: 2_4010106 Tổ thi: 002_2_4010106 Tên HP: Phương pháp tính
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1701010002	Lại Thế	Vinh	17/09/1991	1906				
42	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	1907				

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2:
Tổng số tờ: Tổng số bài: Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 2_4010406 Tổ thi: 001_2_4010406 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060001	Lê Hữu	An	15/01/1996	1908				
2	1621060094	Đinh Quang	Anh	26/05/1998	1909				C1
3	1421060006	Nguyễn Đức	Anh	10/10/1996	1910				
4	1524010366	Trần Thị Phương	Anh	1/11/1997	1911				
5	1731060002	Vũ Thế	Anh	3/7/1995	1912				C1
6	1621060148	Nguyễn Quang	Bách	15/02/1998	1913				
7	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	9/4/1997	1914				
8	1721060238	Nguyễn Hồng	Đăng	24/12/1996	1915				
9	1421020282	Dương Thành	Đạt	11/9/1992	1916				C1
10	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/2/1996	1917				
11	1421011081	Hoàng Văn	Đồng	3/2/1994	1918				
12	1421080023	Nguyễn Minh	Đức	1/5/1996	1919				
13	1621061046	Lại Bá	Dương	23/12/1998	1920				C1
14	1321010087	Đỗ Văn	Duyên	2/11/1995	1921				
15	1521010125	Nguyễn Trường	Giang	21/08/1997	1922				
16	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/1996	1923				C1
17	1621060298	Nguyễn Đức	Hải	14/07/1998	1924				
18	1621080046	Nguyễn Hoàng	Hải	18/03/1998	1925				C1
19	1621060328	Nguyễn Minh	Hải	7/8/1998	1926				
20	1321020093	Phạm Duy	Hiền	4/3/1995	1927				
21	1621060122	Nguyễn Công	Hiệp	17/12/1998	1928				
22	1621030100	Đặng Văn	Hiếu	23/10/1998	1929				
23	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/1997	1930				
24	1421030367	Vũ Việt	Hoàng	14/09/1996	1931				
25	1421030086	Lê Xuân	Hùng	11/10/1993	1932				
26	1421030378	Trần Ngọc	Hùng	15/09/1996	1933				
27	1521020106	Nguyễn Minh	Hùng	2/7/1996	1934				
28	1521080026	Nguyễn Quang	Huy	28/06/1994	1935				
29	1621080134	Văn Đỗ Tuấn	Huy	4/9/1998	1936				
30	1621060967	Nguyễn Đình	Huỳnh	29/10/1998	1937				
31	1621060426	Nguyễn Hữu	Khoa	1/10/1998	1938				
32	1421030417	Phạm Trung	Kiên	5/7/1996	1939				
33	1421080060	Trần Thị Thùy	Linh	17/05/1996	1940				
34	1621060973	Nguyễn Trọng	Linh	21/11/1998	1941				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010406 Nhóm: 2_4010406 Tổ thi: 002_2_4010406 Tên HP: Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/7/1996	1942				
2	1421020445	Hồ Trường	Long	10/9/1995	1943				
3	1721060148	Nguyễn Viết	Mạnh	7/8/1996	1944				
4	1321060185	Chu Công	Minh	19/12/1995	1945				
5	1621061083	Phạm Văn	Minh	19/06/1998	1946				
6	1421010210	Hà Duy	Nam	3/4/1996	1947				
7	1521080023	Nguyễn Thành	Nam	15/12/1997	1948				
8	1621060550	Phạm Viết	Nam	11/2/1998	1949				
9	1521030049	Võ Hoài	Nam	7/1/1997	1950				
10	1621060050	Vũ Xuân	Nghiêm	18/04/1998	1951				
11	1421030491	Cao Xuân	Phúc	14/09/1996	1952				
12	1421060547	Nguyễn Xuân	Sang	18/11/1996	1953				
13	1321030197	Phạm Văn	Sơn	21/10/1995	1954				
14	1521060073	Nguyễn Hữu	Tài	8/4/1997	1955				
15	1421060245	Lê Chung	Thái	4/5/1996	1956				
16	1731060003	Tô Minh	Thái	26/11/1996	1957				
17	1421030558	Lường Khắc	Thắng	9/7/1996	1958				C1
18	1321060285	Nguyễn Đức	Thắng	13/11/1995	1959				
19	1421070119	Vũ Việt	Thắng	3/8/1996	1960				C1
20	1421060251	Nguyễn Tiến	Thành	4/10/1996	1961				
21	1521060234	Đinh Nguyên	Thế	9/4/1997	1962				
22	1421010338	Nguyễn Ngọc	Tính	18/10/1996	1963				
23	1521060151	Trần Văn	Tổ	15/02/1997	1964				
24	1421080400	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15/10/1996	1965				
25	1621010266	Trần Quang	Trung	13/03/1998	1966				
26	1521010370	Hoàng Anh	Tuấn	30/08/1997	1967				
27	1521010222	Lương Xuân	Tuấn	2/4/1997	1968				
28	1524010026	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1996	1969				C1
29	1521080004	Cao Sơn	Tùng	11/4/1997	1970				
30	1321010402	Đào Thanh	Tùng	20/02/1995	1971				
31	1421060636	Phạm Đức	Tuy	1/10/1996	1972				
32	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/1997	1973				
33	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	1974				C1
34	1221060182	Lê Quang	Vũ	19/07/1994	1975				
35	1321030992	Nguyễn Văn	Vương	8/8/1994	1976				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080203 Nhóm: 2_4080203 Tổ thi: 001_2_4080203 Tên HP: Cơ sở lập trình

Ngày thi: **7/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050193	Đặng Đình	An	15/02/1998	1977				
2	1321050001	Bùi Đức	Anh	14/02/1995	1978				
3	1421050252	Đàm Trung	Anh	20/08/1996	1979				C1
4	1621070195	Mai Việt	Anh	1/9/1998	1980				
5	1421050265	Nguyễn Tuấn	Anh	25/08/1995	1981				
6	1521050273	Phạm Việt	Anh	16/08/1997	1982				C1
7	1621050413	Vũ Thị	Anh	6/3/1997	1983				C1
8	1621050351	Nguyễn Văn	Bắc	4/2/1998	1984				
9	1521050103	Đào Văn	Báu	17/09/1997	1985				
10	1621050058	Đặng Huy	Cảnh	14/07/1998	1986				
11	1421050288	Nguyễn Tuấn	Cảnh	7/7/1996	1987				
12	1621050186	Nguyễn Thế	Châu	16/02/1998	1988				
13	1521050003	Vũ Trần	Châu	8/3/1997	1989				
14	1411050007	Lê Đình	Chí	30/08/1995	1990				
15	1421050023	Đỗ Văn	Chiến	2/7/1994	1991				C1
16	1621050071	Nguyễn Đình	Chiến	26/10/1998	1992				
17	1321050024	Nguyễn Văn	Chiều	9/8/1994	1993				C1
18	1521050334	Cao Văn	Chung	15/06/1997	1994				
19	1621050297	Trần Đình	Cường	25/01/1998	1995				C1
20	1511050009	Nguyễn Văn	Đặng	19/09/1997	1996				
21	1621050059	Ngô Xuân	Đạt	28/03/1998	1997				
22	1321050058	Vũ Ngọc	Đô	22/05/1994	1998				
23	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	1999				
24	1521050205	Lê Đình	Đồng	5/6/1997	2000				
25	1521050255	Đoàn Văn	Duẩn	4/12/1994	2001				
26	1621050019	Lê Chí	Đức	23/01/1998	2002				
27	1621050443	Đinh Văn	Dũng	19/05/1998	2003				
28	1521050055	Lê Thế	Dũng	20/04/1997	2004				
29	1621050817	Nguyễn Tiến	Dũng	26/11/1998	2005				
30	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	2006				
31	1721050128	Phan Việt	Hà	6/11/1999	2007				
32	1621050470	Nguyễn Thanh	Hải	1/10/1997	2008				
33	1421050060	Vũ Thanh	Hải	8/6/1996	2009				
34	1421050064	Ngô Văn	Hiệp	1/7/1996	2010				
35	1621050101	Phạm Doãn	Hiệp	10/10/1998	2011				C1
36	1621050270	Trần Quang	Hiệp	22/02/1997	2012				
37	1621040107	Đoàn Mạnh	Hiếu	7/3/1998	2013				C1
38	1621050027	Hoàng Minh	Hiếu	23/10/1998	2014				C1
39	1521020202	Trần Minh	Hiếu	5/8/1997	2015				
40	1521050112	Nguyễn Doãn	Hoan	20/01/1997	2016				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080203 Nhóm: 2_4080203 Tổ thi: 002_2_4080203 Tên HP: Cơ sở lập trình

Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050098	Nguyễn Trần Đan	Hoàn	21/12/1997	2017				
2	1621050807	Lê Văn	Hoàng	18/07/1998	2018				C1
3	1621050625	Dương Thanh	Huân	23/04/1998	2019				
4	1421050076	Lại Văn	Hùng	18/04/1996	2020				
5	1421050078	Nguyễn Ngọc	Hùng	1/11/1995	2021				
6	1421050087	Nguyễn Duy	Hưng	29/09/1996	2022				
7	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	2023				
8	1621050842	Lê Quang	Huy	29/01/1998	2024				C1
9	1621050777	Nguyễn Đắc	Huy	16/01/1998	2025				
10	1721050493	Lê Thị	Huyền	23/02/1999	2026				
11	1621050795	Mai Thị	Huyền	29/12/1998	2027				
12	1621050446	Đinh Duy	Khánh	15/10/1998	2028				
13	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	2029				
14	1221050055	Nguyễn Ngọc	Khánh	21/09/1993	2030				C1
15	1521050034	Nguyễn Văn	Khánh	22/08/1997	2031				
16	1521050242	Trần Hoàng	Khánh	11/10/1996	2032				
17	1621050295	Phạm Văn	Kiên	20/04/1998	2033				
18	1621050094	Hồ Thị Bích	Lệ	18/06/1998	2034				
19	1421050107	Ngô Thị	Linh	15/04/1996	2035				C1
20	1621050285	Nguyễn Gia	Linh	30/08/1998	2036				
21	1621050735	Phạm Quang	Linh	6/10/1998	2037				
22	1621050747	Trương Thị	Linh	20/01/1998	2038				
23	1521050214	Tạ Tấn	Lộc	21/02/1997	2039				
24	1621050077	Nguyễn Duy	Long	1/4/1998	2040				
25	1521050251	Vũ Thu	Ly	1/3/1997	2041				
26	1621050580	Lưu Thế	Mạnh	4/10/1998	2042				
27	1421050126	Nguyễn Tiến	Mạnh	12/12/1996	2043				
28	1521050044	Phạm Tiến	Mạnh	11/12/1997	2044				
29	1621050599	Bùi Đức	Minh	13/07/1998	2045				
30	1521050427	Nguyễn Văn	Minh	6/8/1997	2046				
31	1521050287	Tạ Quang	Minh	15/04/1997	2047				C1
32	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	6/2/1998	2048				
33	1521050199	Nguyễn Hữu	Nam	6/12/1997	2049				
34	1521050241	Phạm Hoài	Nam	19/11/1997	2050				
35	1421050136	Trịnh Văn	Nam	25/08/1996	2051				
36	1521050101	Lê Thị	Nga	16/02/1997	2052				
37	1421050526	Cung Hùng	Ngọc	8/8/1996	2053				
38	1521050198	Phạm Anh	Ngữ	23/10/1997	2054				
39	1611050011	Nguyễn Đình	Phong	23/01/1998	2055				
40	1421050546	Đoàn Đình	Phùng	12/1/1996	2056				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080203 Nhóm: 2_4080203 Tổ thi: 003_2_4080203 Tên HP: Cơ sở lập trình

Ngày thi: **7/8/2018**

Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050213	Nguyễn Văn	Quân	7/5/1997	2057				
2	1721050700	Phạm Tiến	Quân	10/2/1999	2058				
3	1521050079	Vũ Đăng	Quang	30/11/1997	2059				C1
4	1421050559	Nguyễn Thị	Quyên	5/2/1994	2060				
5	1621050239	Nguyễn Văn	Quyên	6/10/1998	2061				
6	1421050162	Trần Công	Quyết	19/03/1996	2062				C1
7	1421050580	Nguyễn Minh	Sơn	21/03/1996	2063				
8	1621050460	Hoàng Văn	Tá	6/3/1998	2064				
9	1621050620	Đoàn Đình	Tâm	19/02/1998	2065				
10	1621050598	Nguyễn Văn	Thái	24/05/1996	2066				
11	1521050226	Nguyễn Đăng	Thăng	27/09/1997	2067				
12	1621050139	Nguyễn Văn	Thăng	6/11/1998	2068				
13	1611050016	Dương Đức	Thành	29/12/1998	2069				
14	1621050173	Nguyễn Danh	Thành	27/12/1998	2070				
15	1721050142	Nguyễn Khắc	Thảo	6/11/1999	2071				
16	1621050109	Phạm Phương	Thảo	30/10/1998	2072				
17	1621050566	Nguyễn Hữu	Thịnh	22/06/1998	2073				
18	1511050007	Phạm Anh	Thư	21/09/1995	2074				
19	1421050202	Vũ Trọng	Thường	18/08/1996	2075				
20	1221050100	Vũ Xuân	Thủy	7/10/1994	2076				
21	1621050155	Nguyễn Ngọc	Tiến	26/03/1998	2077				C1
22	1521050032	Cao Khánh	Toàn	16/09/1997	2078				
23	1721050199	Nguyễn Thu	Trang	14/11/1999	2079				
24	1721050477	Bùi Quang	Trung	1/1/1999	2080				
25	1521050038	Lê Ngọc	Trung	30/08/1991	2081				
26	1521050117	Trần Đức	Trung	6/1/1997	2082				
27	1421050218	Đàm Quang	Trường	18/01/1993	2083				
28	1521050054	Phạm Văn	Trường	25/08/1994	2084				
29	1521050083	Trần Danh	Trường	23/06/1996	2085				
30	1421050674	Trần Văn	Trường	20/06/1994	2086				
31	1621050144	Nguyễn Trọng	Tuấn	20/02/1997	2087				C1
32	1521050209	Phạm Văn	Tuấn	14/01/1997	2088				
33	1321050215	Trần Anh	Tuấn	12/10/1995	2089				C1
34	1521050033	Trần Văn	Tuấn	1/2/1997	2090				
35	1421050235	Tổng Quang	Tuyền	9/1/1996	2091				
36	1521050135	Bùi Đức	Việt	25/11/1997	2092				
37	1721050602	Nguyễn Hữu	Việt	20/08/1999	2093				
38	1421050240	Cảnh Chi	Vũ	17/09/1996	2094				C1
39	1521050020	Tạ Đức	Vượng	25/06/1997	2095				
40	1521050011	Nguyễn Thị	Xuân	3/1/1997	2096				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010307 Nhóm: 2_4010307 Tổ thi: 001_2_4010307 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521080294	Lê Tú	Anh	12/6/1997	2097				
2	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	4/10/1995	2098				
3	1421010039	Đặng Chiến	Công	15/07/1996	2099				
4	1421080127	Nguyễn Việt	Công	23/09/1995	2100				
5	1521010124	Lê Văn	Cương	1/8/1997	2101				
6	1521080045	Nguyễn Duy	Cường	12/5/1997	2102				
7	1421010048	Trần Quốc	Cường	21/05/1996	2103				
8	1321010060	Vũ Mạnh	Cường	7/7/1994	2104				C1
9	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	2105				
10	1421040071	Đoàn Quang	Định	18/11/1996	2106				
11	1421020309	Nguyễn Văn	Đức	8/8/1996	2107				
12	1521020363	Trần Ngọc	Đức	10/2/1997	2108				
13	1421080174	Vũ Việt	Dũng	18/04/1996	2109				
14	1621020053	Vũ Hoàng	Dương	8/4/1997	2110				
15	1421080177	Trịnh Việt	Duy	7/10/1995	2111				
16	1421080026	Hoàng Hương	Giang	12/2/1996	2112				
17	1421020338	Đinh Đức	Hạnh	10/7/1995	2113				
18	1421080208	Nguyễn Song	Hào	4/8/1996	2114				
19	1421020058	Trịnh Công	Hiền	7/8/1996	2115				
20	1521010004	Bùi Thị Thu	Hiền	10/4/1997	2116				
21	1421040108	Dương Minh	Hiếu	1/3/1996	2117				
22	1521080003	Nguyễn Minh	Hiếu	15/02/1997	2118				C1
23	1521080153	Mai Xuân	Hòa	19/05/1997	2119				
24	1521010274	Vũ Văn	Hòa	31/05/1997	2120				
25	1521019001	Bùi Đức	Hoàng	/ /19 3	2121				C1
26	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/1995	2122				C1
27	1521080001	Phạm Quốc	Hưng	18/10/1997	2123				C1
28	1621080021	Nguyễn Thị Mai	Hương	2/2/1998	2124				
29	1521080064	Nguyễn Thị Thu	Hương	7/1/1996	2125				
30	1421080044	Nguyễn Xuân	Huy	11/1/1996	2126				
31	1421020416	Nguyễn Văn	Khiết	6/10/1995	2127				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010307 Nhóm: 2_4010307 Tổ thi: 002_2_4010307 Tên HP: Cân bằng pha và hóa keo + TN
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	2128				
2	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	2129				
3	1421070355	Đỗ Thành	Liêm	3/5/1996	2130				
4	1421020429	Nguyễn Quỳnh	Liên	20/08/1996	2131				
5	1621080713	Đinh Thị Thùy	Linh	21/03/1998	2132				
6	1621080721	Nguyễn Thùy	Linh	19/03/1998	2133				
7	1421080289	Lục Văn	Minh	1/5/1996	2134				
8	1521080207	Đỗ Văn	Nam	8/10/1997	2135				
9	1421080293	Lê Thế	Nam	8/1/1996	2136				C1
10	1521010176	Đặng Nguyễn Duy	Ngọc	25/01/1997	2137				
11	1621080717	Đặng Thị Bích	Ngọc	13/03/1998	2138				
12	1521010318	Lê Thanh	Nhàn	2/5/1996	2139				
13	1521080037	Lê Anh	Phương	19/01/1997	2140				
14	1521080223	Nguyễn Thị	Phương	10/9/1997	2141				
15	1421080095	Nông Quốc	Phương	27/12/1996	2142				
16	1421030155	Hoàng Tài	Quang	15/08/1996	2143				
17	1421040220	Trịnh Minh	Quang	8/8/1996	2144				
18	1521080054	Bùi Xuân	Quỳnh	10/6/1994	2145				
19	1421040231	Bùi Ngọc	Sơn	13/06/1996	2146				
20	1121010276	Lương Ngọc	Sơn	8/8/1993	2147				C1
21	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/1995	2148				
22	1421040260	Lưu Phương	Thảo	10/1/1996	2149				
23	1521080267	Vì Thành	Tiến	29/01/1997	2150				C1
24	1521080075	Bùi Minh	Trang	29/07/1997	2151				
25	1621020016	Đỗ Thu	Trang	19/08/1998	2152				
26	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	9/9/1997	2153				
27	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/1/1996	2154				
28	1421011398	Đinh Sỹ	Tuấn	19/01/1996	2155				
29	1421080409	Đinh Xuân	Tuấn	30/09/1996	2156				
30	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	8/9/1997	2157				C1
31	1321080540	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/1995	2158				
32	1421080419	Hoàng	Tùng	24/11/1996	2159				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 2_4010402 Tổ thi: 001_2_4010402 Tên HP: Vẽ kỹ thuật

Ngày thi: **7/8/2018**

Phòng thi: **HNAA208**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040145	Lê Xuân	An	26/06/1997	2160				
2	1621060630	Già Hoàng	Anh	26/04/1998	2161				
3	1421040357	Lê Quang Đức	Anh	27/05/1996	2162				C1
4	1521010103	Lê Văn	Công	28/09/1997	2163				
5	1621060581	Lê Văn	Đạt	9/12/1998	2164				
6	1621060576	Nguyễn Bá	Đạt	10/2/1998	2165				
7	1621060591	Trần Mạnh	Đạt	30/10/1998	2166				
8	1421040073	Nguyễn Văn	Đô	30/09/1996	2167				
9	1521010236	Mạc Việt	Đức	24/06/1997	2168				C1
10	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	2169				
11	1621060921	Nguyễn Văn	Giang	27/02/1998	2170				
12	1221040078	Ngô Hồng	Hải	26/11/1994	2171				
13	1521040040	Nguyễn Hoàng	Hiệp	9/8/1997	2172				
14	1421070145	Lý Thuật Trung	Hiếu	22/08/1996	2173				
15	1621060585	Lại Văn	Hồng	1/6/1998	2174				
16	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	2/3/1997	2175				
17	1521070154	Lại Đức	Huy	24/06/1997	2176				
18	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/1996	2177				
19	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	2178				C1
20	1621060707	Nguyễn Ngọc	Lợi	5/4/1998	2179				
21	1521010035	Tô Hạ	Long	2/9/1997	2180				
22	1521040343	Đinh Dũng	Minh	1/12/1997	2181				
23	1421011229	Đỗ Ngọc	Minh	7/11/1996	2182				
24	1621060720	Hoàng Đỗ Bảo	Nam	6/1/1997	2183				
25	1521010240	Lê Văn	Nhật	25/06/1996	2184				C1
26	1621060594	Trần Đăng	Phong	9/3/1998	2185				C1
27	1521070324	Nguyễn Thị	Phú	20/05/1997	2186				
28	1521070457	Bùi Thị	Phương	1/9/1997	2187				
29	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/1997	2188				
30	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/1996	2189				
31	1611040009	Nguyễn Trường	Sơn	29/09/1998	2190				
32	1621060430	Phạm Minh	Sơn	25/09/1998	2191				C1
33	1421070448	Đỗ Duy	Tài	12/11/1996	2192				C1
34	1521070086	Vương Đình	Thắng	11/1/1997	2193				C1
35	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/1997	2194				
36	1621060901	Vũ Văn	Thịnh	25/08/1998	2195				
37	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	2196				
38	1621060863	Hoàng Bảo	Toàn	17/12/1997	2197				
39	1621060731	Đinh Quốc	Triệu	31/10/1998	2198				
40	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	2199				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010402 Nhóm: 2_4010402 Tổ thi: 001_2_4010402 Tên HP: Vẽ kỹ thuật
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **9** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621040012	Bùi Hữu	Trung	17/08/1998	2200				
42	1621060715	Phạm Quang	Trung	14/12/1998	2201				C1
43	1421070512	Nguyễn Hữu	Tú	10/1/1996	2202				
44	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	2203				
45	1621060638	Trương Văn	Tuấn	13/01/1998	2204				
46	1421040346	Hoàng Bảo	Việt	4/11/1996	2205				
47	1621020034	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	2/12/1997	2206				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 2_4020301 Tổ thi: 001_2_4020301 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **11** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624011040	Đoàn Phương	Anh	8/9/1998	2207				
2	1621050211	Nguyễn Thế	Anh	26/08/1998	2208				
3	1724010414	Nguyễn Thị Vân	Anh	9/9/1999	2209				
4	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	2210				
5	1521010438	Nguyễn Tuấn	Anh	1/8/1997	2211				
6	1614010700	Phạm Thị Vân	Anh	13/12/1998	2212				
7	1321030419	Trần Thế	Anh	19/09/1995	2213				
8	1521030082	Nguyễn Trung	Bắc	30/10/1997	2214				
9	1621030088	Trần Gia	Bách	26/05/1998	2215				
10	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	2216				
11	1621050058	Đặng Huy	Cảnh	14/07/1998	2217				
12	1521050003	Vũ Trần	Châu	8/3/1997	2218				
13	1621010308	Phạm Thị	Chín	1/1/1998	2219				
14	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	5/8/1996	2220				C1
15	1421010038	Dương Tiến	Công	23/08/1996	2221				
16	1721060454	Vũ Duy	Cường	24/10/1999	2222				
17	1621050853	Đinh Văn	Đại	1/11/1994	2223				C1
18	1521030121	Phạm Văn	Đại	29/06/1997	2224				
19	1721050028	Đặng Văn	Đạt	29/10/1999	2225				
20	1621050729	Đoàn Thành	Đạt	24/12/1998	2226				
21	1621050798	Hoàng Văn	Đạt	9/10/1998	2227				
22	1521020155	Nguyễn Tiến	Đạt	5/6/1997	2228				
23	1724010338	Dương Thị	Diễm	13/09/1999	2229				
24	1524010031	Đặng Huỳnh	Đức	12/3/1997	2230				
25	1521030043	Hoàng Mạnh	Đức	20/11/1996	2231				C1
26	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/1996	2232				
27	1621050252	Trương Thành	Đức	27/09/1998	2233				
28	1721050912	Trần Đức	Dũng	20/07/1996	2234				
29	1421040060	Lê Huy	Dương	1/11/1996	2235				
30	1421010073	Nguyễn Tùng	Dương	15/12/1996	2236				C1
31	1521010168	Vũ Tuấn	Dương	6/11/1997	2237				
32	1421010060	Đặng	Duy	2/2/1996	2238				
33	1621060006	Tạ Đức	Duy	13/12/1998	2239				C1
34	1621030096	Trần Nhật	Duy	16/02/1998	2240				
35	1621010315	Trần Hương	Giang	15/10/1998	2241				
36	1721050128	Phan Việt	Hà	6/11/1999	2242				
37	1721060335	Nguyễn Hữu	Hải	11/7/1999	2243				
38	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	2244				C1
39	1621060835	Trần Ngọc	Hải	17/08/1997	2245				C1
40	1421020345	Nguyễn Công	Hậu	1/5/1996	2246				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 2_4020301 Tổ thi: 002_2_4020301 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **11** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721050600	Đỗ Chí Minh	Hiếu	16/10/1999	2247				
2	1521080003	Nguyễn Minh	Hiếu	15/02/1997	2248				C1
3	1521010408	Nguyễn Xuân	Hiếu	3/12/1997	2249				
4	1621060071	Nguyễn Như	Hoàng	17/08/1998	2250				
5	1721060188	Nguyễn Quang	Hoàng	28/02/1999	2251				
6	1521060322	Phạm Đỗ Việt	Hoàng	29/08/1997	2252				C1
7	1521060220	Trần Minh	Hoàng	2/2/1997	2253				
8	1621060318	Trần Việt	Hoàng	6/9/1998	2254				
9	1721060160	Trần Thị	Hồng	30/08/1999	2255				
10	1421030083	Lê Hữu	Huệ	13/09/1996	2256				
11	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/1997	2257				C1
12	1421011154	Nguyễn Đức	Huy	21/05/1996	2258				
13	1421040131	Nguyễn Quang	Huy	11/9/1996	2259				
14	1621060799	Vì Tiến	Huy	11/9/1998	2260				
15	1621010737	Hoàng Thị	Huyền	8/12/1998	2261				
16	1721050493	Lê Thị	Huyền	23/02/1999	2262				
17	1421060136	Nguyễn Thị	Huyền	18/12/1996	2263				
18	1521020079	Đồng Đăng	Khoa	18/01/1993	2264				
19	1421050460	Lê Trung	Kiên	15/05/1996	2265				
20	1521050236	Vũ Đức	Kiên	18/03/1997	2266				
21	1621050094	Hồ Thị Bích	Lệ	18/06/1998	2267				
22	1621060548	Đỗ Tuấn	Linh	9/3/1998	2268				C1
23	1521030387	Phạm Hoàng	Linh	6/2/1997	2269				
24	1621070037	Trần Hữu	Linh	23/10/1998	2270				
25	1724010836	Trịnh Kiều	Linh	23/07/1999	2271				C1
26	1524010268	Vũ Thị Mỹ	Linh	19/11/1997	2272				
27	1521050214	Tạ Tấn	Lộc	21/02/1997	2273				
28	1621060707	Nguyễn Ngọc	Lợi	5/4/1998	2274				
29	1621060162	Hoàng Phúc	Long	6/11/1995	2275				C1
30	1721060084	Nguyễn Văn	Luận	24/08/1999	2276				
31	1721060075	Chúc Văn	Mạnh	17/07/1999	2277				
32	1421050126	Nguyễn Tiến	Mạnh	12/12/1996	2278				
33	1521050287	Tạ Quang	Minh	15/04/1997	2279				C1
34	1524010099	Nguyễn Trà	My	24/12/1997	2280				
35	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/1996	2281				
36	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/1994	2282				
37	1521010176	Đặng Nguyễn Duy	Ngọc	25/01/1997	2283				
38	1624010713	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	24/02/1998	2284				
39	1521020027	Bùi Quang	Nhất	1/10/1997	2285				
40	1421020122	Nguyễn Trọng	Phong	20/11/1996	2286				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 2_4020301 Tổ thi: 003_2_4020301 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **11** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010304	Phan Minh	Quân	4/10/1997	2287				
2	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	2288				
3	1621050888	Nguyễn Thê	Quyên	2/1/1997	2289				
4	1521060168	Vũ Văn	Quyên	9/6/1997	2290				
5	1621050461	Đỗ Đình	Quỳnh	24/09/1998	2291				
6	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/1997	2292				
7	1721060811	Nguyễn Văn	Sỹ	11/2/1999	2293				
8	1321060250	Nguyễn Đình	Tài	10/9/1995	2294				
9	1621060224	Nguyễn Thị	Tâm	19/12/1998	2295				
10	1421020554	Đào Đức	Tân	11/3/1996	2296				
11	1621080116	Hoàng Thọ	Thắng	14/01/1998	2297				
12	1421070468	Lê Hữu	Thắng	9/8/1995	2298				
13	1721060090	Nguyễn Thắng	Thanh	15/03/1999	2299				
14	1521030070	Phùng Bá	Thành	27/10/1997	2300				
15	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	2301				
16	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	2302				C1
17	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/1995	2303				
18	1621050109	Phạm Phương	Thảo	30/10/1998	2304				
19	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/1997	2305				
20	1721050290	Nguyễn Hoài	Thương	15/01/1999	2306				
21	1724010408	Vũ Thị Minh	Thúy	11/4/1999	2307				
22	1621050819	Hoàng Văn	Thùy	8/9/1998	2308				
23	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	2309				
24	1521070137	Vũ Đình	Tiến	7/12/1997	2310				C1
25	1721050058	Nguyễn Công	Tín	17/10/1998	2311				C1
26	1624010052	Hoàng Thị Vân	Trang	27/06/1998	2312				
27	1721050199	Nguyễn Thu	Trang	14/11/1999	2313				
28	1521050148	Phùng Quang	Trí	27/08/1997	2314				C1
29	1621060209	Nguyễn Văn	Triều	20/02/1998	2315				
30	1421020174	Nguyễn Hữu	Trọng	30/12/1996	2316				
31	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	2317				
32	1521010143	Phan Thê	Trung	18/03/1997	2318				
33	1621010160	Vũ Thành	Trung	27/10/1994	2319				
34	1321060652	Dương Trọng	Trường	8/4/1995	2320				
35	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	2321				C1
36	1421020657	Lê Anh	Tuấn	8/12/1996	2322				
37	1621070147	Bùi Công	Tuyên	7/1/1998	2323				
38	1721060504	Chúc Văn	Tuyên	13/10/1999	2324				
39	1521020086	Lê Thanh	Tuyển	13/07/1997	2325				
40	1611060003	Lê Trung	Văn	6/9/1998	2326				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018

Mã học phần: 4020301 Nhóm: 2_4020301 Tổ thi: 003_2_4020301 Tên HP: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản
Ngày thi: **7/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **11** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1724010344	Hoàng Thị	Xuân	8/4/1999	2327				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010302 Nhóm: 2_4010302 Tổ thi: 001_2_4010302 Tên HP: Hóa học đại cương phần 2
Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA407** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1121010018	Trần Ngọc	Anh	11/11/1993	2328				C1
2	1621010045	Lưu Đức	Ba	6/6/1998	2329				
3	1621010372	Lê Duy	Bình	18/06/1998	2330				
4	1521010426	Phan Văn	Cường	8/3/1997	2331				C1
5	1321011013	Lê Hữu	Đại	1/5/1995	2332				
6	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/5/1997	2333				
7	1431010001	Đỗ Thành	Hiếu	15/01/1991	2334				
8	1521010439	Nguyễn Mạnh	Hùng	7/3/1997	2335				
9	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	2336				
10	1421011279	Nguyễn Thị	Phương	12/7/1996	2337				
11	1521010429	Nguyễn Tiến	Sáng	21/06/1997	2338				
12	1521010333	Nguyễn Đức	Thạch	28/10/1997	2339				
13	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	2340				
14	1521010362	Đoàn Thị Hà	Trang	28/10/1997	2341				
15	1521010342	Vũ Thị	Trang	12/9/1997	2342				
16	1521010385	Nguyễn Văn	Trí	6/8/1996	2343				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 001_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421050001	Lê Đức	An	6/5/1996	2344				
2	1621070127	Lê Tuấn	An	21/03/1998	2345				
3	1524010016	Nguyễn Thê	An	15/12/1996	2346				
4	1421040355	Nguyễn Trường	An	4/3/1996	2347				
5	1421050002	Nguyễn Việt	An	1/8/1996	2348				
6	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	2349				
7	1421020004	Đặng Đức	Anh	15/09/1996	2350				
8	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/1996	2351				
9	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/1996	2352				
10	1621050001	Hồ Phi Đức	Anh	8/5/1997	2353				C1
11	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	2354				C1
12	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/1997	2355				
13	1421030245	Lê Đức	Anh	29/04/1996	2356				
14	1621070195	Mai Việt	Anh	1/9/1998	2357				
15	1421060006	Nguyễn Đức	Anh	10/10/1996	2358				
16	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	2359				
17	1421080005	Nguyễn Ngọc	Anh	13/06/1996	2360				
18	1724010374	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/12/1999	2361				
19	1521060016	Nguyễn Tuấn	Anh	23/06/1997	2362				
20	1521070057	Nguyễn Văn Đức	Anh	11/5/1997	2363				C1
21	1421050268	Phạm Tuấn	Anh	12/6/1996	2364				
22	1421050269	Phan Thị	Anh	21/06/1996	2365				
23	1421040009	Trương Ngọc Tuấn	Anh	1/5/1996	2366				
24	1421020014	Vũ Thế	Anh	30/05/1996	2367				
25	1521030016	Đào Thị	ánh	27/01/1997	2368				
26	1421010017	Nguyễn Ngọc	ánh	15/04/1996	2369				
27	1421030009	Nguyễn Ngọc	ánh	27/09/1996	2370				
28	1521080095	Trịnh Ngọc Như	ánh	16/08/1997	2371				
29	1521040113	Kiều Đình	Bách	11/12/1997	2372				
30	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	2373				
31	1421050275	Trần Đình	Bách	21/09/1996	2374				
32	1521050600	Nguyễn Vũ	Bình		2375				C1
33	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/1996	2376				
34	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	6/1/1996	2377				
35	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	2378				C1
36	1421040381	Phạm Văn	Chiến	4/10/1995	2379				
37	1421080009	Lã Văn	Chiều	1/2/1996	2380				
38	1621070085	Ngô Văn	Chinh	19/05/1998	2381				
39	1721060161	Đỗ Ngọc	Chung	9/8/1998	2382				
40	1511030002	Nghiêm Đỗ	Chung	26/01/1997	2383				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 002_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060314	Ngô Quang	Chung	7/6/1998	2384				
2	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	5/8/1996	2385				C1
3	1421030289	Nguyễn Hữu	Chương	14/09/1996	2386				
4	1621060682	Nguyễn Văn	Chương	20/03/1998	2387				
5	1521010103	Lê Văn	Công	28/09/1997	2388				
6	1421080127	Nguyễn Việt	Công	23/09/1995	2389				
7	1421040384	Bùi Quốc	Cường	21/07/1995	2390				C1
8	1421070195	Mai Văn	Cường	11/5/1996	2391				C1
9	1421060349	Nguyễn Đăng	Cường	17/08/1996	2392				
10	1421040038	Phạm Quốc	Cường	3/11/1995	2393				
11	1521010382	Phạm Việt	Cường	6/11/1991	2394				
12	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	5/11/1996	2395				
13	1521010380	Trần Võ	Đại	15/12/1997	2396				C1
14	1421020257	Phạm Đường	Dân	6/3/1996	2397				
15	1421060070	Nguyễn Hải	Đăng	5/3/1995	2398				
16	1421060072	Nguyễn Văn	Đăng	30/06/1996	2399				
17	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	2400				
18	1521010411	Lê Duy	Đạt	6/2/1997	2401				
19	1521070209	Mạnh Lộc	Đạt	30/06/1997	2402				
20	1421040066	Nguyễn Trung	Đạt	11/6/1995	2403				
21	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	5/1/1996	2404				
22	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	2405				
23	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/2/1996	2406				
24	1421040385	Phạm Công	Doanh	18/02/1996	2407				
25	1621070074	Mai Hữu	Đông	1/1/1998	2408				
26	1421010066	Phạm Văn	Dự	3/2/1996	2409				
27	1621050411	Bùi Trung	Đức	21/04/1998	2410				
28	1421060079	Bùi Văn	Đức	5/4/1996	2411				
29	1421020030	Bùi Thị	Dung	30/10/1996	2412				
30	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	2413				
31	1621050443	Đinh Văn	Dũng	19/05/1998	2414				
32	1621050277	Nguyễn Việt	Dũng	21/02/1998	2415				C1
33	1621030023	Trần Tiến	Dũng	6/12/1998	2416				C1
34	1421040052	Trần Văn	Dũng	9/7/1996	2417				
35	1421040053	Trịnh Quang	Dũng	8/12/1996	2418				
36	1421080174	Vũ Việt	Dũng	18/04/1996	2419				
37	1421080019	Hoàng Tuấn	Dương	4/6/1996	2420				C1
38	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	2/10/1996	2421				
39	1421060062	Trần Văn	Dương	18/09/1996	2422				
40	1421010064	Phạm Công	Duy	20/04/1996	2423				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 003_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050064	Đặng Minh	Đức	21/01/1997	2424				
2	1521070022	Đinh Văn	Đức	15/09/1997	2425				
3	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	2426				
4	1521010003	Lê Trung	Đức	25/05/1997	2427				
5	1521070063	Trần Văn	Đương	8/11/1997	2428				
6	1421060083	Phạm Văn	Đường	12/11/1996	2429				
7	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	2430				C1
8	1621060191	Trần Ngọc	Giang	7/11/1998	2431				C1
9	1421040086	Vũ Thế	Giang	17/10/1996	2432				
10	1221020054	Lộ Chí	Giàu	1/11/1994	2433				C1
11	1621080046	Nguyễn Hoàng	Hải	18/03/1998	2434				C1
12	1611060023	Nguyễn Ngọc	Hải	24/01/1998	2435				
13	1621050192	Phạm Minh	Hải	1/6/1998	2436				
14	1521030103	Lô Văn	Hằng	20/03/1997	2437				
15	1524010079	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	15/10/1997	2438				C1
16	1421030063	Trần Thanh	Hằng	21/05/1996	2439				
17	1621060396	Trần Ngọc	Hạnh	8/8/1998	2440				
18	1421010100	Đặng Văn	Hào	5/10/1996	2441				
19	1421010106	Phạm Ngọc	Hậu	24/03/1996	2442				
20	1521030382	Vi Thị	Hiền	23/09/1997	2443				
21	1421010110	Nguyễn Quang	Hiền	6/10/1996	2444				
22	1521040125	Nguyễn Văn	Hiệp	20/02/1997	2445				
23	1621040107	Đoàn Mạnh	Hiếu	7/3/1998	2446				C1
24	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	4/9/1998	2447				C1
25	1421020062	Nguyễn Đình	Hiếu	26/05/1996	2448				
26	1621060010	Nguyễn Minh	Hiếu	11/4/1998	2449				
27	1521070025	Nguyễn Vũ	Hiếu	23/12/1997	2450				
28	1621010232	Trần Minh	Hiếu	12/6/1998	2451				
29	1521030139	Lê Thị	Hoa	28/06/1997	2452				
30	1611040006	Nguyễn Xuân	Hòa	16/10/1998	2453				
31	1421030075	Trần Quang	Hoan	4/11/1995	2454				
32	1421030078	Bùi Việt	Hoàng	31/12/1996	2455				
33	1421050073	Đinh Văn	Hoàng	8/4/1995	2456				
34	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	2457				
35	1421011138	Nguyễn Huy	Hoàng	21/12/1996	2458				
36	1421040119	Quách Duy	Hoàng	18/09/1996	2459				
37	1521060124	Vũ Đức Minh	Hoàng	26/09/1997	2460				
38	1521041004	Hoàng Thị	Hồng	3/12/1997	2461				
39	1521050385	Nguyễn Thị	Huế	7/11/1995	2462				
40	1521020042	Nguyễn Thị Kim	Huệ	13/07/1997	2463				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 004_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030128	Vũ Thị Thanh Kim	Huệ	20/03/1997	2464				
2	1621050181	Lê Huy	Hùng	13/12/1997	2465				
3	1521070058	Nguyễn Văn	Hùng	10/1/1997	2466				C1
4	1521070019	Phạm Văn	Hùng	9/9/1997	2467				
5	1521020219	Đình Quang	Hưng	3/2/1997	2468				C1
6	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/1996	2469				
7	1421030099	Lê Văn	Hưng	9/4/1993	2470				C1
8	1621060492	Ngô Thịnh	Hưng	8/4/1998	2471				
9	1421080046	Nguyễn Hữu	Hưng	13/08/1996	2472				
10	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hưng	24/01/1993	2473				
11	1521050179	Nguyễn Văn	Hưng	20/11/1997	2474				
12	1511030008	Tạ Tuấn	Hưng	11/12/1997	2475				
13	1621050221	Trần Khải	Hưng	14/12/1998	2476				
14	1521030056	Trương Thanh	Hưng	14/02/1997	2477				
15	1524010216	Lục Thị Thu	Hương	26/05/1997	2478				
16	1724010375	Phạm Thị Kiều	Hương	2/4/1999	2479				C1
17	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	2480				
18	1524010240	Nguyễn Thị Thúy	Hường	3/9/1997	2481				
19	1421060459	Nguyễn Văn	Hường	26/08/1996	2482				
20	1421080050	Cao Thái	Hữu	11/12/1995	2483				
21	1521060087	Đặng Văn	Huy	26/04/1997	2484				
22	1521030102	Đỗ Khắc	Huy	26/11/1997	2485				
23	1521060083	Đỗ Quang	Huy	8/7/1997	2486				
24	1421030091	Hà Trọng	Huy	30/05/1996	2487				
25	1621050720	Nguyễn Duy	Huy	25/07/1998	2488				
26	1421080237	Nguyễn Quang	Huy	1/7/1996	2489				
27	1421080044	Nguyễn Xuân	Huy	11/1/1996	2490				
28	1521030238	Trần Đức	Huy	17/08/1997	2491				
29	1621060799	Vì Tiến	Huy	11/9/1998	2492				
30	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/9/1995	2493				
31	1721011020	Nguyễn Thị	Huyền	26/02/1999	2494				
32	1511030004	Nguyễn Văn	Huỳnh	3/2/1997	2495				
33	1421030105	Đào Đình	Khang	15/03/1995	2496				
34	1421030106	Nguyễn Hữu	Khang	15/01/1996	2497				
35	1421010163	Đào Văn	Khánh	27/03/1996	2498				
36	1421020414	Nguyễn Sỹ	Khánh	5/3/1996	2499				
37	1321050106	Bùi Quang	Khoa	19/12/1994	2500				
38	1621060334	Nguyễn Duy	Khương	22/01/1998	2501				
39	1421020423	Đặng Xuân	Kỳ	2/4/1996	2502				
40	1524010456	Phạm Văn	Lâm	6/7/1997	2503				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 005_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	5/11/1998	2504				
2	1521080186	Đặng Vũ Nhật	Lệ	4/5/1997	2505				
3	1421080055	Bùi Hoàng Mỹ	Linh	29/07/1996	2506				
4	1521010416	Đinh Thị	Linh	9/11/1997	2507				
5	1421020434	Lưu Quang	Linh	2/9/1996	2508				
6	1421050107	Ngô Thị	Linh	15/04/1996	2509				C1
7	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/1997	2510				C1
8	1521010343	Nhâm Tuấn	Linh	12/7/1997	2511				
9	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	2512				C1
10	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	1/3/1996	2513				
11	1421040448	Trần Đức	Lợi	9/5/1996	2514				C1
12	1321011068	Hoàng Phi	Long	16/06/1994	2515				
13	1521030141	Nguyễn Gia	Long	13/03/1997	2516				
14	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	2517				
15	1421060487	Đào Tiến	Lực	17/02/1996	2518				
16	1521050251	Vũ Thu	Ly	1/3/1997	2519				
17	1521030367	Nguyễn Thị	Mai	13/01/1997	2520				
18	1421060173	Phạm Hồng	Mạnh	27/06/1996	2521				
19	1624010493	Phạm Văn	Mạnh	1/12/1997	2522				
20	1421020466	Phùng Đức	Mạnh	28/01/1995	2523				
21	1421030454	Võ Hồng	Mạnh	12/5/1996	2524				
22	1421040185	Hà Văn	Minh	24/05/1996	2525				
23	1421080289	Lục Văn	Minh	1/5/1996	2526				
24	1421080071	Nguyễn Tuấn	Minh	19/03/1996	2527				
25	1421020472	Nguyễn Văn	Minh	20/09/1995	2528				
26	1521030147	Cù Minh	Nam	6/8/1997	2529				
27	1521050431	Hoàng Quốc	Nam	9/7/1997	2530				
28	1621050364	Lương Ngọc	Nam	15/09/1998	2531				
29	1421080294	Nguyễn Mạnh	Nam	5/6/1996	2532				
30	1421060500	Nguyễn Phương	Nam	28/08/1996	2533				C1
31	1524010193	Đoàn Thị Thúy	Nga	1/6/1997	2534				C1
32	1521080211	Nguyễn Phú Thị	Nga	1/2/1996	2535				
33	1621060945	Hoàng Trọng	Nghĩa	8/2/1998	2536				
34	1421060193	Nguyễn Văn	Nghĩa	22/05/1993	2537				
35	1421020116	Nguyễn Thị	Ngoan	27/12/1996	2538				
36	1524010115	Lại Hồng	Ngọc	25/07/1997	2539				
37	1421040201	Lê Hữu	Ngọc	27/10/1996	2540				
38	1621060111	Nguyễn Văn	Nguru	22/06/1997	2541				
39	1524010346	Lê Thị ánh	Nguyệt	30/06/1997	2542				
40	1524010027	Phạm Thị	Nguyệt	16/06/1997	2543				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 006_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAB205**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040203	Trần Viết	Nhất	26/02/1996	2544				
2	1421080309	Nguyễn Lan	Nhi	27/12/1995	2545				
3	1521010084	Nguyễn Văn	Nhỏ	12/1/1997	2546				
4	1621070712	Trịnh Bá	Phi	9/2/1998	2547				
5	1621050153	Đặng Duy	Phong	24/10/1998	2548				
6	1421020121	Nguyễn Đức	Phong	28/01/1996	2549				
7	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/1997	2550				
8	1421080319	Vũ	Phong	20/04/1996	2551				C1
9	1621060393	Hoàng Văn	Phong	25/02/1998	2552				
10	1421060207	Phạm Văn	Phú	25/01/1996	2553				
11	1621060119	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/10/1998	2554				
12	1521070457	Bùi Thị	Phương	1/9/1997	2555				
13	1521030285	Đặng Việt	Phương	28/11/1997	2556				
14	1521080223	Nguyễn Thị	Phương	10/9/1997	2557				
15	1521070050	Phan Thị	Phương	2/9/1997	2558				
16	1421080332	Kiều Thị	Phượng	6/9/1996	2559				
17	1521030436	Phạm Thị	Phượng	24/07/1997	2560				
18	1524010495	Trần Thị	Phượng	19/04/1996	2561				
19	1421070427	Đỗ Trọng	Quân	29/10/1996	2562				
20	1421010269	Nguyễn Ngọc	Quân	11/8/1996	2563				
21	1521050139	Nguyễn Văn	Quân	18/11/1997	2564				
22	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	2565				
23	1521070006	Lê Mạnh	Quang	6/11/1997	2566				C1
24	1421010260	Phạm Văn	Quang	3/11/1996	2567				C1
25	1421070098	Phạm Văn	Quang	26/12/1996	2568				
26	1321060230	Lê Chấn	Quốc	20/05/1995	2569				
27	1521030439	Ma Minh	Quy	29/04/1997	2570				
28	1521010016	Phan Trọng	Quý	27/09/1996	2571				
29	1524010119	Trần Thị	Quyên	2/3/1997	2572				
30	1421020131	Phạm Như	Quyên	20/05/1996	2573				
31	1621010339	Nguyễn Đỗ	Quyết	4/6/1998	2574				
32	1421060221	Trần Văn	Quyết	13/08/1996	2575				C1
33	1421060222	Vũ Yên	Quyết	3/2/1996	2576				
34	1521030032	Chang A	Sa	29/08/1996	2577				
35	1421050167	Mai Văn	Sáng	2/11/1996	2578				
36	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	4/7/1997	2579				
37	1421040232	Cao Văn	Sơn	15/05/1995	2580				
38	1621060650	Đoàn Thanh	Sơn	10/1/1998	2581				
39	1521010283	Nguyễn Hoàng	Sơn	2/1/1997	2582				
40	1421011296	Nguyễn Hồng	Sơn	29/03/1996	2583				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 007_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA203**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	2584				
2	1621060140	Nguyễn Khắc	Sơn	26/02/1998	2585				C1
3	1421050172	Nguyễn Xuân	Sơn	15/03/1996	2586				
4	1521020028	Vũ Đình	Sơn	27/11/1997	2587				C1
5	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/1996	2588				
6	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/1996	2589				
7	1421040235	Trần Ngọc	Tài	19/11/1996	2590				
8	1421020554	Đào Đức	Tân	11/3/1996	2591				
9	1421080349	Bùi An	Thái	18/09/1996	2592				
10	1621060561	Hoàng Hồng	Thái	6/3/1998	2593				
11	1521080239	Nguyễn Hưng	Thái	1/6/1997	2594				
12	1621050838	Nguyễn Thành	Thái	21/10/1995	2595				
13	1621050598	Nguyễn Văn	Thái	24/05/1996	2596				
14	1421070116	Nguyễn Toàn	Thắng	4/6/1996	2597				
15	1521070145	Cao Mạnh	Thắng	11/8/1997	2598				
16	1521030390	Nguyễn Ngọc	Thắng	11/10/1994	2599				
17	1521010110	Phạm Đức	Thắng	15/05/1997	2600				
18	1521080242	Trần Quyết	Thắng	9/11/1997	2601				
19	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	2/8/1997	2602				
20	1521040303	Đỗ Văn	Thanh	24/12/1997	2603				C1
21	1421030175	Nguyễn Ngọc	Thanh	26/02/1995	2604				
22	1611050016	Dương Đức	Thành	29/12/1998	2605				
23	1521030444	Dương Minh	Thành	4/9/1997	2606				
24	1421060251	Nguyễn Tiến	Thành	4/10/1996	2607				
25	1621010024	Nguyễn Văn	Thành	2/1/1995	2608				
26	1421010299	Phạm Vũ Tiến	Thành	19/05/1996	2609				C1
27	1421050600	Lê Thị Thanh	Thảo	23/10/1994	2610				
28	1421030553	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/11/1996	2611				
29	1521080253	Nguyễn Thu	Thảo	5/6/1997	2612				
30	1521030131	Đỗ Danh	Thế	1/12/1997	2613				
31	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	2614				
32	1721080029	Tổng Minh	Thiên	28/11/1997	2615				C1
33	1621070736	Đinh Hoàng Khánh	Thịnh	18/01/1998	2616				
34	1421060264	Lê Đức	Thịnh	9/5/1996	2617				
35	1421080372	Nguyễn Quang	Thịnh	4/12/1995	2618				
36	1621040130	Vũ Văn	Thịnh	22/08/1998	2619				
37	1621060901	Vũ Văn	Thịnh	25/08/1998	2620				
38	1524010623	Bùi Thị	Thơm	29/10/1997	2621				
39	1521030316	Bùi Thị	Thơm	23/01/1997	2622				
40	1421060265	Nguyễn Văn	Thông	1/7/1996	2623				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 008_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA409**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/2/1996	2624				
2	1421020595	Nguyễn Quốc	Thuần	14/11/1994	2625				C1
3	1621010029	Nguyễn Trung	Thuận	20/10/1998	2626				
4	1421010328	Trần Văn	Thực	19/12/1995	2627				
5	1624010854	Nguyễn Thị	Thương	16/11/1998	2628				C1
6	1521080259	Trần Thị	Thương	24/10/1997	2629				
7	1521040314	Phạm Thanh	Thúy	19/05/1996	2630				
8	1524010255	Nguyễn Thị	Thúy	27/01/1997	2631				
9	1421080392	Nguyễn Vũ Yên	Thy	24/07/1996	2632				
10	1421010338	Nguyễn Ngọc	Tính	18/10/1996	2633				
11	1421040292	Bùi Văn	Toàn	28/06/1996	2634				
12	1621010048	Vũ Đức	Toàn	11/8/1997	2635				
13	1521050314	Đặng Đức	Tôn	3/7/1997	2636				
14	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	2637				
15	1424010585	Lê Thị Thu	Trang	19/08/1996	2638				
16	1521010158	Nguyễn Thị Hương	Trang	9/9/1997	2639				
17	1421070493	Ngô Minh	Trí	23/09/1996	2640				
18	1421020173	Hoàng Quốc	Trọng	6/2/1996	2641				
19	1521060438	Phạm Vũ	Trọng	6/10/1997	2642				
20	1421040306	Hoàng Văn	Trung	10/3/1996	2643				
21	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	2644				
22	1521060420	Nguyễn Hà	Trung	16/01/1997	2645				
23	1421040545	Nguyễn Văn	Trung	18/03/1996	2646				
24	1521070047	Nhữ Quang	Trung	8/6/1997	2647				C1
25	1621060715	Phạm Quang	Trung	14/12/1998	2648				C1
26	1624010667	Trần Công	Trung	1/4/1997	2649				
27	1721060156	Trần Minh	Trung	27/02/1999	2650				
28	1621010266	Trần Quang	Trung	13/03/1998	2651				
29	1421080406	Đặng Phúc	Trường	31/10/1996	2652				C1
30	1521030336	Lại Đức	Trường	24/05/1997	2653				
31	1421020642	Nguyễn Nhật	Trường	1/1/1996	2654				
32	1521050083	Trần Danh	Trường	23/06/1996	2655				
33	1421050674	Trần Văn	Trường	20/06/1994	2656				
34	1521070384	Trần Văn	Trường	29/04/1997	2657				
35	1421030213	Nguyễn Văn	Trường	16/03/1994	2658				C1
36	1421050677	Lai Thanh	Tú	21/05/1996	2659				
37	1421040312	Nguyễn Ngọc	Tú	17/10/1996	2660				
38	1421030600	Nguyễn Văn	Tú	16/09/1995	2661				
39	1524010261	Trần Anh	Tú	13/05/1996	2662				C1
40	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	2663				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010613 Nhóm: 2_4010613 Tổ thi: 009_2_4010613 Tên HP: Tiếng Anh 1

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA205**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040315	Lê Anh	Tuấn	4/10/1996	2664				
2	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	2665				
3	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	8/4/1996	2666				C1
4	1421050689	Nguyễn Văn	Tuấn	11/10/1996	2667				
5	1321080540	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/1995	2668				
6	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/1996	2669				
7	1534010400	Hoàng Huy	Tùng	30/0/198/	2670				C1
8	1421040331	Hoàng Việt	Tùng	19/09/1996	2671				
9	1421010374	Mạc Trần	Tùng	11/9/1995	2672				
10	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	2673				
11	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	2674				
12	1421060633	Trần Quang	Tùng	1/8/1996	2675				
13	1521080283	Vũ Thanh	Tùng	20/07/1996	2676				
14	1521020346	Lê Đình	Tường	10/7/1997	2677				
15	1521080284	Bùi Hữu	Tuyền	20/10/1997	2678				
16	1521040093	Lê Văn	Tuyền	20/06/1996	2679				C1
17	1521070095	Triệu Văn	Tuyền	16/11/1994	2680				C1
18	1524010557	Nguyễn Văn	Tuyền	13/08/1996	2681				
19	1421060308	Trương Ngọc	Tuyền	13/12/1996	2682				
20	1521060188	Nguyễn Văn	Tuyền	5/7/1997	2683				
21	1611060003	Lê Trung	Văn	6/9/1998	2684				C1
22	1621060454	Đào Văn	Vệ	19/10/1998	2685				C1
23	1421060643	Đặng Tuấn	Việt	10/9/1996	2686				
24	1521030459	Hà Quốc	Việt	8/5/1997	2687				
25	1524010019	Phạm Viết	Việt	23/05/1996	2688				
26	1421080428	Trần Hoàng	Việt	25/01/1996	2689				
27	1421060318	Đỗ Quang	Vinh	19/09/1996	2690				
28	1421030233	Lục Quang	Vinh	28/12/1994	2691				
29	1521030347	Nguyễn Quang	Vinh	19/07/1997	2692				
30	1534010401	Hoàng Quốc	Vũ	03/0/194/	2693				C1
31	1421080430	Phạm Thị	Xoan	13/10/1996	2694				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070309 Nhóm: 2_4070309 Tổ thi: 001_2_4070309 Tên HP: Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh
Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA307** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010001L	Soudsaychai Homdou		26/01/1997	2695				
2	1734010077	Phạm Ngọc	Anh	1/5/1996	2696				
3	1524010571	Nông Lâm Bảo	Châu	4/10/1997	2697				
4	1421030290	Đoàn Thành	Công	23/06/1996	2698				
5	1524010123	Nguyễn Anh	Đức	23/09/1997	2699				
6	1424010025	Trần Anh	Dũng	23/12/1996	2700				
7	1524010002	Nguyễn Thị	Duyên	30/11/1997	2701				
8	1524010415	Nguyễn Thị	Hiên	22/11/1997	2702				
9	1524010432	Đỗ Thị	Huệ	27/04/1997	2703				
10	1524010435	Trịnh Việt	Hùng	5/6/1991	2704				
11	1524010608	Vũ Thị Thanh	Hương	7/9/1997	2705				
12	1524010219	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	9/5/1997	2706				
13	1524010461	Hoàng Khánh	Linh	10/6/1997	2707				
14	1524010039	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22/08/1997	2708				
15	1524010336	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/10/1997	2709				
16	1734010081	Nguyễn Thảo	Ly	16/11/1996	2710				
17	1524010133	Lê Thị	Mai	12/6/1997	2711				
18	1424010124	Lê Ngọc	Minh	28/12/1995	2712				
19	1524010047	Phạm Hải	Nam	2/9/1997	2713				
20	1524010479	Đinh Bảo	Ngọc	12/6/1997	2714				
21	1734010082	Lê Thị Quỳnh	Ngọc	10/5/1996	2715				
22	1524010619	Phí Thị Kiều	Oanh	20/01/1997	2716				
23	1524010263	Trần Thu	Phong	7/10/1997	2717				
24	1734010085	Đỗ Thị Thu	Phương	16/10/1996	2718				
25	1734010084	Hoàng Thị	Phương	10/11/1996	2719				
26	1524010249	Nguyễn Thị	Tân	28/01/1997	2720				
27	1424010184	Trần Đắc Ngọc	Thắng	30/05/1994	2721				C1
28	1524010628	Dương Thị Thanh	Thúy	14/10/1996	2722				C1
29	1524010520	Nguyễn Thị	Thúy	26/08/1997	2723				
30	1524010633	Đinh Thị Thu	Trang	4/11/1997	2724				
31	1524010057	Nguyễn Thị	Trang	7/8/1997	2725				
32	1524010037	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/10/1997	2726				
33	1521050294	Đỗ Anh	Tuấn	12/2/1997	2727				C1
34	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	3/11/1994	2728				
35	1524010560	Vũ Thị Tố	Uyên	25/08/1997	2729				
36	1734010086	Vũ Thu	Uyên	22/08/1996	2730				C1
37	1524010053	Lê Huy	Vũ	17/09/1997	2731				
38	1524010565	Trần Ngọc Thảo	Vy	27/06/1997	2732				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080303 Nhóm: 2_4080303 Tổ thi: 001_2_4080303 Tên HP: Tiếng Anh chuyên ngành
Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA304** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521050109	Trần Tuấn	Anh	7/6/1997	2733				
2	1521050036	Nguyễn Huy	Bình	18/05/1996	2734				
3	1521050153	Phạm Thị	Hiền	10/4/1997	2735				
4	1521050123	Nguyễn Tuấn	Hưng	24/06/1997	2736				
5	1521050029	Lưu Thị Thùy	Linh	7/4/1997	2737				C1
6	1521050217	Nguyễn Trọng	Nghĩa	17/04/1997	2738				
7	1521050013	Nguyễn Thành	Tôn	26/08/1997	2739				
8	1521050131	Nguyễn Anh	Tuấn	5/6/1995	2740				
9	1521050046	Tổng Xuân	Vinh	19/05/1997	2741				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 001_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040354	Lê Minh	An	19/07/1996	2742				
2	1524010016	Nguyễn Thế	An	15/12/1996	2743				
3	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/1997	2744				
4	1521070144	Đào Hoàng	Anh	25/11/1997	2745				
5	1524010105	Đỗ Thị Lan	Anh	16/01/1997	2746				
6	1421010007	Đỗ Thị Ngọc	Anh	13/09/1996	2747				
7	1421030243	Đỗ Tuấn	Anh	10/8/1996	2748				
8	1421010392D	Dùng Thế	Anh	4/8/1995	2749				
9	1621050001	Hồ Phi Đức	Anh	8/5/1997	2750				C1
10	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	8/11/1995	2751				
11	1511060027	Nguyễn Duy	Anh	12/12/1997	2752				
12	1421030252	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/10/1996	2753				
13	1721050551	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3/12/1999	2754				
14	1724010414	Nguyễn Thị Vân	Anh	9/9/1999	2755				
15	1621060633	Nguyễn Tuấn	Anh	23/11/1998	2756				
16	1421020011	Phạm Thị Vân	Anh	22/06/1996	2757				
17	1621050568	Phạm Tuấn	Anh	5/1/1998	2758				
18	1424010012	Vũ Thị Lan	Anh	10/5/1996	2759				
19	1521030016	Đào Thị	ánh	27/01/1997	2760				
20	1421010017	Nguyễn Ngọc	ánh	15/04/1996	2761				
21	1521080095	Trịnh Ngọc Như	ánh	16/08/1997	2762				
22	1421020224	Đoàn Thanh	Ba	1/12/1995	2763				
23	1421020018	Đỗ Văn	Bằng	6/10/1996	2764				
24	1521070147	Nguyễn Văn	Bằng	6/6/1997	2765				
25	1421060019	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/1996	2766				
26	1421020233	Lê Văn	Bền	3/4/1995	2767				
27	1421060022	Vũ Văn	Biên	10/1/1996	2768				
28	1421070173	Nguyễn Hiếu	Bình	21/04/1996	2769				
29	1421010031	Lương Xuân	Cảnh	26/11/1996	2770				
30	1421040373	Nguyễn Đức	Cảnh	5/5/1995	2771				
31	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/1996	2772				
32	1421040021	Nguyễn Thanh	Cao	6/1/1996	2773				
33	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	2774				
34	1421040379	Bế Ngọc	Chiến	4/9/1996	2775				
35	1421040381	Phạm Văn	Chiến	4/10/1995	2776				
36	1421080009	Lã Văn	Chiều	1/2/1996	2777				
37	1421070014	Nguyễn Đức	Chinh	5/2/1996	2778				
38	1521060116	Nguyễn Thành	Công	27/11/1997	2779				C1
39	1421060038	Nguyễn Văn	Công	29/01/1996	2780				
40	1421020253	Lại Xuân	Cường	19/09/1996	2781				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 002_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010199	Lê Công	Cường	10/2/1996	2782				
2	1421020256	Nguyễn Mạnh	Cường	16/06/1995	2783				
3	1421080011	Nguyễn Văn	Cường	24/03/1994	2784				
4	1521010382	Phạm Viết	Cường	6/11/1991	2785				
5	1521050340	Trần Đăng	Cường	20/09/1994	2786				
6	1421060354	Trịnh Văn	Cường	14/02/1996	2787				
7	1421040039	Vũ Mạnh	Cường	5/11/1996	2788				
8	1721050149	Nguyễn Quang	Đại	9/10/1999	2789				C1
9	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	2790				
10	1521050015	Đỗ Đăng	Đạt	6/12/1997	2791				
11	1421010078	Đỗ Thành	Đạt	21/01/1994	2792				
12	1521050058	Ngô Văn	Đạt	16/07/1997	2793				C1
13	1621060665	Nguyễn Thế	Dinh	14/06/1998	2794				
14	1421010066	Phạm Văn	Dự	3/2/1996	2795				
15	1421020030	Bùi Thị	Dung	30/10/1996	2796				
16	1621010291	Lê Thị Thùy	Dung	22/11/1998	2797				
17	1521030130	Nguyễn Thị	Dung	1/8/1997	2798				
18	1521020037	Trương Thị	Dung	19/06/1994	2799				
19	1721050155	Đào Đức	Dũng	12/3/1999	2800				
20	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	2801				
21	1421060045	Đinh Trung	Dũng	16/04/1996	2802				
22	1621060666	Đỗ Mạnh	Dũng	25/12/1998	2803				
23	1624010073	Nguyễn Đắc	Dũng	29/10/1998	2804				
24	1421030299	Nguyễn Ngọc	Dũng	5/2/1996	2805				
25	1621050277	Nguyễn Việt	Dũng	21/02/1998	2806				C1
26	1421040050	Phó Đức	Dũng	25/12/1996	2807				
27	1421080174	Vũ Việt	Dũng	18/04/1996	2808				
28	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/1996	2809				
29	1721050459	Nguyễn Văn Tùng	Dương	4/9/1999	2810				
30	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	2/10/1996	2811				
31	1421070223	Phạm Xuân	Dương	15/09/1996	2812				
32	1421060062	Trần Văn	Dương	18/09/1996	2813				
33	1421010060	Đặng	Duy	2/2/1996	2814				
34	1521060107	Ngô Đức	Duy	14/05/1997	2815				
35	1721050292	Nguyễn Hữu	Duy	10/1/1996	2816				C1
36	1421040056	Nguyễn Mạnh	Duy	17/02/1996	2817				
37	1621060985	Nguyễn Tùng	Duy	26/11/1998	2818				
38	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	6/3/1997	2819				
39	1421010064	Phạm Công	Duy	20/04/1996	2820				
40	1524010043	Trần Thị Mỹ	Duyên	10/10/1996	2821				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 003_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060070	Nguyễn Hải	Đăng	5/3/1995	2822				
2	1511050009	Nguyễn Văn	Đăng	19/09/1997	2823				
3	1521060036	Nguyễn Tiến	Đạt	8/12/1997	2824				
4	1421030311	Trần Tiến	Đạt	21/02/1996	2825				C1
5	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	2826				
6	1621050415	Trịnh Tiến	Đạt	17/04/1998	2827				
7	1421050042	Trịnh Văn	Đạt	17/04/1996	2828				
8	1421020038	Phạm Văn	Đình	6/5/1996	2829				
9	1421040399	Đỗ Quang	Đoài	9/4/1995	2830				C1
10	1621050204	Tiết Hải	Đoàn	20/06/1998	2831				
11	1421030045	Trương Công	Đoàn	14/01/1996	2832				
12	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/2/1996	2833				
13	1421060077	Trần Xuân	Đông	6/6/1996	2834				
14	1521060213	Lê Đình	Đồng	24/10/1997	2835				
15	1421060079	Bùi Văn	Đức	5/4/1996	2836				
16	1521050064	Đặng Minh	Đức	21/01/1997	2837				
17	1521070022	Đinh Văn	Đức	15/09/1997	2838				
18	1421020299	Hoàng Anh	Đức	28/02/1996	2839				C1
19	1521030043	Hoàng Mạnh	Đức	20/11/1996	2840				C1
20	1721030011	Phùng Quang	Đức	4/12/1999	2841				
21	1621030217	Trần Tiến	Đức	29/04/1998	2842				
22	1521070063	Trần Văn	Đương	8/11/1997	2843				
23	1721080804	Dương Trường	Giang	5/7/1999	2844				
24	1421020045	Lê Hữu	Giang	29/07/1996	2845				C1
25	1611070008	Nguyễn Hoàng	Giang	25/09/1998	2846				C1
26	1521080030	Trịnh Thị Hương	Giang	8/10/1997	2847				
27	1521060348	Nguyễn Tiến	Giáp	28/01/1997	2848				C1
28	1624010633	Bùi Thị	Hà	6/8/1998	2849				
29	1721050416	Lê Sỹ	Hà	17/11/1999	2850				
30	1721060407	Bùi Ninh	Hải	26/03/1999	2851				
31	1421010093	Bùi Sỹ	Hải	12/10/1996	2852				
32	1421040093	Phạm Ngọc	Hải	16/06/1996	2853				
33	1421030064	Nguyễn Đức	Hân	5/11/1996	2854				
34	1421030063	Trần Thanh	Hằng	21/05/1996	2855				
35	1421060094	Nguyễn Đức	Hanh	26/04/1996	2856				
36	1521030105	Lương Thị Hồng	Hạnh	13/02/1997	2857				
37	1421080208	Nguyễn Song	Hào	4/8/1996	2858				
38	1521030143	Trần Thị	Hào	22/06/1997	2859				
39	1421010106	Phạm Ngọc	Hậu	24/03/1996	2860				
40	1521030024	Trần Công	Hậu	10/4/1997	2861				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 004_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA303**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040103	Đỗ Văn	Hiền	11/7/1995	2862				
2	1421050395	Phan Thế	Hiền	15/01/1996	2863				
3	1521010440	Trần Tuấn	Hiền	13/10/1997	2864				
4	1421040105	Hoàng Văn	Hiệp	30/10/1996	2865				C1
5	1621060122	Nguyễn Công	Hiệp	17/12/1998	2866				
6	1521060342	Nguyễn Tuấn	Hiệp	30/11/1997	2867				
7	1621050101	Phạm Doãn	Hiệp	10/10/1998	2868				C1
8	1421030066	Phạm Duy	Hiệp	19/06/1996	2869				
9	1521010358	Bùi Trung	Hiếu	10/10/1997	2870				
10	1721050600	Đỗ Chí Minh	Hiếu	16/10/1999	2871				
11	1521070012	Hoàng Minh	Hiếu	26/07/1997	2872				
12	1621050027	Hoàng Minh	Hiếu	23/10/1998	2873				C1
13	1421020062	Nguyễn Đình	Hiếu	26/05/1996	2874				
14	1421011121	Nguyễn Duy	Hiếu	24/05/1995	2875				
15	1521010025	Nguyễn Việt	Hiếu	9/9/1997	2876				
16	1521070025	Nguyễn Vũ	Hiếu	23/12/1997	2877				
17	1621080035	Phan Minh	Hiếu	1/7/1998	2878				
18	1421040111	Trịnh Thành	Hiếu	11/6/1996	2879				
19	1521030139	Lê Thị	Hoa	28/06/1997	2880				
20	1521080052	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	17/11/1997	2881				
21	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	2882				
22	1521020069	Lê Văn	Hòa	15/03/1997	2883				
23	1521080153	Mai Xuân	Hòa	19/05/1997	2884				
24	1421050068	Nguyễn Đăng	Hòa	4/11/1996	2885				
25	1521010431	Nguyễn Hữu	Hòa	20/09/1996	2886				
26	1421030360	Nguyễn Khánh	Hòa	1/10/1996	2887				
27	1421030361	Phạm Đức	Hòa	20/06/1996	2888				
28	1421030075	Trần Quang	Hoan	4/11/1995	2889				
29	1421030078	Bùi Việt	Hoàng	31/12/1996	2890				
30	1621050404	Lê Việt	Hoàng	27/12/1998	2891				
31	1421011138	Nguyễn Huy	Hoàng	21/12/1996	2892				
32	1721060188	Nguyễn Quang	Hoàng	28/02/1999	2893				
33	1421040116	Nguyễn Văn	Hoàng	6/11/1996	2894				
34	1421040119	Quách Duy	Hoàng	18/09/1996	2895				
35	1521040181	Trần Huy	Hoàng	29/10/1997	2896				
36	1524010428	Lê Thị	Hồng	5/4/1996	2897				
37	1421030081	Đỗ Xuân	Hợp	17/11/1996	2898				
38	1524010059	Đoàn Văn	Hùng	12/4/1996	2899				
39	1521050224	Lê Mạnh	Hùng	20/09/1996	2900				
40	1421030374	Nguyễn Hữu	Hùng	8/2/1995	2901				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 005_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621020041	Nguyễn Thê	Hùng	19/11/1998	2902				
2	1521070058	Nguyễn Văn	Hùng	10/1/1997	2903				C1
3	1421010148	Cảnh Chi	Hùng	18/04/1996	2904				
4	1511060020	Hoàng Văn	Hùng	28/09/1997	2905				
5	1421060141	Nguyễn Ngọc	Hùng	24/01/1993	2906				
6	1421010151	Trần Đại	Hùng	7/4/1996	2907				
7	1621050221	Trần Khải	Hùng	14/12/1998	2908				
8	1421010152	Trần Trọng	Hùng	11/3/1996	2909				
9	1524010216	Lục Thị Thu	Hương	26/05/1997	2910				
10	1521080064	Nguyễn Thị Thu	Hương	7/1/1996	2911				
11	1524010118	Phạm Thu	Hương	4/11/1997	2912				C1
12	1421060459	Nguyễn Văn	Hường	26/08/1996	2913				
13	1421040147	Đoàn Văn	Hữu	10/3/1996	2914				
14	1421030091	Hà Trọng	Huy	30/05/1996	2915				
15	1421011152	Mai Sỹ	Huy	3/5/1996	2916				
16	1421080237	Nguyễn Quang	Huy	1/7/1996	2917				
17	1521010083	Nguyễn Quốc	Huy	2/10/1997	2918				
18	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	6/11/1997	2919				
19	1421080044	Nguyễn Xuân	Huy	11/1/1996	2920				
20	1521030238	Trần Đức	Huy	17/08/1997	2921				
21	1521040166	Vũ Nguyễn Gia	Huy	19/08/1997	2922				
22	1621030161	Nguyễn Thanh	Huyền	6/8/1998	2923				
23	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	6/11/1997	2924				C1
24	1421040149	Đặng Thế	Khang	31/12/1996	2925				
25	1421060146	Nguyễn Ngọc	Khang	1/12/1996	2926				
26	1521060200	Trần Văn	Khang	12/4/1997	2927				
27	1411060092	Bùi Bách	Khoa	27/06/1996	2928				
28	1421020417	Nguyễn Đức	Khoa	15/01/1996	2929				
29	1621070161	Trần Vũ Minh	Khôi	10/8/1998	2930				
30	1421070067	Nguyễn Duy	Khương	6/12/1996	2931				
31	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	2932				
32	1511060017	Nguyễn Hữu	Kiên	23/12/1996	2933				
33	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	2934				
34	1421030421	Phạm Tùng	Lâm	9/10/1995	2935				
35	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	2936				
36	1421030114	Nguyễn Đăng	Lâm	17/07/1996	2937				
37	1524010456	Phạm Văn	Lâm	6/7/1997	2938				
38	1521080186	Đặng Vũ Nhật	Lệ	4/5/1997	2939				
39	1321070108	Bùi Văn	Lịch	27/02/1995	2940				C1
40	1521040020	Nguyễn Thị	Liễu	24/07/1997	2941				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 006_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAB205**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080055	Bùi Hoàng Mỹ	Linh	29/07/1996	2942				
2	1421030117	Bùi Huyền	Linh	18/11/1996	2943				
3	1524010201	Đàm Gia	Linh	20/06/1996	2944				
4	1521010138	Đào Đăng	Linh	24/12/1997	2945				
5	1421030119	Đỗ Văn	Linh	7/11/1996	2946				
6	1721060521	Lưu Đức	Linh	22/09/1999	2947				
7	1421020434	Lưu Quang	Linh	2/9/1996	2948				
8	1621060801	Mai Chí	Linh	22/08/1998	2949				
9	1411040037	Nguyễn Ngọc	Linh	15/06/1996	2950				C1
10	1621080721	Nguyễn Thuý	Linh	19/03/1998	2951				
11	1621030131	Trần Thị	Linh	22/11/1998	2952				
12	1724010206	Trịnh Thị Thảo	Linh	11/6/1999	2953				C1
13	1524010090	Vũ Thùy	Linh	5/6/1997	2954				
14	1421010183	Vũ Văn	Linh	12/1/1996	2955				
15	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	1/3/1996	2956				
16	1421060162	Ngô Đức	Lộc	1/7/1996	2957				
17	1621060707	Nguyễn Ngọc	Lợi	5/4/1998	2958				
18	1321011068	Hoàng Phi	Long	16/06/1994	2959				
19	1511060013	Phạm Văn	Luân	15/10/1997	2960				
20	1421040174	Chữ Viết	Luận	12/12/1996	2961				
21	1421020003L	Kanlaya	LUANGLA	5/9/1994	2962				
22	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Ly	20/04/1997	2963				
23	1521030367	Nguyễn Thị	Mai	13/01/1997	2964				
24	1421020101	Nguyễn Võ	Mai	4/11/1996	2965				C1
25	1721060075	Chúc Văn	Mạnh	17/07/1999	2966				
26	1421060165	Dương Viết	Mạnh	15/06/1996	2967				
27	1421020104	Lê Văn	Mạnh	14/10/1996	2968				C1
28	1421030450	Lê Văn	Mạnh	7/11/1996	2969				C1
29	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	2970				
30	1421060173	Phạm Hồng	Mạnh	27/06/1996	2971				
31	1421020466	Phùng Đức	Mạnh	28/01/1995	2972				
32	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	2973				
33	1421010199	Vũ Tiến	Mạnh	15/03/1995	2974				
34	1421030456	Nguyễn Văn	Mến	20/09/1996	2975				
35	1621050599	Bùi Đức	Minh	13/07/1998	2976				
36	1421040185	Hà Văn	Minh	24/05/1996	2977				
37	1421080289	Lục Văn	Minh	1/5/1996	2978				
38	1621070199	Nguyễn Phú	Minh	7/5/1998	2979				C1
39	1421080071	Nguyễn Tuấn	Minh	19/03/1996	2980				
40	1421020472	Nguyễn Văn	Minh	20/09/1995	2981				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 007_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA203**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060380	Đặng Văn	Mười	14/11/1996	2982				
2	1521030147	Cù Minh	Nam	6/8/1997	2983				
3	1421060185	Đỗ Phương	Nam	27/01/1996	2984				
4	1421080074	Lê Hữu	Nam	20/07/1995	2985				
5	1421030135	Lê Văn	Nam	25/07/1996	2986				
6	1621050364	Lương Ngọc	Nam	15/09/1998	2987				
7	1621050115	Nguyễn Bá	Nam	6/2/1998	2988				
8	1421080294	Nguyễn Mạnh	Nam	5/6/1996	2989				
9	1421030137	Nguyễn Phương	Nam	5/12/1996	2990				
10	1421010214	Nguyễn Thế	Nam	25/10/1996	2991				
11	1521060134	Nguyễn Xuân	Nam	1/4/1997	2992				C1
12	1524010193	Đoàn Thị Thúy	Nga	1/6/1997	2993				C1
13	1521080211	Nguyễn Phú Thị	Nga	1/2/1996	2994				
14	1724010227	Nguyễn Phương	Nga	3/4/1999	2995				
15	1524010474	Nguyễn Thị	Nga	24/01/1997	2996				
16	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/1994	2997				
17	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	2998				C1
18	1421060192	Nguyễn Trung	Nghĩa	26/06/1996	2999				C1
19	1521039003	Nông Văn	Nghĩa	28/11/1996	3000				
20	1421020490	Phan Văn	Nghĩa	21/05/1996	3001				
21	1421020116	Nguyễn Thị	Ngoan	27/12/1996	3002				
22	1421040199	Bùi Kim	Ngọc	18/09/1996	3003				
23	1621080717	Đặng Thị Bích	Ngọc	13/03/1998	3004				
24	1221030113	Kiều Bảo	Ngọc	15/05/1994	3005				C1
25	1521090055	Nguyễn Bá	Ngọc	24/02/1997	3006				
26	1524010161	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	5/11/1997	3007				
27	1524010192	Nguyễn Thủy	Ngọc	27/10/1996	3008				C1
28	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	3009				
29	1421080309	Nguyễn Lan	Nhi	27/12/1995	3010				
30	1521010084	Nguyễn Văn	Nhỏ	12/1/1997	3011				
31	1421030147	Kiều Thị	Nhung	20/01/1995	3012				
32	1421030149	Trần Thị	Nhung	24/08/1996	3013				
33	1524010264	Vũ Thị	Nhung	5/3/1997	3014				
34	1721020064	Hà Ngọc Hải	Ninh	12/11/1999	3015				C1
35	1421060205	Lê Ngọc Đình	Phan	13/10/1996	3016				
36	1724010879	Vũ Hồng	Phi	30/01/1999	3017				C1
37	1421040209	Phạm Ngọc	Phồn	30/07/1996	3018				
38	1421020121	Nguyễn Đức	Phong	28/01/1996	3019				
39	1421020123	Trần Viết	Phong	14/01/1996	3020				
40	1421060207	Phạm Văn	Phú	25/01/1996	3021				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 008_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA409**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/1997	3022				C1
2	1621060119	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/10/1998	3023				
3	1521080062	Nguyễn Quang	Phúc	24/10/1997	3024				
4	1524010132	Đặng Bích	Phương	4/6/1997	3025				
5	1521030285	Đặng Việt	Phương	28/11/1997	3026				
6	1521010387	Hoàng Nhật	Phương	10/9/1997	3027				
7	1421070096	Nguyễn Anh	Phương	20/10/1995	3028				
8	1521070050	Phan Thị	Phương	2/9/1997	3029				
9	1521010443	Trương Hoàng	Phương	12/12/1997	3030				
10	1521080317	Vũ Thị Kim	Phương	5/8/1996	3031				
11	1421080332	Kiều Thị	Phượng	6/9/1996	3032				
12	1524010495	Trần Thị	Phượng	19/04/1996	3033				
13	1421070427	Đỗ Trọng	Quân	29/10/1996	3034				
14	1421010269	Nguyễn Ngọc	Quân	11/8/1996	3035				
15	1521050139	Nguyễn Văn	Quân	18/11/1997	3036				
16	1421070431	Phạm Văn	Quân	24/04/1996	3037				
17	1421060215	Đỗ Văn	Quang	19/09/1996	3038				
18	1521060401	Hoàng Văn	Quang	10/5/1997	3039				
19	1621060862	Nguyễn Vinh	Quang	9/5/1998	3040				
20	1421010260	Phạm Văn	Quang	3/11/1996	3041				C1
21	1421010261	Voòng Duy	Quang	11/11/1996	3042				
22	1321060230	Lê Chấn	Quốc	20/05/1995	3043				
23	1521030439	Ma Minh	Quy	29/04/1997	3044				
24	1524010497	Phạm Thị Tú	Quyên	10/5/1997	3045				
25	1421020530	Lại Thị Ngọc	Quỳnh	12/8/1996	3046				
26	1524010040	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/06/1997	3047				C1
27	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	3048				C1
28	1521050177	Đỗ Bá	Sơn	17/07/1997	3049				
29	1521050076	Nguyễn An	Sơn	4/10/1997	3050				
30	1421070107	Nguyễn Duy	Sơn	13/06/1996	3051				
31	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	3052				C1
32	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	3053				
33	1421050172	Nguyễn Xuân	Sơn	15/03/1996	3054				
34	1421020138	Phạm Thành	Sơn	4/11/1996	3055				
35	1521020028	Vũ Đình	Sơn	27/11/1997	3056				C1
36	1421070446	Bùi Văn	Sự	20/08/1995	3057				
37	1421040234	Nguyễn Văn	Sỹ	21/01/1995	3058				
38	1421060235	Lê Trọng	Tài	15/02/1996	3059				
39	1421060237	Nguyễn Tiến	Tài	24/08/1995	3060				
40	1421050176	Phạm Thái	Tài	27/04/1996	3061				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 009_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA205**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1514010001	Trương Thị	Tâm	23/09/1997	3062				
2	1421020554	Đào Đức	Tân	11/3/1996	3063				
3	1421070109	Đào Nguyên	Tân	10/1/1996	3064				
4	1421070116	Nguyễn Toàn	Thăng	4/6/1996	3065				
5	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	22/12/1997	3066				C1
6	1621050889	Nguyễn Đình	Thắng	14/11/1998	3067				
7	1421011324	Nguyễn Đức	Thắng	22/09/1996	3068				
8	1521030308	Nguyễn Hữu	Thắng	11/9/1997	3069				C1
9	1421070118	Phùng Quang	Thắng	1/12/1996	3070				
10	1521080242	Trần Quyết	Thắng	9/11/1997	3071				
11	1521060376	Vũ Xuân	Thắng	2/8/1997	3072				
12	1421060247	Nguyễn Đăng	Thanh	7/12/1996	3073				
13	1411040051	Phạm Văn	Thanh	10/3/1996	3074				C1
14	1521060242	Đậu Xuân	Thành	7/3/1996	3075				
15	1421030544	Đinh Tiến	Thành	19/08/1996	3076				
16	1421040250	Đoàn Tiến	Thành	7/1/1996	3077				
17	1521070081	Nguyễn Bút	Thành	23/09/1997	3078				
18	1421040254	Nguyễn Minh	Thành	3/7/1996	3079				
19	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/1996	3080				
20	1421010300	Phí Trung	Thành	3/3/1996	3081				
21	1621010732	Trương Văn	Thành	17/03/1996	3082				
22	1521010185	Vũ Đức	Thành	2/8/1997	3083				
23	1524010187	Đỗ Thị Thu	Thảo	29/01/1997	3084				
24	1524010303	Lương Thu	Thảo	7/10/1997	3085				
25	1421030553	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/11/1996	3086				
26	1621010040	Trần Thị Phương	Thảo	8/2/1998	3087				
27	1521050234	Trần Thị Thu	Thảo	14/08/1997	3088				
28	1521010009	Nguyễn Tiến	Thiên	23/09/1997	3089				
29	1421060588	Phạm Văn	Thiện	17/04/1996	3090				
30	1521060278	Đậu Xuân	Thịnh	16/04/1997	3091				
31	1421060264	Lê Đức	Thịnh	9/5/1996	3092				
32	1421080372	Nguyễn Quang	Thịnh	4/12/1995	3093				
33	1421020585	Nguyễn Văn	Thịnh	7/6/1996	3094				
34	1621060901	Vũ Văn	Thịnh	25/08/1998	3095				
35	1421060265	Nguyễn Văn	Thông	1/7/1996	3096				
36	1421020595	Nguyễn Quốc	Thuần	14/11/1994	3097				C1
37	1721050507	Phạm Đức	Thuận	8/1/1999	3098				C1
38	1621020045	Bùi Thị	Thúy	25/06/1997	3099				
39	1621060032	Nguyễn Thanh	Thùy	19/03/1998	3100				
40	1521080260	Tạ Thanh	Thùy	1/12/1997	3101				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 010_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA304**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/2/1996	3102				
2	1621050705	Nguyễn Đình	Tiến	15/05/1998	3103				
3	1521080014	Nguyễn Mạnh	Tiến	27/08/1995	3104				
4	1421020163	Tổng Minh	Tiến	7/12/1995	3105				
5	1421040292	Bùi Văn	Toàn	28/06/1996	3106				
6	1511020005	Nguyễn Trọng	Toàn	7/10/1997	3107				
7	1421040577	Phạm Xuân	Toàn	3/6/1996	3108				
8	1621060529	Phùng Văn	Toàn	3/1/1998	3109				
9	1724010137	Đặng Thu	Trang	13/09/1999	3110				
10	1521080324	Lê Thị Thùy	Trang	31/12/1997	3111				
11	1421040298	Nguyễn Thị	Trang	27/05/1996	3112				
12	1421020623	Trần Thị Huyền	Trang	14/01/1996	3113				
13	1421040304	Đỗ Văn	Triều	15/09/1996	3114				
14	1621060731	Đinh Quốc	Triệu	31/10/1998	3115				
15	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/1995	3116				
16	1421020174	Nguyễn Hữu	Trọng	30/12/1996	3117				
17	1421010349	Trần Đình	Trọng	13/09/1996	3118				
18	1421011382	Dương Đức	Trung	23/05/1996	3119				
19	1421060602	Dương Thành	Trung	7/8/1995	3120				
20	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	3121				
21	1721050172	Nguyễn Hồng	Trung	21/03/1999	3122				
22	1621080140	Trần Văn	Trung	7/4/1998	3123				
23	1421040547	Nguyễn Văn	Trường	14/07/1996	3124				
24	1421030592	Phạm Duy	Trường	6/11/1995	3125				
25	1421040550	Mai Văn	Trường	18/04/1996	3126				
26	1421060286	Đậu Văn	Tú	19/09/1996	3127				
27	1621060953	Nguyễn Anh	Tú	20/02/1998	3128				
28	1521030129	Nguyễn Đức	Tú	21/10/1996	3129				
29	1421010361	Nguyễn Ngọc	Tú	1/12/1996	3130				
30	1421030600	Nguyễn Văn	Tú	16/09/1995	3131				
31	1621010091	Phạm Tuấn	Tú	8/9/1998	3132				C1
32	1421080409	Đinh Xuân	Tuấn	30/09/1996	3133				
33	1421040315	Lê Anh	Tuấn	4/10/1996	3134				
34	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	3135				
35	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	8/4/1996	3136				C1
36	1311020094	Nguyễn Văn	Tuấn	9/10/1995	3137				C1
37	1421040326	Nguyễn Việt	Tuấn	14/11/1994	3138				
38	1421060297	Trần Anh	Tuấn	9/12/1996	3139				
39	1421020665	Trịnh Anh	Tuấn	6/7/1995	3140				
40	1521010349	Trương Minh	Tuấn	29/12/1997	3141				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010614 Nhóm: 2_4010614 Tổ thi: 011_2_4010614 Tên HP: Tiếng Anh 2

Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA307** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020187	Vương Văn	Tuấn	29/05/1996	3142				
2	1421040559	Bùi Duy	Tùng	26/09/1994	3143				
3	1534010400	Hoàng Huy	Tùng	30//0/198/	3144				C1
4	1421010374	Mạc Trần	Tùng	11/9/1995	3145				
5	1421070532	Ngô Thanh	Tùng	19/05/1994	3146				
6	1421040335	Nguyễn Thanh	Tùng	22/02/1996	3147				
7	1421060633	Trần Quang	Tùng	1/8/1996	3148				
8	1721060504	Chúc Văn	Tuyên	13/10/1999	3149				
9	1524010557	Nguyễn Văn	Tuyển	13/08/1996	3150				
10	1421060308	Trương Ngọc	Tuyển	13/12/1996	3151				
11	1524010343	Nguyễn Thu	Uyên	17/05/1997	3152				
12	1421040568	Đặng Đình	Văn	11/3/1996	3153				
13	1621060454	Đào Văn	Vệ	19/10/1998	3154				C1
14	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	4/4/1997	3155				
15	1421060643	Đặng Tuấn	Việt	10/9/1996	3156				
16	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/9/1997	3157				
17	1421011421	Lê Quốc	Việt	9/10/1995	3158				
18	1421060314	Mai Tiến	Việt	14/11/1996	3159				
19	1421060316	Phan Đức	Việt	8/9/1996	3160				
20	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	3161				
21	1521030347	Nguyễn Quang	Vinh	19/07/1997	3162				
22	1521040078	Đặng Long	Vũ	4/11/1997	3163				
23	1534010401	Hoàng Quốc	Vũ	03//0/194/	3164				C1
24	1421040347	Hoàng Tuấn	Vũ	7/10/1996	3165				
25	1621060083	Lại Văn	Vũ	11/8/1998	3166				
26	1421040348	Lê	Vũ	7/9/1996	3167				C1
27	1421020698	Ngô Tuấn	Vũ	30/10/1996	3168				
28	1421040349	Phạm Khắc	Vững	7/5/1996	3169				
29	1421011428	Trần Minh	Vương	10/6/1996	3170				
30	1421080430	Phạm Thị	Xoan	13/10/1996	3171				
31	1521080330	Nguyễn Thị	Yến	3/10/1996	3172				
32	1521080292	Phạm Thị Hải	Yến	21/06/1997	3173				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4030503 Nhóm: 2_4030503 Tổ thi: 001_2_4030503 Tên HP: Sức bền vật liệu A + BTL1,2 +TN
Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA407** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	2/12/1997	3174				
2	1621060581	Lê Văn	Đạt	9/12/1998	3175				
3	1621060591	Trần Mạnh	Đạt	30/10/1998	3176				
4	1421040073	Nguyễn Văn	Đô	30/09/1996	3177				
5	1721040090	Ma Văn	Duân	8/10/1997	3178				C1
6	1421020041	Nguyễn Anh	Đức	20/06/1996	3179				
7	1421040403	Nguyễn Văn	Đức	7/3/1996	3180				
8	1421010087	Phạm Minh	Đức	27/07/1996	3181				
9	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	3182				C1
10	1621060797	Nguyễn Tuấn	Dũng	28/09/1998	3183				
11	1421060053	Trần Xuân	Dũng	17/07/1995	3184				
12	1521060363	Nguyễn Thanh	Hà	1/1/1997	3185				
13	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	3186				
14	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	3187				
15	1421040446	Phan Thanh	Long	13/04/1996	3188				C1
16	1421010197	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/02/1996	3189				
17	1421010213	Nguyễn Thành	Nam	2/1/1996	3190				
18	1621060625	Vũ Tiến	Nam	5/3/1998	3191				
19	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/1/1996	3192				
20	1421040470	Nguyễn Quang	Phong	19/08/1996	3193				
21	1621060782	Phan Thanh	Phong	20/07/1998	3194				
22	1421040232	Cao Văn	Sơn	15/05/1995	3195				
23	1321040230	Lô Quang	Sơn	8/10/1995	3196				
24	1521060457	Trịnh Công	Sơn	23/10/1997	3197				
25	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/1996	3198				
26	1421040529	Đoàn Mạnh	Tiếp	27/09/1996	3199				
27	1521040081	Nguyễn Thị Thùy	Trang	9/9/1997	3200				
28	1621060608	Phạm Thành	Trung	2/9/1998	3201				C1
29	1421060611	Hoàng Đình	Trường	17/02/1995	3202				
30	1421045010	Nguyễn Doãn	Trường	10/1/1996	3203				
31	1521060460	Chu Quang	Tuấn	4/7/1997	3204				C1
32	1521010122	Hồ Tuấn	Vũ	1/6/1997	3205				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070101 Nhóm: 2_4070101 Tổ thi: 001_2_4070101 Tên HP: Kinh tế vi mô

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA208**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010426	Cao Hồng	Anh	13/07/1998	3206				
2	1621050452	Trần Quốc	Bảo	2/3/1998	3207				
3	1624010687	Nguyễn Linh	Chi	30/08/1998	3208				
4	1521040123	Lê Thành	Đạt	11/2/1997	3209				C1
5	1524010236	Nguyễn Hữu	Đạt	16/12/1997	3210				C1
6	1624011004	Trần Duy	Đạt	20/09/1998	3211				
7	1624010657	Đặng Thùy	Dương	18/10/1998	3212				
8	1524010230	Đỗ Việt	Dương	15/05/1997	3213				C1
9	1624010524	Nguyễn Ngọc	Duyên	2/12/1998	3214				C1
10	1624010980	Đỗ Thị	Hà	16/06/1998	3215				
11	1621020712	Nguyễn Thị Thanh	Hải	29/05/1998	3216				
12	1621050459	Bùi Thị	Hân	20/06/1998	3217				
13	1624010729	Bùi Thị	Hằng	3/3/1998	3218				
14	1624010655	Hoàng Thị	Hiền	17/09/1998	3219				
15	1424010046	Lê Thị Thu	Hiền	18/10/1996	3220				
16	1624010666	Lâm Dương Minh	Hiếu	7/10/1998	3221				
17	1624010624	Nguyễn Ngọc	Hoàng	5/10/1998	3222				
18	1624010226	Đậu Văn	Hùng	30/11/1997	3223				C1
19	1521020219	Đinh Quang	Hưng	3/2/1997	3224				C1
20	1624010711	Nguyễn Thị Thu	Hương	5/2/1998	3225				
21	1624010931	Nguyễn Thị	Huyền	21/09/1998	3226				
22	1624010531	Nguyễn Thị	Lan	19/11/1998	3227				
23	1524010182	Nguyễn Hải	Long	29/12/1997	3228				
24	1621050200	Vũ Thành	Long	22/10/1998	3229				
25	1624010492	Nguyễn Thị	Luyến	17/02/1998	3230				
26	1624010628	Trịnh Thị Hương	Ly	8/3/1998	3231				
27	1624010493	Phạm Văn	Mạnh	1/12/1997	3232				
28	1521050287	Tạ Quang	Minh	15/04/1997	3233				C1
29	1624010418	Trịnh Văn	Ngọc	6/6/1998	3234				C1
30	1624010652	Mai Thị Hương	Quỳnh	7/7/1998	3235				
31	1624010152	Ngô Hồng	Sơn	31/12/1998	3236				
32	1624010403	Nguyễn Hoàng	Sơn	11/5/1998	3237				
33	1621050453	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/11/1998	3238				
34	1624010559	Trần Anh	Thư	7/7/1998	3239				
35	1624010854	Nguyễn Thị	Thương	16/11/1998	3240				C1
36	1624010519	Nguyễn Thị Huyền	Trang	2/8/1998	3241				
37	1624010557	Phạm Thị Huyền	Trang	25/10/1998	3242				
38	1421040301	Vũ Thị	Trang	13/09/1996	3243				
39	1624010733	Phan Việt	Trinh	25/10/1998	3244				C1
40	1524010244	Nguyễn Hoàng	Trung	17/01/1997	3245				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070101 Nhóm: 2_4070101 Tổ thi: 001_2_4070101 Tên HP: Kinh tế vi mô
Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010715	Trương Văn	Trường	21/08/1997	3246				
42	1624010484	Đinh Thị Như	Yến	26/08/1998	3247				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4000002 Nhóm: 2_4000002 Tổ thi: 001_2_4000002 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721050551	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	3/12/1999	3248				
2	1621050452	Trần Quốc	Bảo	2/3/1998	3249				
3	1521050182	Hoàng Danh	Cường	5/9/1997	3250				
4	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	3251				
5	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	3252				
6	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	3253				C1
7	1521010396	Tổng Hoàng	Dương	24/11/1997	3254				
8	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	3255				
9	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/1997	3256				
10	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	3257				
11	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	3258				
12	1621060259	Trần Hoàng	Hải	16/02/1998	3259				
13	1721070047	Ngô Minh	Hiếu	16/05/1999	3260				C1
14	1421060107	Trịnh Trung	Hiếu	24/11/1996	3261				
15	1521070099	Bùi Công	Hòa	8/1/1996	3262				C1
16	1421030082	Nguyễn Hữu	Huân	5/4/1993	3263				
17	1621050625	Dương Thanh	Huân	23/04/1998	3264				
18	1421010148	Cảnh Chi	Hưng	18/04/1996	3265				
19	1421070058	Chu Hải	Hưng	3/3/1996	3266				
20	1521010063	Nguyễn Văn	Huy	6/11/1997	3267				
21	1621050900	Biasavanh	INTHICHA	25/08/1997	3268				
22	1621050314	Lê Duy	Khánh	18/08/1998	3269				
23	1721050197	Nguyễn Trung	Kiên	9/2/1999	3270				
24	1521040098	Trần Trung	Kiên	5/7/1997	3271				
25	1721050308	Nguyễn Thùy	Linh	14/11/1999	3272				
26	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/1997	3273				C1
27	1621060162	Hoàng Phúc	Long	6/11/1995	3274				C1
28	1521030141	Nguyễn Gia	Long	13/03/1997	3275				
29	1521060137	Phạm Phi	Long	3/1/1997	3276				
30	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	3277				C1
31	1721050634	Nguyễn Thị Diễm	My	25/11/1999	3278				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4000002 Nhóm: 2_4000002 Tổ thi: 002_2_4000002 Tên HP: Tâm lý học đại cương

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA405**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010445	Đỗ Thế Phương	Nam	3/6/1996	3279				
2	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	4/2/1997	3280				C1
3	1621060762	Phạm Văn	Nam	24/11/1998	3281				
4	1421040201	Lê Hữu	Ngọc	27/10/1996	3282				
5	1521070017	Phạm Hữu	Phong	27/09/1997	3283				
6	1731020004	Nguyễn Thị	Phương	15/07/1995	3284				
7	1521060168	Vũ Văn	Quyên	9/6/1997	3285				
8	1521060367	Trần Văn	Sáng	1/5/1997	3286				
9	1621010093	Phan Duy	Sơn	22/04/1998	3287				
10	1421070446	Bùi Văn	Sự	20/08/1995	3288				
11	1521010123	Lê Quang	Tâm	14/10/1997	3289				
12	1321030200	Đỗ Duy	Tân	19/08/1995	3290				
13	1621050040	Đặng Văn	Thái	28/06/1998	3291				
14	1424010173	Hoàng Thị Huyền	Thanh	13/07/1996	3292				
15	1521080253	Nguyễn Thu	Thảo	5/6/1997	3293				
16	1521060351	Trịnh Văn	Thông	11/1/1997	3294				
17	1421050196	Nguyễn Thị	Thu	22/01/1995	3295				
18	1521070033	Nghiêm Đình	Thuần	20/12/1996	3296				
19	1721050290	Nguyễn Hoài	Thương	15/01/1999	3297				
20	1521080265	Bùi Công	Tiến	26/10/1997	3298				
21	1521010051	Phạm Văn	Tiến	8/1/1997	3299				
22	1624010873	Đoàn Thị Hà	Trang	17/10/1998	3300				C1
23	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	8/3/1997	3301				
24	1521070029	Đỗ Huy	Trung	20/01/1997	3302				
25	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	3303				C1
26	1621060048	Nguyễn Văn	Trường	5/10/1998	3304				
27	1521060180	Phạm Văn	Tuân	24/06/1996	3305				
28	1621050457	Hoàng Anh	Tuấn	14/01/1998	3306				
29	1521010294	Mạnh Trọng	Tuấn	19/02/1997	3307				
30	1621060161	Nguyễn Sỹ	Tuấn	17/05/1998	3308				
31	1621050610	Trần Thị Lệ	Xuân	1/2/1998	3309				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 2_4020103 Tổ thi: 001_2_4020103 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/1996	3310				
2	1521070164	Hoàng Ngọc Tuấn	Anh	13/11/1997	3311				
3	1521030156	Lê Tuấn	Anh	25/04/1997	3312				C1
4	1521070057	Nguyễn Văn Đức	Anh	11/5/1997	3313				C1
5	1621070151	Trần Thế	Anh	3/11/1997	3314				C1
6	1621060068	Vi Tuấn	Anh	3/8/1998	3315				
7	1524010367	Vũ Hồng Quốc	Anh	29/07/1997	3316				C1
8	1421030009	Nguyễn Ngọc	ánh	27/09/1996	3317				
9	1524010371	Trần Thị Ngọc	ánh	6/10/1997	3318				
10	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	5/10/1998	3319				
11	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	6/3/1997	3320				
12	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	3321				
13	1521030112	Nguyễn Thành	Công	16/07/1997	3322				C1
14	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/1997	3323				
15	1521060190	Nguyễn Việt	Cường	10/11/1997	3324				
16	1621070153	Phạm Hùng	Cường	26/04/1998	3325				
17	1621060771	Phạm Văn	Đạt	9/1/1998	3326				
18	1221020045	Vũ Khắc	Đoàn	2/8/1994	3327				
19	1624010428	Vũ Mỹ	Duyên	25/10/1998	3328				C1
20	1621070186	Nguyễn Thu	Hà	26/09/1998	3329				
21	1524010171	Phạm Thị Thu	Hà	10/7/1996	3330				
22	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	5/1/1997	3331				
23	1621010156	Lê Hoàng	Hiệp	28/07/1998	3332				
24	1521010165	Ngô Đức	Hiệp	20/08/1997	3333				C1
25	1621050101	Phạm Doãn	Hiệp	10/10/1998	3334				C1
26	1621010292	Đặng Minh	Hiếu	16/03/1998	3335				
27	1621050875	Đinh Văn	Hiếu	13/08/1998	3336				
28	1731030053	Hà Trung	Hiếu	12/6/1995	3337				
29	1521010025	Nguyễn Việt	Hiếu	9/9/1997	3338				
30	1421050068	Nguyễn Đăng	Hòa	4/11/1996	3339				
31	1321040106	Đỗ Huy	Hoàng	24/04/1995	3340				C1
32	1521010279	Đỗ Huy	Hoàng	20/08/1997	3341				
33	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	5/11/1997	3342				C1
34	1521060083	Đỗ Quang	Huy	8/7/1997	3343				
35	1521010223	Hoàng Quốc	Huy	3/1/1997	3344				
36	1621040092	Lê Quốc	Huy	11/8/1998	3345				
37	1421030413	Doãn Văn	Khuong	18/02/1996	3346				
38	1524010091	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/12/1997	3347				C1
39	1514010010	Trần Thị	Linh	2/11/1997	3348				
40	1624010974	Mạch Duy	Lợi	16/08/1998	3349				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 2_4020103 Tổ thi: 002_2_4020103 Tên HP: Pháp luật đại cương

Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	3350				
2	1524010086	Nguyễn Đăng	Minh	25/02/1996	3351				
3	1521010199	Phạm Văn	Nam	2/7/1997	3352				
4	1621050637	Quách Hoàng	Nam	1/4/1998	3353				C1
5	1524010476	Trần Thị Hằng	Nga	19/02/1997	3354				
6	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	3355				
7	1621050311	Đào Văn	Nhà	6/3/1998	3356				C1
8	1624010663	Trần Thị Hồng	Nhung	22/08/1998	3357				
9	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/1997	3358				
10	1421020122	Nguyễn Trọng	Phong	20/11/1996	3359				
11	1521010047	Dương Hữu	Phước	24/10/1997	3360				
12	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	3361				
13	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	3362				C1
14	1621070015	Hoàng Văn	Quý	1/1/1998	3363				
15	1524010155	Trần Thị	Quỳnh	8/7/1997	3364				
16	1521050177	Đỗ Bá	Sơn	17/07/1997	3365				
17	1524010249	Nguyễn Thị	Tân	28/01/1997	3366				
18	1731030012	Lưu Đức	Thắng	5/1/1985	3367				
19	1621050139	Nguyễn Văn	Thắng	6/11/1998	3368				
20	1421010300	Phí Trung	Thành	3/3/1996	3369				
21	1524010014	Vương Đức	Thành	17/10/1997	3370				C1
22	1521060234	Đinh Nguyên	Thế	9/4/1997	3371				
23	1521080263	Lưu Thị Thu	Thủy	30/10/1997	3372				
24	1521050181	Đinh Văn	Tiến	19/11/1997	3373				
25	1721050058	Nguyễn Công	Tín	17/10/1998	3374				C1
26	1521030149	Kiều Quốc	Toàn	23/11/1997	3375				
27	1621030053	Nguyễn Văn	Tới	2/10/1998	3376				
28	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/1996	3377				
29	1731030058	Nguyễn Hữu	Trung	22/11/1996	3378				
30	1621060963	Nguyễn Văn	Trung	14/06/1998	3379				
31	1621080140	Trần Văn	Trung	7/4/1998	3380				
32	1521030337	Nguyễn Văn	Trường	5/7/1996	3381				
33	1421060287	Mai Văn	Tú	15/12/1996	3382				
34	1221020168	Nguyễn Anh	Tú	6/4/1994	3383				
35	1321020239	Hòa Quý	Tuấn	10/5/1994	3384				
36	1521010222	Lương Xuân	Tuấn	2/4/1997	3385				
37	1321080540	Nguyễn Văn	Tuấn	12/11/1995	3386				
38	1621050489	Trịnh Quốc	Tuấn	27/11/1998	3387				
39	1521030118	Mai Xuân	Tùng	13/10/1997	3388				
40	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	4/4/1997	3389				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020103 Nhóm: 2_4020103 Tổ thi: 002_2_4020103 Tên HP: Pháp luật đại cương
Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010032	Trần Quốc	Việt	13/11/1997	3390				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4040313 Nhóm: 2_4040313 Tổ thi: 001_2_4040313 Tên HP: Tinh thể học - khoáng vật học đại cương
Ngày thi: **8/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621020014	Kim Việt	Anh	12/12/1998	3391				C1
2	1521020092	Lương Đức	Anh	8/4/1997	3392				
3	1521040158	Nguyễn Đức	Anh	1/9/1997	3393				C1
4	1521040126	Tổng Văn	Cường	12/2/1997	3394				
5	1521020084	Phan Văn	Đăng	1/10/1997	3395				
6	1521020158	Bê Ngọc	Đông	20/11/1996	3396				
7	1521040028	Trương Lập	Đông	17/11/1996	3397				
8	1421040052	Trần Văn	Dũng	9/7/1996	3398				
9	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	3399				
10	1421040115	Bùi Văn	Hoàn	15/02/1996	3400				
11	1524010093	Đàm Văn	Hoàng	28/09/1997	3401				
12	1521040249	Phạm Thị	Hường	6/8/1996	3402				
13	1421020080	Phạm Ngọc	Khải	17/12/1996	3403				
14	1421020413	Nguyễn Quang	Khánh	5/1/1996	3404				
15	1421010165	Nguyễn Văn	Khánh	21/06/1996	3405				C1
16	1521020079	Đồng Đăng	Khoa	18/01/1993	3406				
17	1521040059	Đào Thị	Lê	15/12/1997	3407				
18	1421040446	Phan Thanh	Long	13/04/1996	3408				C1
19	1421020110	Phạm Văn	Minh	9/12/1995	3409				
20	1421040208	Triệu Thị	Oanh	14/02/1996	3410				
21	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	3411				
22	1521020032	Đinh Văn	Phúc	24/05/1997	3412				
23	1521040102	Lê Hoài	Sơn	7/1/1997	3413				
24	1421030539	Nguyễn Duyên	Thái	16/05/1996	3414				
25	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	2/2/1997	3415				
26	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	2/2/1996	3416				
27	1421050183	Trần Danh	Thanh	14/02/1996	3417				
28	1421010314	Trần Văn	Thiệp	16/06/1995	3418				
29	1521040312	Vũ Đình	Thọ	4/3/1997	3419				
30	1521040124	Lê Hoài	Thu	7/3/1997	3420				
31	1421020159	Lê Đức	Thùy	29/04/1996	3421				
32	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/1997	3422				
33	1421020174	Nguyễn Hữu	Trọng	30/12/1996	3423				
34	1421050218	Đàm Quang	Trường	18/01/1993	3424				
35	1521020390	Đặng Văn	Tuấn	1/8/1993	3425				
36	1421040328	Phạm Minh	Tuấn	22/04/1996	3426				
37	1521020339	Trịnh Hữu	Tuấn	24/03/1994	3427				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 2_4010105 Tổ thi: 001_2_4010105 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040355	Nguyễn Trường	An	4/3/1996	3428				
2	1621070061	Đỗ Tuấn	Anh	30/05/1998	3429				
3	1621060251	Nguyễn Hoàng	Anh	11/2/1998	3430				
4	1421030249	Nguyễn Huy	Anh	29/10/1995	3431				
5	1421050275	Trần Đình	Bách	21/09/1996	3432				
6	1521050268	Trịnh	Bính	10/6/1997	3433				
7	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	3434				
8	1521020119	Lê Nhất	Chí	29/08/1997	3435				
9	1621040039	Nguyễn Đình	Chí	1/4/1998	3436				
10	1521080103	Hoàng Thị	Chinh	6/6/1997	3437				
11	1721030043	Nguyễn Đức	Chính	20/04/1999	3438				
12	1521060116	Nguyễn Thành	Công	27/11/1997	3439				C1
13	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	3440				
14	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/1997	3441				C1
15	1521060053	Nguyễn Thái Minh	Đức	25/06/1996	3442				
16	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/1997	3443				
17	1521030130	Nguyễn Thị	Dung	1/8/1997	3444				
18	1421040060	Lê Huy	Dương	1/11/1996	3445				
19	1521060131	Nguyễn Văn	Duy	6/3/1997	3446				
20	1621060035	Nguyễn Phú	Giang	20/05/1998	3447				
21	1621010156	Lê Hoàng	Hiệp	28/07/1998	3448				
22	1521010165	Ngô Đức	Hiệp	20/08/1997	3449				C1
23	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/1994	3450				
24	1421020362	Trương Văn	Hoàn	13/12/1996	3451				
25	1721060208	Vũ Thái	Hoàng	5/8/1999	3452				
26	1521010036	Lê Mạnh	Hùng	28/02/1997	3453				C1
27	1521030056	Trương Thanh	Hưng	14/02/1997	3454				
28	1521010223	Hoàng Quốc	Huy	3/1/1997	3455				
29	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	3456				C1
30	1421011154	Nguyễn Đức	Huy	21/05/1996	3457				
31	1524010447	Phạm Quang	Huy	29/06/1997	3458				C1
32	1421010403	Nghiêm Quang	Khánh	13/05/1996	3459				
33	1521050037	Trương Quốc	Khánh	25/09/1997	3460				
34	1221050262	Vũ Quốc	Khánh	2/9/1994	3461				
35	1721060162	Cao Sơn	Lâm	14/04/1999	3462				
36	1521010138	Đào Đăng	Linh	24/12/1997	3463				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010105 Nhóm: 2_4010105 Tổ thi: 002_2_4010105 Tên HP: Xác suất thống kê

Ngày thi: **8/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721060280	Nguyễn Văn	Linh	27/07/1992	3464				
2	1521010359	Lê Bá	Lực	17/01/1996	3465				
3	1521030076	Nguyễn Mạnh	Lực	7/2/1997	3466				
4	1421030460	Vũ Công	Minh	30/09/1996	3467				
5	1621070726	Vũ Công	Minh	21/06/1998	3468				
6	1521050172	Nguyễn Đức	Nam	26/07/1997	3469				
7	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	3470				
8	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	3471				C1
9	1621050861	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	2/9/1998	3472				
10	1521030111	Lương Khánh	Nhật	8/11/1996	3473				C1
11	1521070325	Trần Hồng	Phúc	25/02/1997	3474				
12	1521010227	Phạm Hữu	Phước	2/7/1996	3475				
13	1721060179	Đoàn Hồng	Phương	13/03/1999	3476				
14	1521060064	Mạc Duy	Phương	6/10/1997	3477				C1
15	1621061026	Nguyễn Đăng	Quang	23/05/1998	3478				
16	1621060282	Nguyễn Vinh	Quang	12/2/1998	3479				
17	1321030798	Lê Văn	Quý	25/10/1995	3480				
18	1321040229	Lê Ngọc	Sơn	15/12/1995	3481				
19	1621080131	Đỗ Xuân	Tài	9/3/1997	3482				C1
20	1621070071	Bùi Văn	Thanh	25/03/1998	3483				
21	1521030444	Dương Minh	Thành	4/9/1997	3484				
22	1321010313	Lê Ngọc	Thành	5/7/1995	3485				
23	1721040027	Nguyễn Công	Thành	15/08/1999	3486				
24	1621040716	Cao Sỹ	Thiện	23/09/1998	3487				
25	1721010073	Đỗ Đức	Thiện	1/7/1999	3488				
26	1421010318	Vũ Đỗ Long	Thịnh	2/7/1996	3489				C1
27	1621050705	Nguyễn Đình	Tiến	15/05/1998	3490				
28	1621050542	Phan Thị Kim	Tiến	15/07/1997	3491				
29	1521070137	Vũ Đình	Tiến	7/12/1997	3492				C1
30	1421060600	Đinh Văn	Trọng	13/01/1995	3493				
31	1221070160	Nông Việt	Trung	27/11/1994	3494				
32	1321030948	Nguyễn Trọng	Tuấn	19/02/1995	3495				C1
33	1621060476	Nguyễn Văn	Tuấn	11/1/1998	3496				
34	1721010142	Nguyễn Thanh	Tùng	9/2/1999	3497				
35	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	6/12/1997	3498				
36	1521040172	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/04/1997	3499				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070412 Nhóm: 2_4070412 Tổ thi: 001_2_4070412 Tên HP: Kế toán máy
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA304** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1424010012	Vũ Thị Lan	Anh	10/5/1996	3500				
2	1421030012	Lê Ngọc	Châu	4/11/1995	3501				C1
3	1524010323	Bùi Phương	Hà	10/10/1997	3502				
4	1524010233	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/1997	3503				
5	1524010224	Đoàn Thị	Hiền	17/12/1997	3504				
6	1524010241	Nguyễn Thu	Hiền	8/6/1997	3505				
7	1524010204	Phạm Thị	Hồng	27/05/1997	3506				
8	1524010221	Tạ Thị Hồng	Huệ	16/02/1996	3507				
9	1524010240	Nguyễn Thị Thúy	Hường	3/9/1997	3508				
10	1524010344	Lê Thu	Huyền	5/1/1997	3509				
11	1524010226	Đặng Thị	Kiều	11/8/1997	3510				
12	1524010238	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	31/10/1997	3511				
13	1524010161	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	5/11/1997	3512				
14	1524010206	Nguyễn Thị Ngọc	Ninh	31/12/1996	3513				
15	1524010175	Bùi Thị Phương	Thảo	25/10/1997	3514				
16	1524010245	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/7/1997	3515				
17	1521040314	Phạm Thanh	Thúy	19/05/1996	3516				
18	1524010255	Nguyễn Thị	Thủy	27/01/1997	3517				
19	1524010306	Nguyễn Thị Hồng	Trang	24/11/1997	3518				C1
20	1524010349	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	22/12/1997	3519				
21	1524010234	Phan Thu	Trang	1/9/1997	3520				
22	1521030336	Lại Đức	Trường	24/05/1997	3521				
23	1524010343	Nguyễn Thu	Uyên	17/05/1997	3522				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 001_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỳ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321020401	Bùi Thanh	An	18/07/1994	3523				
2	1621050193	Đặng Đình	An	15/02/1998	3524				
3	1421060003	Bùi Tuấn	Anh	23/03/1996	3525				
4	1521010129	Đinh Hải	Anh	20/08/1996	3526				
5	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	3527				
6	1421030243	Đỗ Tuấn	Anh	10/8/1996	3528				
7	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/1996	3529				
8	1621040054	Kiều Việt	Anh	10/2/1998	3530				
9	1521060369	Lê Đức	Anh	22/11/1997	3531				
10	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	3532				C1
11	1521070167	Lê Xuân Tuấn	Anh	30/08/1997	3533				C1
12	1521060136	Mai Đắc	Anh	10/12/1997	3534				
13	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	3535				
14	1321020411	Nguyễn Hoàng	Anh	18/03/1995	3536				C1
15	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/1997	3537				
16	1621060929	Nguyễn Nam	Anh	16/01/1996	3538				
17	1421060011	Trần Nguyễn Việt	Anh	20/12/1996	3539				
18	1621070151	Trần Thế	Anh	3/11/1997	3540				C1
19	1621060068	Vì Tuấn	Anh	3/8/1998	3541				
20	1421040010	Vũ Công Việt	Anh	20/10/1996	3542				
21	1521010045	Vũ Duy	Anh	28/02/1997	3543				
22	1621080730	Vũ Hoàng	Anh	22/06/1998	3544				
23	1621080114	Hoàng Thị Ngọc	ánh	27/11/1998	3545				
24	1521020012	Nguyễn Văn	Bắc	23/09/1997	3546				
25	1621060148	Nguyễn Quang	Bách	15/02/1998	3547				
26	1621030088	Trần Gia	Bách	26/05/1998	3548				
27	1521010196	Đào Văn	Bảo	16/07/1997	3549				
28	1421030010	Đoàn Văn	Bảo	23/07/1996	3550				
29	1721050463	Hà Văn	Bảo	16/11/1999	3551				
30	1521060100	Hoàng Tiến	Bảo	29/11/1997	3552				C1
31	1621050452	Trần Quốc	Bảo	2/3/1998	3553				
32	1621050152	Đặng Thị	Biên	24/04/1998	3554				
33	1521030054	Đồng Xuân	Bình	26/06/1997	3555				
34	1621050083	Trịnh Như	Bình	6/4/1998	3556				
35	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	6/3/1997	3557				
36	1421050020	Trần Thị	Cảnh	2/10/1996	3558				
37	1521050003	Vũ Trần	Châu	8/3/1997	3559				
38	1621050305	Nguyễn Thị	Chi	23/08/1998	3560				
39	1621050071	Nguyễn Đình	Chiến	26/10/1998	3561				
40	1521040019	Trần Minh	Chiến	21/06/1997	3562				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 002_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030010	Đặng Hữu	Chủ	6/11/1997	3563				
2	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	5/8/1996	3564				C1
3	1511020001	Bùi Đăng	Cường	18/09/1997	3565				
4	1321050035	Nguyễn Mạnh	Cường	1/3/1995	3566				
5	1521010113	Nguyễn Quốc	Cường	4/3/1997	3567				
6	1621010237	Phạm Chí	Cường	31/03/1998	3568				
7	1621070153	Phạm Hùng	Cường	26/04/1998	3569				
8	1411070003	Văn Thư	Cường	27/09/1996	3570				
9	1521010120	Vũ Văn	Cường	26/09/1997	3571				
10	1521020152	Lê Quang	Đại	8/1/1997	3572				
11	1621050240	Phùng Thế	Đại	15/10/1998	3573				
12	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	3574				
13	1621030043	Trần Văn	Danh	2/10/1998	3575				C1
14	1421010078	Đỗ Thành	Đạt	21/01/1994	3576				
15	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/1995	3577				
16	1521060157	Lê Đức	Đạt	4/9/1997	3578				
17	1521060308	Nguyễn Minh	Đạt	1/10/1997	3579				C1
18	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	5/1/1996	3580				
19	1521070214	Nguyễn Công	Đoàn	12/5/1997	3581				
20	1621060596	Nguyễn Thành	Đoàn	20/02/1998	3582				
21	1521060147	Đỗ Duy	Đông	23/12/1997	3583				
22	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	3584				C1
23	1621070730	Đinh Xuân	Đức	5/8/1998	3585				
24	1521070217	Lê Đình	Đức	15/09/1997	3586				
25	1621060555	Lê Minh	Đức	28/01/1998	3587				
26	1511030012	Nguyễn Anh	Đức	30/09/1997	3588				
27	1621050443	Đinh Văn	Dũng	19/05/1998	3589				
28	1321020456	Đỗ Mạnh	Dũng	17/10/1995	3590				C1
29	1521060205	Lưu Quang	Dũng	30/07/1997	3591				C1
30	1521060305	Nguyễn Kim	Dũng	20/08/1997	3592				
31	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	3593				
32	1421060051	Quản Ngọc	Dũng	8/3/1996	3594				
33	1621050210	Vũ Tiến	Dũng	13/01/1998	3595				
34	1621020062	Vũ Việt	Dũng	14/10/1998	3596				
35	1421020276	Đinh Xuân	Dương	25/08/1996	3597				
36	1621061046	Lại Bá	Dương	23/12/1998	3598				C1
37	1621080150	Lê Thành	Dương	15/10/1998	3599				
38	1511060008	Nguyễn Văn	Dương	1/11/1997	3600				
39	1421030036	Trần Tùng	Dương	17/10/1996	3601				
40	1521070153	Trần Văn	Dương	7/7/1997	3602				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 003_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060130	Nguyễn Đình	Đức	20/01/1996	3603				
2	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	3604				
3	1621040052	Nguyễn Minh	Đức	2/12/1998	3605				
4	1621050485	Nguyễn Việt	Đức	9/12/1998	3606				
5	1521020162	Phạm Minh	Đức	28/10/1997	3607				
6	1521060267	Phạm Minh	Đức	26/10/1997	3608				
7	1621040129	Phạm Văn	Đức	8/11/1998	3609				
8	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/1997	3610				
9	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	2/11/1998	3611				
10	1521050261	Trương Anh	Đức	24/11/1996	3612				
11	1521060363	Nguyễn Thanh	Hà	1/1/1997	3613				
12	1621050758	Ngô Văn	Hải	22/05/1998	3614				
13	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	3615				
14	1621060328	Nguyễn Minh	Hải	7/8/1998	3616				
15	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	3617				C1
16	1621070014	Nguyễn Việt	Hải	9/12/1998	3618				
17	1621050192	Phạm Minh	Hải	1/6/1998	3619				
18	1421040093	Phạm Ngọc	Hải	16/06/1996	3620				
19	1521080018	Vũ Duy	Hải	16/06/1997	3621				C1
20	1621050813	Vũ Ngọc	Hải	26/01/1998	3622				
21	1621070714	Hà Đình	Hào	22/04/1998	3623				C1
22	1621060675	Trương Việt	Hào	30/10/1998	3624				
23	1321060106	Nguyễn Bá	Hậu	2/8/1995	3625				
24	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/1997	3626				C1
25	1621060884	Trần Văn	Hiển	21/07/1998	3627				
26	1521070035	Nguyễn Tiến	Hiệp	25/03/1997	3628				
27	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/1994	3629				
28	1521070053	Đỗ Ngọc	Hiếu	14/07/1997	3630				
29	1421030353	Đoàn Văn	Hiếu	25/01/1996	3631				
30	1621050027	Hoàng Minh	Hiếu	23/10/1998	3632				C1
31	1521010247	Lê Minh	Hiếu	3/9/1997	3633				
32	1621060010	Nguyễn Minh	Hiếu	11/4/1998	3634				
33	1321010151	Nguyễn Ngọc	Hiếu	4/3/1995	3635				
34	1421060104	Nguyễn Trọng	Hiếu	15/01/1996	3636				
35	1521010065	Trần Minh	Hiếu	20/09/1997	3637				
36	1521060185	Vì Mạnh	Hiếu	11/10/1997	3638				
37	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/1994	3639				
38	1521010189	Bùi Khắc	Hình	10/5/1997	3640				
39	1521080052	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	17/11/1997	3641				
40	1611040006	Nguyễn Xuân	Hòa	16/10/1998	3642				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 004_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621080073	Nguyễn Thị Thu	Hoài	1/12/1998	3643				
2	1521010301	Nguyễn Huy	Hoàn	29/08/1997	3644				
3	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	3645				
4	1521010180	Phạm Nguyễn Văn	Hoàn	7/12/1997	3646				
5	1521010427	Lê Văn	Hoàng	21/11/1997	3647				
6	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	3648				
7	1421030364	Nguyễn Phi	Hoàng	13/09/1996	3649				
8	1321070515	Phạm Lê	Hoàng	22/09/1994	3650				
9	1621050449	Phạm Minh	Hoàng	30/11/1998	3651				
10	1621060118	Thân Huy	Hoàng	8/7/1998	3652				
11	1521060220	Trần Minh	Hoàng	2/2/1997	3653				
12	1521060017	Nguyễn Văn	Hoạt	24/12/1997	3654				
13	1521070262	Nguyễn Duy	Huân	10/1/1997	3655				
14	1521060035	Lường Tú	Huê	14/01/1997	3656				
15	1521060135	Hà Văn	Hùng	28/08/1997	3657				
16	1521050238	Mai Sỹ	Hùng	10/6/1997	3658				
17	1521070265	Nguyễn Mạnh	Hùng	8/8/1997	3659				
18	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	3660				C1
19	1521050130	Phạm Tiến	Hùng	13/10/1996	3661				
20	1521070019	Phạm Văn	Hùng	9/9/1997	3662				
21	1621050877	Tổng Duy	Hùng	16/10/1998	3663				
22	1511060020	Hoàng Văn	Hưng	28/09/1997	3664				
23	1521060307	Nguyễn Quốc	Hưng	5/11/1997	3665				C1
24	1521060174	Trần Kiều	Hưng	20/01/1997	3666				
25	1521070004	Lý Văn	Hương	19/08/1997	3667				
26	1621050429	Vũ Thị	Hương	20/06/1998	3668				
27	1521030005	Dương Quốc	Huy	6/11/1997	3669				
28	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	3670				C1
29	1521010313	Hồ Việt	Huy	11/11/1997	3671				
30	1521010034	Lê Quang	Huy	11/10/1997	3672				
31	1521060105	Nguyễn Quốc	Huy	22/05/1997	3673				
32	1421060132	Nguyễn Văn	Huy	1/4/1996	3674				
33	1621060799	Vì Tiến	Huy	11/9/1998	3675				
34	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/1997	3676				
35	1521020057	Vũ Đức	Huy	7/11/1997	3677				
36	1621070704	Đặng Thị Thanh	Huyền	10/11/1998	3678				
37	1521030243	Nguyễn Văn	Huyền	6/1/1997	3679				
38	1621060967	Nguyễn Đình	Huỳnh	29/10/1998	3680				
39	1521060200	Trần Văn	Khang	12/4/1997	3681				
40	1521010324	Hà Duy	Khánh	3/11/1997	3682				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 005_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỳ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010165	Nguyễn Văn	Khánh	21/06/1996	3683				C1
2	1421050097	Phan Anh	Khánh	2/8/1996	3684				
3	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/1994	3685				
4	1411070021	Trịnh Minh	Khôi	1/12/1996	3686				C1
5	1621080098	Nguyễn Hữu	Khuong	16/08/1998	3687				
6	1621060668	Đỗ Trung	Kiên	31/07/1998	3688				
7	1621050569	Phan Duy	Kiên	30/08/1998	3689				
8	1521050236	Vũ Đức	Kiên	18/03/1997	3690				
9	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	3691				
10	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	5/11/1998	3692				
11	1521070027	Vũ Văn	Lâm	6/10/1997	3693				
12	1521020242	Nguyễn Thị	Lan	17/06/1997	3694				
13	1521060404	Lê Văn	Lập	19/10/1997	3695				
14	1421030119	Đỗ Văn	Linh	7/11/1996	3696				
15	1421030118	Đoàn Văn	Linh	28/10/1996	3697				
16	1621060801	Mai Chí	Linh	22/08/1998	3698				
17	1521060071	Nguyễn Mạnh	Linh	23/06/1997	3699				
18	1621060726	Nguyễn Quang	Linh	5/10/1998	3700				
19	1521070074	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/04/1997	3701				
20	1421080270	Trần Tú	Linh	3/6/1996	3702				
21	1521010150	Đặng Văn	Lợi	17/08/1997	3703				C1
22	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	3704				
23	1521010339	Nguyễn Như	Long	21/04/1997	3705				
24	1521070300	Phạm Đức	Long	18/12/1997	3706				
25	1521070104	Lý Văn	Luân	16/08/1997	3707				
26	1721060084	Nguyễn Văn	Luận	24/08/1999	3708				
27	1621010369	Nguyễn Chí	Lực	14/08/1998	3709				C1
28	1521010376	Phạm Văn	Lực	14/12/1997	3710				
29	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/8/1997	3711				
30	1621080036	Đoàn Ngọc	Lương	18/09/1998	3712				
31	1621060636	Lê Đức	Lương	5/10/1998	3713				
32	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	3714				
33	1421060165	Dương Viết	Mạnh	15/06/1996	3715				
34	1621050580	Lưu Thế	Mạnh	4/10/1998	3716				
35	1521020046	Nguyễn Khắc	Mạnh	8/4/1997	3717				
36	1421030454	Võ Hồng	Mạnh	12/5/1996	3718				
37	1621050554	Đỗ Nhật	Minh	11/1/1998	3719				C1
38	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	3720				
39	1621070199	Nguyễn Phú	Minh	7/5/1998	3721				C1
40	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	2/9/1998	3722				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 006_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040106	Nguyễn Văn	Minh	3/10/1997	3723				C1
2	1621070126	Trần Tuấn	Minh	21/11/1998	3724				
3	1521080207	Đỗ Văn	Nam	8/10/1997	3725				
4	1621050532	Nguyễn Quang	Nam	18/05/1998	3726				
5	1521060042	Nguyễn Thế	Nam	25/08/1997	3727				
6	1621050637	Quách Hoàng	Nam	1/4/1998	3728				C1
7	1721030147	Vũ Phương	Nam	4/3/1999	3729				C1
8	1621060625	Vũ Tiến	Nam	5/3/1998	3730				
9	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/1/1996	3731				
10	1521090055	Nguyễn Bá	Ngọc	24/02/1997	3732				
11	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	3733				
12	1721040064	Nguyễn Văn	Nhất	10/6/1998	3734				
13	1521050274	Nguyễn Đức	Nhật	12/10/1997	3735				
14	1521080044	Phương Thị	Như	1/11/1997	3736				
15	1521080085	Lê Thị	Nhung	1/3/1997	3737				
16	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/1997	3738				
17	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	3739				
18	1421040207	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/12/1996	3740				C1
19	1621070712	Trịnh Bá	Phi	9/2/1998	3741				
20	1521050289	Hoàng Anh	Phong	25/02/1997	3742				C1
21	1621080042	Nguyễn Hồng	Phong	29/06/1998	3743				C1
22	1421040471	Nguyễn Thế	Phong	13/09/1996	3744				
23	1421010241	Trần Xuân	Phong	30/12/1995	3745				
24	1321030780	Nguyễn Hồng	Phúc	3/3/1995	3746				
25	1521060031	Trần Thiện	Phước	28/12/1997	3747				
26	1621050266	Đỗ Thanh	Phương	13/10/1998	3748				
27	1521060396	Hoàng Đức	Phương	9/7/1997	3749				
28	1521080037	Lê Anh	Phương	19/01/1997	3750				
29	1621080127	Nguyễn Thị	Phương	10/2/1998	3751				
30	1421080095	Nông Quốc	Phương	27/12/1996	3752				
31	1321030788	Trần Thị	Phượng	28/12/1995	3753				
32	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	3754				
33	1621010159	Nguyễn Khắc	Quân	8/4/1997	3755				C1
34	1421020521	Vũ Hồng	Quân	8/11/1995	3756				
35	1621010123	Đỗ Nhật	Quang	30/05/1998	3757				
36	1421010259	Phạm Đình	Quang	21/10/1996	3758				
37	1621010137	Phạm Tiến	Quang	4/6/1998	3759				
38	1421010260	Phạm Văn	Quang	3/11/1996	3760				C1
39	1521070332	Trần Văn	Quang	19/06/1997	3761				C1
40	1621070042	Vũ Ngọc	Quang	19/05/1998	3762				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 007_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA203** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221011060	Lê Nhân	Quý	7/11/1993	3763				
2	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	16/01/1998	3764				C1
3	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/1997	3765				
4	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	4/10/1996	3766				
5	1521010088	Nguyễn Thành	Sang	24/05/1997	3767				C1
6	1511060001	Lê Công	Sinh	7/6/1997	3768				
7	1521060330	Đặng Đình	Sơn	10/1/1997	3769				
8	1621060570	Đặng Văn	Sơn	3/9/1998	3770				
9	1621060650	Đoàn Thanh	Sơn	10/1/1998	3771				
10	1521080235	Nguyễn Hoàng	Sơn	2/1/1997	3772				
11	1521040294	Nguyễn Hồng	Sơn	26/08/1997	3773				C1
12	1521060289	Nguyễn Ngọc	Sơn	6/10/1997	3774				C1
13	1621061004	Trần Hồng	Sơn	1/8/1998	3775				
14	1521080042	Vũ Văn	Sơn	9/9/1997	3776				
15	1521040010	Vương Văn	Sơn	6/10/1997	3777				
16	1521010418	Phạm Văn	Sự	6/8/1997	3778				
17	1421080102	Đoàn Minh	Tài	2/8/1995	3779				
18	1621070181	Nguyễn Văn	Tâm	17/08/1998	3780				C1
19	1521030066	Nguyễn Kim	Tân	9/7/1995	3781				
20	1521060331	Nguyễn Minh	Tân	2/10/1997	3782				
21	1521060054	Nguyễn Trọng	Tấn	21/10/1997	3783				
22	1621050040	Đặng Văn	Thái	28/06/1998	3784				
23	1321070169	Nguyễn Ngọc	Thái	20/01/1995	3785				
24	1521070145	Cao Mạnh	Thắng	11/8/1997	3786				
25	1621060166	Hoàng Văn	Thắng	17/03/1998	3787				
26	1621050365	Kiều Mạnh	Thắng	25/02/1998	3788				
27	1721060190	Nguyễn Văn	Thắng	5/10/1996	3789				
28	1621060508	Phạm Văn	Thắng	22/07/1997	3790				C1
29	1521080242	Trần Quyết	Thắng	9/11/1997	3791				
30	1521070360	Phan Thị	Thanh	26/01/1997	3792				
31	1621060676	Bùi Xuân	Thành	4/7/1998	3793				
32	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	3794				
33	1621060527	Mai Văn	Thành	8/1/1998	3795				
34	1421040252	Ngô Đức	Thành	3/3/1996	3796				
35	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/1996	3797				
36	1621010026	Phạm Chí	Thành	3/12/1998	3798				
37	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	3799				C1
38	1421080109	Nguyễn Đức	Thiện	17/06/1995	3800				
39	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/02/1997	3801				
40	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	5/6/1996	3802				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 008_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080371	Nguyễn Hữu	Thịnh	9/4/1996	3803				
2	1621080135	Mai Thị	Thu	27/10/1998	3804				
3	1521060201	Phạm Văn	Thuận	3/2/1997	3805				C1
4	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	3806				
5	1521050181	Đinh Văn	Tiến	19/11/1997	3807				
6	1521070043	Đỗ Thế	Tiến	24/08/1997	3808				
7	1521010106	Ngô Quốc	Tiến	9/11/1997	3809				
8	1421050206	Nguyễn Thế	Tiến	2/3/1996	3810				
9	1421030207	Lê Văn	Toàn	15/11/1996	3811				
10	1621060176	Trương Quốc	Toàn	24/08/1998	3812				
11	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/1996	3813				
12	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/1997	3814				
13	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	3815				
14	1521060426	Lê Thế	Trung	9/9/1997	3816				
15	1521080002	Nguyễn Khắc	Trung	4/2/1997	3817				
16	1621060963	Nguyễn Văn	Trung	14/06/1998	3818				
17	1621010252	Cao Thế	Trường	9/10/1998	3819				C1
18	1221020166	Vũ Văn	Trường	21/09/1994	3820				
19	1521070387	Mạc Văn	Tú	27/11/1997	3821				
20	1621080128	Nguyễn Quang	Tú	7/11/1998	3822				
21	1421030599	Nguyễn Thành	Tú	25/08/1996	3823				
22	1521020076	Phạm Văn	Tú	9/5/1997	3824				
23	1611050018	Phạm Đình	Tư	11/5/1998	3825				
24	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	3826				
25	1521010370	Hoàng Anh	Tuấn	30/08/1997	3827				
26	1521010077	Hoàng Minh	Tuấn	12/1/1996	3828				
27	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/1996	3829				
28	1521060043	Lê Minh	Tuấn	14/09/1997	3830				
29	1521080278	Nguyễn Anh	Tuấn	2/11/1997	3831				
30	1421030221	Nguyễn Danh	Tuấn	25/06/1996	3832				
31	1621070707	Nguyễn Hữu	Tuấn	1/7/1998	3833				
32	1421040323	Nguyễn Quý	Tuấn	30/07/1996	3834				
33	1621050303	Nguyễn Văn	Tuấn	19/06/1998	3835				
34	1421030612	Nguyễn Viết	Tuấn	17/06/1996	3836				
35	1421010375	Nghiêm Vũ	Tùng	25/08/1996	3837				
36	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/1997	3838				
37	1421060636	Phạm Đức	Tuy	1/10/1996	3839				
38	1521080284	Bùi Hữu	Tuyên	20/10/1997	3840				
39	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/1996	3841				
40	1621060578	Lò Sênh	Vàng	8/6/1997	3842				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080201 Nhóm: 2_4080201 Tổ thi: 008_2_4080201 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thu
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521010212	Kiều Văn	Vệ	12/9/1997	3843				
42	1521060177	Nguyễn Văn	Vĩ	4/4/1997	3844				
43	1621050140	Lê Quốc	Việt	10/4/1998	3845				
44	1521010032	Trần Quốc	Việt	13/11/1997	3846				
45	1521040007	Đặng Quang	Vinh	4/5/1997	3847				
46	1421030233	Lục Quang	Vinh	28/12/1994	3848				
47	1621050382	Nguyễn Xuân	Vinh	25/12/1998	3849				C1
48	1421040571	Phùng Đức	Vinh	22/03/1995	3850				
49	1521040185	Trần Quang	Vinh	1/9/1997	3851				
50	1511060021	Trần Văn	Vũ	19/07/1997	3852				
51	1321030992	Nguyễn Văn	Vương	8/8/1994	3853				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080202 Nhóm: 2_4080202 Tổ thi: 001_2_4080202 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA409** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010426	Cao Hồng	Anh	13/07/1998	3854				
2	1524010113	Đinh Thị Kim	Anh	27/11/1997	3855				C1
3	1724010621	Hoàng Thị Vân	Anh	12/9/1999	3856				
4	1614010700	Phạm Thị Vân	Anh	13/12/1998	3857				
5	1524010371	Trần Thị Ngọc	ánh	6/10/1997	3858				
6	1624010608	Nguyễn Thị Thanh	Bình	2/9/1998	3859				
7	1624010505	Lưu Thị	Bưởi	21/05/1998	3860				
8	1624010687	Nguyễn Linh	Chi	30/08/1998	3861				
9	1624010362	Nguyễn Thị	Dung	1/5/1998	3862				
10	1624010367	Phạm Thị	Duyên	1/1/1998	3863				
11	1624010707	Trần Kỳ	Duyên	31/10/1998	3864				
12	1624010675	Vũ Thu	Duyên	2/5/1998	3865				
13	1624010454	Nguyễn Kim	Giang	22/01/1998	3866				
14	1721050728	Nguyễn Thị	Giang	1/3/1999	3867				
15	1724010353	Đỗ Thị	Hà	12/5/1999	3868				
16	1621020712	Nguyễn Thị Thanh	Hải	29/05/1998	3869				
17	1524010079	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	15/10/1997	3870				C1
18	1621080705	Đoàn Thị	Hạnh	13/12/1998	3871				
19	1614010035	Hà Thị Thúy	Hào	28/10/1998	3872				
20	1624010730	Đinh Thị	Hiền	30/10/1998	3873				
21	1421020378	Lâm Thị	Huệ	7/7/1996	3874				
22	1624010542	Công Thị	Huyền	19/03/1998	3875				
23	1624010931	Nguyễn Thị	Huyền	21/09/1998	3876				
24	1624010691	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	10/7/1998	3877				
25	1524010160	Phạm Thị Thu	Huyền	16/11/1997	3878				
26	1221040409	Nguyễn Hoài	Lam	18/05/1994	3879				
27	1624010310	Nguyễn Thuý	Linh	1/7/1998	3880				
28	1624010388	Phạm Thị	Linh	28/07/1998	3881				
29	1624010448	Nguyễn Thị	Loan	21/11/1998	3882				
30	1524010614	Phạm Thị	Loan	28/04/1997	3883				
31	1624010427	Trần Thị Kiều	Loan	27/10/1997	3884				
32	1624010414	Phạm Thị	Lộc	13/05/1998	3885				
33	1614010021	Đặng Thị	Mai	28/12/1998	3886				
34	1521050257	Vũ Văn	Mạnh	6/9/1997	3887				C1
35	1524010086	Nguyễn Đăng	Minh	25/02/1996	3888				
36	1624010714	Hoàng Yển	Nga	10/10/1998	3889				
37	1621020056	Lê Thị Thúy	Nga	2/7/1998	3890				
38	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	3/4/1998	3891				
39	1624010525	Đỗ Thị	Nhung	9/11/1998	3892				
40	1624010663	Trần Thị Hồng	Nhung	22/08/1998	3893				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4080202 Nhóm: 2_4080202 Tổ thi: 002_2_4080202 Tên HP: Tin học đại cương +TH (dùng cho Kinh tế)
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1614010706	Lê Tâm	Như	3/11/1998	3894				
2	1524010278	Lương Thị Nhâm	Oanh	26/09/1997	3895				
3	1524010272	Nguyễn Thị	Phương	6/3/1997	3896				
4	1624010240	Hồ Thuý	Quỳnh	1/5/1998	3897				C1
5	1521030310	Bế Tiến	Thành	24/01/1997	3898				
6	1624010470	Đỗ Phương	Thảo	24/04/1998	3899				
7	1614010031	Nguyễn Thị	Thảo	24/02/1998	3900				C1
8	1624010777	Nguyễn Thu	Thảo	8/3/1998	3901				
9	1614010019	Phạm Thu	Thảo	16/07/1998	3902				
10	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/4/1997	3903				
11	1724010134	Nguyễn Minh	Thư	21/04/1999	3904				
12	1624010854	Nguyễn Thị	Thương	16/11/1998	3905				C1
13	1421040279	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	25/07/1996	3906				
14	1421020602	Phạm Thanh	Thủy	18/04/1995	3907				
15	1624010557	Phạm Thị Huyền	Trang	25/10/1998	3908				
16	1421040301	Vũ Thị	Trang	13/09/1996	3909				
17	1421020624	Vũ Thị Hồng	Trang	10/5/1995	3910				
18	1421040557	Nguyễn Anh	Tuấn	3/11/1994	3911				
19	1624010484	Đinh Thị Như	Yến	26/08/1998	3912				
20	1624010430	Nguyễn Thị Bảo	Yến	4/2/1998	3913				
21	1624010518	Trần Thị Hoàng	Yến	26/12/1997	3914				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4090107 Nhóm: 2_4090107 Tổ thi: 001_2_4090107 Tên HP: An toàn điện

Ngày thi: **9/8/2018**

Phòng thi: **HNAA207**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060299	Nguyễn Thanh	An	4/10/1996	3915				C1
2	1721060300	Phạm Văn	Biên	16/08/1998	3916				
3	1321050018	Lê Nguyễn Thanh	Bình	19/03/1994	3917				
4	1621060645	Vũ Quang	Chiến	26/03/1998	3918				
5	1721060238	Nguyễn Hồng	Đăng	24/12/1996	3919				
6	1621060368	Hoàng Việt	Đăng	21/11/1998	3920				C1
7	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	3921				
8	1521060149	Hoàng Văn	Đạt	16/08/1996	3922				
9	1421060067	Mã Văn	Đạt	26/05/1996	3923				
10	1521060007	Nguyễn Thành	Đạt	7/1/1997	3924				
11	1621061058	Trần Quốc	Đạt	22/11/1997	3925				
12	1521060066	Ngô Xuân	Đức	3/4/1997	3926				
13	1521060150	Trần Trung	Đức	22/05/1997	3927				
14	1541040004	Trần Văn	Đức	25/11/1978	3928				
15	1521060065	Đào Đức	Duy	6/1/1997	3929				C1
16	1521060290	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/1997	3930				
17	1221060254	Trần Đình	Duy	11/2/1994	3931				C1
18	1621060840	Bá Trường	Giang	11/12/1998	3932				
19	1421030329	Nguyễn Hoàng	Giang	13/02/1994	3933				
20	1321060100	Nguyễn Thanh	Hải	17/10/1995	3934				
21	1621060259	Trần Hoàng	Hải	16/02/1998	3935				
22	1521060006	Phạm Hoàng	Hiệp	14/05/1997	3936				
23	1521060218	Nguyễn Minh	Hùng	13/02/1997	3937				
24	1521060104	Trần Việt	Hùng	27/09/1997	3938				
25	1521060311	Đồng Quang	Huỳnh	10/7/1997	3939				
26	1721060162	Cao Sơn	Lâm	14/04/1999	3940				
27	1721060299	Nguyễn Huy	Lâm	8/8/1998	3941				
28	1521060400	Nguyễn Đặng	Long	20/03/1997	3942				
29	1521060021	Bùi Tuấn	Minh	10/12/1997	3943				C1
30	1621060913	Nguyễn Văn	Minh	10/7/1998	3944				
31	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	3945				
32	1521060099	Lê Trọng	Nghĩa	14/05/1996	3946				C1
33	1521060238	Kiều Thái	Nguyên	11/8/1996	3947				C1
34	1521060435	Nguyễn Ngọc	Nguyên	20/08/1997	3948				C1
35	1421060207	Phạm Văn	Phú	25/01/1996	3949				
36	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	5/12/1997	3950				
37	1621060905	Ngô Minh	Quyết	14/07/1998	3951				
38	1521060367	Trần Văn	Sáng	1/5/1997	3952				
39	1621060430	Phạm Minh	Sơn	25/09/1998	3953				C1
40	1541040008	Bùi Danh	Thạch	27/06/1986	3954				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4090107 Nhóm: 2_4090107 Tổ thi: 001_2_4090107 Tên HP: An toàn điện
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1421060254	Đào Văn	Thắng	30/09/1996	3955				
42	1621060935	Nguyễn Quang	Tiến	12/3/1998	3956				C1
43	1621060863	Hoàng Bảo	Toàn	17/12/1997	3957				
44	1521060183	Vương Cảnh	Trí	19/12/1997	3958				
45	1521060420	Nguyễn Hà	Trung	16/01/1997	3959				
46	1621060201	Trần Xuân	Trường	3/10/1998	3960				C1
47	1521060340	Đỗ Anh	Tuấn	18/04/1997	3961				
48	1521060044	Đào Duy	Tùng	5/12/1996	3962				
49	1721060301	Nguyễn Xuân	Văn	11/1/1999	3963				
50	1521060138	Đinh Quang	Vũ	22/10/1997	3964				
51	1621060024	Bì Quốc	Vương	23/08/1997	3965				
52	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	3966				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010502 Nhóm: 2_4010502 Tổ thi: 001_2_4010502 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2

Ngày thi: **9/8/2018**

Phòng thi: **HNAA207**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070143	Đỗ Hoàng	Anh	20/07/1997	3967				
2	1521070167	Lê Xuân Tuấn	Anh	30/08/1997	3968				C1
3	1521070054	Nguyễn Ngọc	Bách	15/01/1996	3969				
4	1421070172	Trần Xuân	Bách	7/6/1994	3970				
5	1421070012	Vũ Đức	Cảnh	16/02/1996	3971				
6	1521060374	Trịnh Khắc	Chiến	2/12/1997	3972				
7	1521060390	Nguyễn Tiến	Công	14/01/1996	3973				
8	1421070195	Mai Văn	Cường	11/5/1996	3974				C1
9	1521060412	Nguyễn Văn	Cường	31/07/1997	3975				
10	1521070014	Hà Ngọc	Đạt	24/08/1995	3976				
11	1621060581	Lê Văn	Đạt	9/12/1998	3977				
12	1621060591	Trần Mạnh	Đạt	30/10/1998	3978				
13	1621060797	Nguyễn Tuấn	Dũng	28/09/1998	3979				
14	1521070045	Bùi Việt	Duy	5/8/1997	3980				
15	1521060381	Đinh Hữu	Duy	21/03/1997	3981				
16	1521070135	Bùi Việt	Hà	6/3/1997	3982				
17	1521079002	Vì Văn	Hà	10/11/1995	3983				
18	1421070291	Nguyễn Cao	Hóa	28/01/1996	3984				
19	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	3985				
20	1521070258	Nguyễn Huy	Hoàn	22/10/1996	3986				
21	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	4/5/1997	3987				
22	1321070079	Trần Văn	Hoàng	25/01/1994	3988				
23	1521070262	Nguyễn Duy	Huân	10/1/1997	3989				
24	1421060140	Nguyễn Hữu	Hưng	22/10/1995	3990				
25	1421070060	Nguyễn Khắc	Hưng	31/05/1996	3991				
26	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/1997	3992				
27	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/5/1997	3993				
28	1321070560	Phan Tùng	Lâm	12/4/1995	3994				C1
29	1621060853	Nguyễn Văn	Lợi	7/2/1998	3995				
30	1421070075	Trần Duy	Lợi	6/5/1995	3996				C1
31	1521060421	Nguyễn Duy	Long	20/10/1997	3997				
32	1521060384	Nguyễn Thành	Long	31/03/1997	3998				
33	1521060439	Đinh Văn	Lực	17/12/1997	3999				
34	1421070394	Nguyễn Văn	Nam	5/7/1996	4000				
35	1621060625	Vũ Tiến	Nam	5/3/1998	4001				
36	1521070005	Vũ Thành	Phong	8/4/1997	4002				
37	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/1997	4003				C1
38	1521070325	Trần Hồng	Phúc	25/02/1997	4004				
39	1621070103	Nguyễn Trọng	Quyền	22/10/1998	4005				C1
40	1521070114	Nguyễn Văn	Quyết	23/04/1996	4006				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010502 Nhóm: 2_4010502 Tổ thi: 001_2_4010502 Tên HP: Cơ học lý thuyết 2
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521060459	Vũ Tiến	Sinh	4/7/1997	4007				
42	1421070458	Đậu Việt	Thám	6/7/1995	4008				
43	1521070118	Đoàn Xuân	Thắng	20/10/1997	4009				
44	1521060461	Nguyễn Văn	Thắng	6/7/1995	4010				
45	1421070114	Phan Ngọc	Thành	29/08/1992	4011				
46	1521060388	Trần Quang	Thành	3/8/1997	4012				
47	1521070364	Nguyễn Xuân	Thảo	1/8/1997	4013				
48	1521070376	Vũ Văn	Tiến	5/12/1996	4014				
49	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	4015				
50	1521060426	Lê Thế	Trung	9/9/1997	4016				
51	1521070384	Trần Văn	Trường	29/04/1997	4017				
52	1521070393	Lê Công Anh	Tuấn	5/6/1997	4018				
53	1521070049	Nguyễn Xuân	Tùng	6/12/1997	4019				
54	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/1996	4020				
55	1521040078	Đặng Long	Vũ	4/11/1997	4021				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010504 Nhóm: 2_4010504 Tổ thi: 001_2_4010504 Tên HP: Cơ học ứng dụng

Ngày thi: **9/8/2018**

Phòng thi: **HNAB204**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060006	Nguyễn Đức	Anh	10/10/1996	4022				
2	1621061063	Nguyễn Tiến	Anh	5/2/1998	4023				
3	1731060002	Vũ Thế	Anh	3/7/1995	4024				C1
4	1621060983	Nguyễn Hữu	Cường	11/7/1998	4025				
5	1321060068	Nguyễn Thành	Đạt	23/08/1995	4026				C1
6	1521040212	Nguyễn Tiến	Đạt	13/12/1997	4027				C1
7	1421060074	Trần Phúc	Đoan	22/06/1995	4028				
8	1621060133	Vũ Mạnh	Đức	12/2/1996	4029				
9	1421060050	Nguyễn Tiến	Dũng	1/4/1996	4030				
10	1521060123	Trịnh Xuân	Dương	26/02/1997	4031				
11	1621060298	Nguyễn Đức	Hải	14/07/1998	4032				
12	1621060328	Nguyễn Minh	Hải	7/8/1998	4033				
13	1621060259	Trần Hoàng	Hải	16/02/1998	4034				
14	1621060159	Đỗ Duy	Hiếu	2/3/1998	4035				
15	1721060188	Nguyễn Quang	Hoàng	28/02/1999	4036				
16	1521060322	Phạm Đỗ Việt	Hoàng	29/08/1997	4037				C1
17	1621061020	Vũ Công	Huân	18/08/1998	4038				
18	1521060083	Đỗ Quang	Huy	8/7/1997	4039				
19	1321060529	Vũ Duy	Khánh	16/11/1995	4040				
20	1321060157	Nguyễn Thành	Khôi	31/08/1993	4041				
21	1721060162	Cao Sơn	Lâm	14/04/1999	4042				
22	1621060548	Đỗ Tuấn	Linh	9/3/1998	4043				C1
23	1421060163	Nguyễn Xuân	Lộc	2/9/1996	4044				
24	1521060158	Nguyễn Thế	Lợi	17/11/1997	4045				
25	1521060214	Nguyễn Danh	Long	1/5/1997	4046				
26	1421070078	Ngô Văn	Lý	12/9/1996	4047				C1
27	1721060075	Chúc Văn	Mạnh	17/07/1999	4048				
28	1421060189	Nguyễn Hoài	Nam	28/03/1995	4049				C1
29	1621060945	Hoàng Trọng	Nghĩa	8/2/1998	4050				
30	1621060322	Nguyễn Bình Minh	Nghĩa	26/03/1998	4051				
31	1621060553	Đỗ Trọng	Quang	22/02/1998	4052				
32	1521060324	Trần Y Quốc	Sang	21/09/1997	4053				
33	1621060570	Đặng Văn	Sơn	3/9/1998	4054				
34	1721060811	Nguyễn Văn	Sỹ	11/2/1999	4055				
35	1731060003	Tô Minh	Thái	26/11/1996	4056				
36	1621060508	Phạm Văn	Thắng	22/07/1997	4057				C1
37	1521060201	Phạm Văn	Thuận	3/2/1997	4058				C1
38	1721060040	Tổng Nguyên	Tiến	23/09/1999	4059				
39	1621060366	Nguyễn Văn	Tín	1/1/1998	4060				
40	1621060028	Cao Văn	Trung	18/08/1998	4061				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010504 Nhóm: 2_4010504 Tổ thi: 001_2_4010504 Tên HP: Cơ học ứng dụng
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAB204** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621060375	Nguyễn Anh	Trung	21/01/1998	4062				
42	1521060121	Nguyễn Văn	Tú	16/06/1997	4063				
43	1621060511	Phạm Châu	Tuấn	24/10/1998	4064				C1
44	1421060302	Nguyễn Thế	Tùng	4/4/1996	4065				
45	1521060145	Tôn Thế	Tùng	7/3/1997	4066				C1
46	1621061050	Bùi Đăng	Tuyên	16/05/1998	4067				
47	1721060504	Chúc Văn	Tuyên	13/10/1999	4068				
48	1521060152	Đỗ Doãn	Việt	28/09/1997	4069				
49	1621060378	Bùi Hữu	Vinh	8/3/1998	4070				
50	1421060318	Đỗ Quang	Vinh	19/09/1996	4071				
51	1521040015	Nguyễn Hồng	Vinh	13/07/1997	4072				
52	1621060083	Lại Văn	Vũ	11/8/1998	4073				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4030504 Nhóm: 2_4030504 Tổ thi: 001_2_4030504 Tên HP: Sức bền vật liệu B

Ngày thi: **9/8/2018**

Phòng thi: **HNAB207**

Tiết bắt đầu: **4**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	4074				C1
2	1521020135	Phùng Duy	Anh	13/09/1997	4075				
3	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/1997	4076				
4	1521020119	Lê Nhất	Chí	29/08/1997	4077				
5	1521010187	Nguyễn Viết	Chiến	23/10/1997	4078				
6	1321010053	Nguyễn Danh	Cường	6/11/1995	4079				C1
7	1521010426	Phan Văn	Cường	8/3/1997	4080				C1
8	1521020055	Nguyễn Quang	Đại	13/02/1997	4081				
9	1521020084	Phan Văn	Đăng	1/10/1997	4082				
10	1521020158	Bê Ngọc	Đông	20/11/1996	4083				
11	1521010003	Lê Trung	Đức	25/05/1997	4084				
12	1521020162	Phạm Minh	Đức	28/10/1997	4085				
13	1521020166	Lê Văn	Dũng	9/9/1996	4086				
14	1521010251	Nguyễn Như	Dũng	25/02/1997	4087				
15	1521020168	Phí Văn	Dũng	20/10/1997	4088				
16	1521040139	Trần Huy	Giang	19/03/1997	4089				
17	1521020184	Nguyễn Đức	Hải	2/5/1997	4090				
18	1521010367	Bùi Minh	Hiếu	20/07/1997	4091				
19	1521020031	Nguyễn Văn	Hóa	25/11/1997	4092				
20	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	4093				
21	1524010093	Đàm Văn	Hoàng	28/09/1997	4094				
22	1521010347	Nguyễn Duy	Hoàng	25/07/1997	4095				
23	1421020373	Trương Văn	Hoàng	2/6/1995	4096				
24	1521010137	Đỗ Văn	Hưng	21/01/1997	4097				
25	1421040136	Lù Mạnh	Hưng	20/09/1996	4098				
26	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	4099				
27	1421020080	Phạm Ngọc	Khải	17/12/1996	4100				
28	1521010250	Hoàng Văn	Khánh	12/11/1996	4101				C1
29	1521020235	Trần Linh	Khánh	20/09/1997	4102				
30	1521020073	Phạm Nguyễn	Linh	11/2/1997	4103				
31	1621010369	Nguyễn Chí	Lực	14/08/1998	4104				C1
32	1521020253	Nguyễn Thọ	Lượng	6/5/1997	4105				
33	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	4106				
34	1521010093	Vũ Đức	Mạnh	25/07/1997	4107				
35	1421020110	Phạm Văn	Minh	9/12/1995	4108				
36	1521020043	Trần Văn	Minh	16/05/1997	4109				
37	1421010210	Hà Duy	Nam	3/4/1996	4110				
38	1421020490	Phan Văn	Nghĩa	21/05/1996	4111				
39	1521020104	Lâm Duy	Phan	30/11/1997	4112				
40	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	4113				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4030504 Nhóm: 2_4030504 Tổ thi: 001_2_4030504 Tên HP: Sức bền vật liệu B
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAB207** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/1996	4114				
42	1521010038	Nguyễn Hữu	Thành	30/08/1997	4115				
43	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/1996	4116				
44	1521010082	Trần Minh	Tiến	26/08/1997	4117				
45	1521020321	Nguyễn Văn	Trình	21/04/1997	4118				C1
46	1521020327	Phạm Văn	Trường	6/4/1997	4119				
47	1221020168	Nguyễn Anh	Tú	6/4/1994	4120				
48	1421020650	Nguyễn Văn	Tuân	1/10/1995	4121				
49	1521020390	Đặng Văn	Tuấn	1/8/1993	4122				
50	1421011398	Đinh Sỹ	Tuấn	19/01/1996	4123				
51	1521020072	Hà Đức	Việt	2/7/1997	4124				
52	1421020695	Vũ Thế	Việt	13/02/1995	4125				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070303 Nhóm: 2_4070303 Tổ thi: 001_2_4070303 Tên HP: Kinh tế công nghiệp
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1624010544	Dương Văn	Anh	4/5/1998	4126				
2	1624010537	Phạm Thị Ngọc	Anh	3/3/1998	4127				
3	1624010420	Vũ Tiến	Dũng	24/11/1997	4128				
4	1624010356	Đào Thị	Hà	23/02/1998	4129				C1
5	1524010332	Hồ Cẩm	Hà	13/11/1997	4130				
6	1421020378	Lâm Thị	Huệ	7/7/1996	4131				
7	1624010586	Trần Thị	Lan	2/4/1998	4132				
8	1624010736	Trần Thùy	Linh	8/2/1998	4133				
9	1624010096	Hoàng Bích	Loan	14/08/1998	4134				
10	1624010461	Đinh Thảo	Ly	2/10/1998	4135				
11	1614010021	Đặng Thị	Mai	28/12/1998	4136				
12	1524010579	Vũ Quang	Nam	2/9/1997	4137				C1
13	1624010412	Nguyễn Thị	Nhạn	7/1/1998	4138				
14	1321030760	Nguyễn Thị Hà	Nhi	11/4/1995	4139				
15	1624010022	Đinh Thị	Oanh	20/03/1998	4140				
16	1524010263	Trần Thu	Phong	7/10/1997	4141				
17	1624010422	Đặng Lan	Phương	2/10/1998	4142				
18	1614010023	Phạm Việt	Phương	24/07/1988	4143				C1
19	1624010722	Nguyễn Đức	Thắng	21/09/1998	4144				
20	1624010470	Đỗ Phương	Thảo	24/04/1998	4145				
21	1624010460	Nguyễn Thị Kiều	Trang	1/10/1998	4146				
22	1624010452	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/06/1998	4147				
23	1624011006	Nguyễn Thùy	Trang	3/6/1998	4148				
24	1421020624	Vũ Thị Hồng	Trang	10/5/1995	4149				
25	1624010656	Vàng Thị	Tươi	2/6/1998	4150				
26	1524010557	Nguyễn Văn	Tuyến	13/08/1996	4151				
27	1624010604	Nguyễn Thị	Vui	2/10/1998	4152				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 2_4300112 Tổ thi: 001_2_4300112 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621050322	Phạm Trường	An	4/10/1998	4153				
2	1524010054	Bùi Sơn Tùng	Anh	5/5/1997	4154				C1
3	1721050496	Đinh Việt	Anh	15/02/1998	4155				
4	1724010433	Dương Thị Lan	Anh	15/11/1998	4156				
5	1621060630	Già Hoàng	Anh	26/04/1998	4157				
6	1421050005	Hà Tiến	Anh	24/10/1996	4158				
7	1524010036	Hoàng Phúc	Anh	15/02/1997	4159				C1
8	1724010621	Hoàng Thị Vân	Anh	12/9/1999	4160				
9	1721050384	Hoàng Tuấn	Anh	17/10/1999	4161				
10	1621070119	Lê Tuấn	Anh	9/1/1998	4162				
11	1621060929	Nguyễn Nam	Anh	16/01/1996	4163				
12	1621050512	Nguyễn Quang Duy	Anh	8/10/1998	4164				
13	1721050524	Nguyễn Thị	Anh	18/05/1999	4165				C1
14	1421050008	Nguyễn Tuấn	Anh	1/12/1996	4166				
15	1721050210	Phạm Tú	Anh	24/01/1999	4167				
16	1621050484	Phạm Tuấn	Anh	27/10/1998	4168				
17	1721070053	Trần Việt	Anh	12/1/1999	4169				
18	1621010045	Lưu Đức	Ba	6/6/1998	4170				
19	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	4/10/1995	4171				
20	1621050827	Đỗ Xuân	Bách	13/07/1998	4172				
21	1621050467	Hà Vĩnh Nhật	Bảo	23/02/1998	4173				
22	1721060300	Phạm Văn	Biên	16/08/1998	4174				
23	1421060338	Nguyễn Thế	Bính	25/02/1996	4175				
24	1321020025	Hà Thiện	Căn	26/05/1995	4176				
25	1421050288	Nguyễn Tuấn	Cánh	7/7/1996	4177				
26	1621060568	Đặng Công	Chí	14/01/1998	4178				C1
27	1421050023	Đỗ Văn	Chiến	2/7/1994	4179				C1
28	1621060227	Nguyễn Minh	Chiến	6/6/1998	4180				
29	1621060105	Văn Đức	Chiến	3/3/1998	4181				
30	1321020443	Nguyễn Ngọc	Công	9/6/1995	4182				
31	1521060445	Đào Văn	Cương	27/06/1997	4183				
32	1421050027	Lương Xuân	Cương	15/08/1996	4184				
33	1621040710	Bùi Quang	Cường	23/08/1998	4185				
34	1421070020	Đào Quốc	Cường	12/5/1996	4186				
35	1721060018	Nguyễn Việt	Cường	27/08/1999	4187				
36	1721050481	Phạm Văn	Cường	14/06/1999	4188				
37	1724010338	Dương Thị	Diễm	13/09/1999	4189				
38	1621010211	Nguyễn Công	Doanh	25/04/1998	4190				
39	1724010261	Đỗ Thị	Dung	8/3/1999	4191				
40	1621010105	Bùi Đức	Dũng	18/06/1998	4192				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 2_4300112 Tổ thi: 002_2_4300112 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1321070465	Nguyễn Hải	Đăng	12/10/1995	4193				
2	1621050729	Đoàn Thành	Đạt	24/12/1998	4194				
3	1621050798	Hoàng Văn	Đạt	9/10/1998	4195				
4	1321050055	Nguyễn Tiến	Đạt	14/05/1995	4196				
5	1721060012	Nguyễn Tiến	Đạt	30/10/1999	4197				
6	1421040066	Nguyễn Trung	Đạt	11/6/1995	4198				
7	1121010079	Phạm Đức	Đạt	2/1/1992	4199				
8	1421040068	Phạm Xuân	Đạt	13/12/1996	4200				
9	1621040037	Vũ Ngọc	Điều	13/01/1998	4201				
10	1621050869	Đào Quang	Đoàn	5/3/1998	4202				
11	1621030285	Phạm Văn	Đông	21/03/1998	4203				
12	1521050008	Nguyễn Minh	Đức	20/05/1997	4204				
13	1721060581	Nguyễn Xuân	Đức	23/11/1999	4205				
14	1421040045	Lý Văn	Dũng	1/2/1995	4206				
15	1321030473	Ngô Tiến	Dũng	1/1/1995	4207				
16	1421030300	Trần Chí	Dũng	7/10/1996	4208				
17	1724010113	Vũ Quang	Dũng	24/10/1999	4209				
18	1621020062	Vũ Việt	Dũng	14/10/1998	4210				
19	1321010090	Hồ Xuân Hoàng	Dương	4/3/1994	4211				
20	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	4212				C1
21	1721060570	Lê Ngọc	Dương	12/10/1999	4213				
22	1721030080	Nguyễn Duy	Dương	11/9/1999	4214				
23	1724010002	Nguyễn Thùy	Dương	14/07/1999	4215				
24	1421030305	Nguyễn Trọng	Duy	26/11/1996	4216				
25	1621030096	Trần Nhật	Duy	16/02/1998	4217				
26	1724010502	Nguyễn Thị	Gắm	31/05/1999	4218				
27	1724010249	Phạm Quỳnh	Giang	10/11/1999	4219				
28	1421050056	Lê Thái	Hà	28/07/1996	4220				
29	1721060035	Lưu Đình	Hà	31/01/1999	4221				
30	1721060407	Bùi Ninh	Hải	26/03/1999	4222				
31	1621060014	Bùi Quang	Hải	10/6/1998	4223				
32	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	4224				C1
33	1721060399	Nguyễn Đức	Hải	19/08/1999	4225				
34	1421050058	Nguyễn Hữu	Hải	16/12/1995	4226				
35	1511020002	Nguyễn Thế	Hải	16/10/1997	4227				C1
36	1724010185	Nguyễn Thị	Hằng	29/07/1999	4228				
37	1721050698	Lưu Thị Hân	Hạnh	3/8/1999	4229				
38	1721050215	Trần Thuý	Hào	17/10/1999	4230				
39	1724010275	Tạ Thị	Hậu	7/9/1999	4231				
40	1421070279	Nguyễn Quang	Hiệp	23/03/1996	4232				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cắm thi; C1 = Cắm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 2_4300112 Tổ thi: 003_2_4300112 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621040135	Nguyễn Đức	Hiếu	27/04/1998	4233				
2	1621070193	Nguyễn Trọng	Hiếu	22/12/1997	4234				C1
3	1621060535	Nguyễn Trung	Hiếu	30/05/1998	4235				C1
4	1421020359	Nguyễn Văn	Hiếu	16/12/1996	4236				
5	1321070502	Phạm Trung	Hiếu	26/08/1995	4237				
6	1621050855	Lương Xuân	Hòa	3/8/1998	4238				
7	1421050068	Nguyễn Đăng	Hòa	4/11/1996	4239				
8	1621040002	Nguyễn Trọng	Hòa	15/10/1998	4240				
9	1321020545	Nguyễn Văn	Hoàn	6/2/1995	4241				C1
10	1421050073	Đinh Văn	Hoàng	8/4/1995	4242				
11	1621050807	Lê Văn	Hoàng	18/07/1998	4243				C1
12	1621010305	Nguyễn Thế	Hoàng	22/02/1998	4244				
13	1621060804	Phạm Minh	Hoàng	1/12/1998	4245				
14	1621050449	Phạm Minh	Hoàng	30/11/1998	4246				
15	1721060208	Vũ Thái	Hoàng	5/8/1999	4247				
16	1724010398	Đỗ Thị Kim	Huệ	28/10/1999	4248				
17	1621010256	Lê Việt	Hùng	28/11/1998	4249				
18	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	4250				C1
19	1621010094	Nguyễn Thạc	Hùng	29/04/1998	4251				
20	1621040058	Trần Tuấn	Hùng	7/5/1998	4252				C1
21	1421070058	Chu Hải	Hưng	3/3/1996	4253				
22	1621060663	Đỗ Việt	Hưng	14/10/1998	4254				
23	1624010726	Đỗ Quang	Huy	30/04/1998	4255				
24	1621060311	Hoàng Tiến	Huy	9/12/1998	4256				
25	1321030622	Nguyễn Quang	Huy	30/07/1995	4257				
26	1421040132	Nguyễn Quốc	Huy	29/07/1996	4258				
27	1721050038	Nguyễn Văn	Huy	10/7/1999	4259				
28	1721050127	Trần Hoàng	Huy	26/10/1999	4260				
29	1724010281	Bùi Thanh	Huyền	24/07/1999	4261				
30	1721050695	Nguyễn Thị	Huyền	1/9/1999	4262				
31	1724010033	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1/1/1999	4263				C1
32	1421050449	Bùi Văn	Kết	4/5/1995	4264				C1
33	1721060220	Bùi Việt	Khang	21/03/1999	4265				
34	1721050485	Phạm Quang	Khánh	2/9/1999	4266				
35	1421050097	Phan Anh	Khánh	2/8/1996	4267				
36	1421020417	Nguyễn Đức	Khoa	15/01/1996	4268				
37	1321010197	Nguyễn Văn	Khôi	12/9/1993	4269				
38	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/1996	4270				
39	1621050569	Phan Duy	Kiên	30/08/1998	4271				
40	1624010126	Vũ Đức	Kiên	31/08/1998	4272				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 2_4300112 Tổ thi: 004_2_4300112 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060152	Đặng Xuân	Lai	16/12/1996	4273				
2	1724010381	Nguyễn Thị	Liên	5/7/1999	4274				
3	1724010386	Đàm Khánh	Linh	17/05/1999	4275				
4	1721060180	Đinh Mạnh	Linh	5/9/1999	4276				
5	1724010162	Đỗ Thị Riệu	Linh	25/08/1999	4277				
6	1624010883	Lâm Thị Mỹ	Linh	15/08/1998	4278				
7	1721060521	Lưu Đức	Linh	22/09/1999	4279				
8	1321050615	Nguyễn Đức	Linh	10/1/1995	4280				C1
9	1724010082	Nguyễn Thị	Linh	20/12/1999	4281				
10	1321030123	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4/1/1994	4282				C1
11	1521030387	Phạm Hoàng	Linh	6/2/1997	4283				
12	1421030441	Ngô Xuân	Lộc	21/12/1995	4284				
13	1721060822	Vũ Duy	Lộc	18/10/1999	4285				
14	1621050496	Nguyễn Quý	Lợi	9/3/1998	4286				
15	1721030085	Nguyễn Hữu	Long	8/1/1999	4287				
16	1421020448	Nguyễn Thế	Long	5/1/1994	4288				
17	1621050483	Trần Gia	Long	17/03/1998	4289				
18	1321060555	Dương Minh	Lượng	10/9/1994	4290				
19	1721070033	Dương Thị Hương	Ly	27/04/1999	4291				
20	1721060233	Lâm Đức	Mạnh	20/02/1999	4292				
21	1621050816	Phạm Đức	Mạnh	20/05/1998	4293				
22	1421080070	Đặng Văn	Minh	18/03/1996	4294				C1
23	1421080289	Lục Văn	Minh	1/5/1996	4295				
24	1721060009	Nguyễn Văn	Minh	16/02/1999	4296				
25	1321030724	Trần Công	Minh	11/12/1995	4297				
26	1621060408	Đặng Trung	Nam	22/01/1998	4298				
27	1421080433	Dương Hoàng	Nam	31/08/1996	4299				
28	1421030466	Nguyễn Đức	Nam	9/5/1996	4300				
29	1721060048	Phạm Văn	Nam	17/12/1999	4301				
30	1624011039	Trần Thị Hằng	Nga	3/1/1998	4302				
31	1421040199	Bùi Kim	Ngọc	18/09/1996	4303				
32	1624010852	Chu Hồng	Ngọc	9/7/1998	4304				
33	1721060509	Chu Thành	Ngọc	16/01/1999	4305				
34	1621070100	Nguyễn Thế	Ngọc	30/10/1998	4306				C1
35	1624010587	Nguyễn Thị	Ngọc	1/5/1998	4307				
36	1621060689	Trần Văn	Ngọc	18/03/1998	4308				
37	1521010007	Bùi Văn	Nhanh	10/4/1997	4309				C1
38	1721060241	Trần Tân	Nhật	8/12/1999	4310				
39	1421080310	Bùi Thị Hồng	Nhung	26/10/1996	4311				
40	1521020267	Phạm Tấn	Phát	3/7/1996	4312				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 2_4300112 Tổ thi: 005_2_4300112 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721060469	Lê Hữu	Phiêu	26/07/1999	4313				
2	1721060131	Phạm Văn	Phong	1/3/1998	4314				
3	1611060025	Nguyễn Lê Hữu	Phước	2/12/1998	4315				
4	1421070099	Bùi Hải	Quân	17/02/1996	4316				C1
5	1421030508	Lương Văn	Quân	22/04/1996	4317				
6	1721050151	Phạm Duy Hoàng	Quân	20/04/1999	4318				
7	1321080080	Vũ Anh	Quân	9/8/1995	4319				C1
8	1621050395	Hy Vinh	Quang	12/7/1998	4320				
9	1421050157	Nguyễn Thế	Quang	6/12/1996	4321				C1
10	1621070165	Vũ Kiến	Quốc	24/01/1998	4322				
11	1624010293	Nguyễn Trung	Quyết	12/11/1998	4323				
12	1621080155	Chu Diễm	Quỳnh	10/10/1998	4324				
13	1321040230	Lô Quang	Sơn	8/10/1995	4325				
14	1421070107	Nguyễn Duy	Sơn	13/06/1996	4326				
15	1621061004	Trần Hồng	Sơn	1/8/1998	4327				
16	1421020548	Trần Thanh	Sơn	17/10/1996	4328				
17	1321040563	Trần Văn	Sử	12/4/1994	4329				
18	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	1/2/1998	4330				
19	1721050234	Tạ Văn	Tài	26/10/1999	4331				
20	1621030072	Trần Minh	Tài	1/11/1998	4332				
21	1421070109	Đào Nguyên	Tấn	10/1/1996	4333				
22	1721070061	Đoàn Mạnh	Tạo	19/03/1999	4334				
23	1724010422	Phạm Thị	Thắm	24/06/1999	4335				
24	1721060421	Lê Minh	Thắng	9/2/1999	4336				C1
25	1411040055	Phùng Kim	Thắng	14/12/1996	4337				C1
26	1321020722	Vũ Ngọc	Thắng	1/9/1995	4338				
27	1721050486	Đoàn Duy	Thanh	14/06/1998	4339				C1
28	1621050235	Hoàng Trọng	Thanh	3/1/1998	4340				
29	1721060090	Nguyễn Thắng	Thanh	15/03/1999	4341				
30	1421040249	Đặng Công	Thành	1/2/1995	4342				
31	1421040255	Nguyễn Tiến	Thành	28/06/1996	4343				
32	1621010181	Nguyễn Tuấn	Thành	22/01/1998	4344				
33	1621010026	Phạm Chí	Thành	3/12/1998	4345				
34	1721050881	Đoàn Thị Phương	Thảo	8/3/1999	4346				
35	1614010031	Nguyễn Thị	Thảo	24/02/1998	4347				C1
36	1621050069	Nguyễn Đỗ	Thật	8/2/1998	4348				
37	1321020724	Dương Văn	Thế	1/10/1995	4349				
38	1421020582	Hoàng Minh	Thép	12/12/1996	4350				
39	1621050866	Chu Minh Ngọc	Thị	21/12/1998	4351				
40	1721060361	Lê Thành	Thiên	20/11/1999	4352				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 2_4300112 Tổ thi: 006_2_4300112 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030193	Bùi Đức	Thịnh	5/6/1996	4353				
2	1721060253	Phạm Quang	Thịnh	27/04/1999	4354				
3	1724010622	Nguyễn Thị	Thơm	12/12/1999	4355				
4	1421080378	Tào Thị	Thu	24/05/1996	4356				
5	1724010134	Nguyễn Minh	Thư	21/04/1999	4357				
6	1624010083	Nguyễn Thanh	Thư	23/05/1998	4358				
7	1621060595	Đoàn Như	Thuần	30/09/1998	4359				
8	1421050200	Hoàng Thị	Thúy	16/07/1996	4360				
9	1724010408	Vũ Thị Minh	Thúy	11/4/1999	4361				
10	1421050199	Nguyễn Thanh	Thủy	17/02/1996	4362				
11	1421080392	Nguyễn Vũ Yến	Thy	24/07/1996	4363				
12	1421050203	Bùi Quang	Tiến	27/12/1996	4364				C1
13	1721060011	Đinh Hồng	Tiến	3/6/1999	4365				
14	1321060310	Nguyễn Văn	Tiếp	4/9/1995	4366				
15	1621050455	Đặng Đình	Toàn	20/10/1998	4367				
16	1321060641	Trương Quốc	Toàn	4/8/1994	4368				
17	1621040003	Trần Xuân	Trà	29/06/1998	4369				
18	1724010032	Lê Thị Thu	Trang	13/03/1999	4370				
19	1724010152	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/06/1999	4371				
20	1621060820	Đào Văn	Trọng	20/05/1998	4372				
21	1411020041	Bùi Quang	Trung	15/06/1995	4373				
22	1421050667	Cao Văn	Trung	12/6/1995	4374				C1
23	1421040306	Hoàng Văn	Trung	10/3/1996	4375				
24	1321050759	Nguyễn Nam	Trung	23/04/1995	4376				
25	1421050218	Đàm Quang	Trường	18/01/1993	4377				
26	1721050381	Dương Nam	Trường	22/05/1999	4378				
27	1221030176	Hoàng Xuân	Trường	29/05/1994	4379				C1
28	1321050766	Lưu Văn	Trường	24/11/1995	4380				
29	1721050200	Nguyễn Anh	Tú	20/05/1999	4381				C1
30	1724010153	Nguyễn Văn	Tú	9/11/1998	4382				
31	1421030602	Phùng Anh	Tú	29/07/1994	4383				C1
32	1721040091	Trần Văn	Tư	18/11/1999	4384				
33	1221020529	Trần Minh	Tuân	2/7/1994	4385				C1
34	1621070209	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	25/06/1998	4386				
35	1621060476	Nguyễn Văn	Tuấn	11/1/1998	4387				
36	1421020665	Trịnh Anh	Tuấn	6/7/1995	4388				
37	1421050227	Trịnh Anh	Tuấn	22/02/1996	4389				
38	1621050489	Trịnh Quốc	Tuấn	27/11/1998	4390				
39	1121050123	Vũ Khắc	Tuệ	28/02/1992	4391				
40	1421070534	Phạm Văn	Tùng	6/10/1994	4392				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4300112 Nhóm: 2_4300112 Tổ thi: 006_2_4300112 Tên HP: Công tác quốc phòng - an ninh
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621050878	Trần Mạnh	Tùng	10/3/1998	4393				
42	1421020679	Vũ Thanh	Tùng	2/10/1996	4394				
43	1724010378	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30/06/1999	4395				
44	1724010452	Nguyễn Thị	Vân	12/2/1999	4396				C1
45	1421030230	Trần Thị Cẩm	Vân	14/01/1996	4397				
46	1721060301	Nguyễn Xuân	Văn	11/1/1999	4398				
47	1321070715	Nguyễn Văn	Vệ	15/01/1995	4399				
48	1621050225	Nguyễn Quang	Việt	23/10/1998	4400				
49	1421080428	Trần Hoàng	Việt	25/01/1996	4401				
50	1421040571	Phùng Đức	Vinh	22/03/1995	4402				
51	1611040015	Nguyễn Bắc	Vũ	12/9/1998	4403				
52	1621070187	Nguyễn Quý	Vượng	17/03/1998	4404				C1
53	1721050250	Nguyễn Đức	Xuân	13/02/1999	4405				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4000005 Nhóm: 2_4000005 Tổ thi: 001_2_4000005 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030264	Trần Hoàng	Anh	7/10/1996	4406				C1
2	1524010147	Trần Thị Vân	Anh	25/04/1996	4407				
3	1731060002	Vũ Thế	Anh	3/7/1995	4408				C1
4	1521060076	Phạm Văn	Cảnh	6/3/1997	4409				
5	1321030448	Lưu Tuấn	Chính	28/04/1995	4410				C1
6	1721060161	Đỗ Ngọc	Chung	9/8/1998	4411				
7	1731070005	Dương Hải	Đăng	16/10/1995	4412				C1
8	1621060210	Trần Đỗ	Đạt	29/04/1998	4413				
9	1421040078	Đoàn Lộc	Đức	27/01/1996	4414				C1
10	1521060216	Lê Minh	Đức	19/03/1997	4415				
11	1621060494	Trịnh Quang	Đức	14/05/1998	4416				
12	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/1997	4417				
13	1621050187	Nguyễn Trường	Giang	18/12/1998	4418				
14	1721060407	Bùi Ninh	Hải	26/03/1999	4419				
15	1621060244	Nguyễn Văn	Hải	10/10/1998	4420				
16	1524010070	Nguyễn Hoàng	Hiệp	4/11/1997	4421				
17	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/1/1996	4422				
18	1421020380	Bùi Việt	Hùng	6/11/1995	4423				
19	1421070058	Chu Hải	Hưng	3/3/1996	4424				
20	1421011154	Nguyễn Đức	Huy	21/05/1996	4425				
21	1624010536	Nguyễn Thị	Huyền	4/11/1998	4426				C1
22	1621060011	Trịnh Duy	Khánh	8/8/1998	4427				
23	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	4428				
24	1621050077	Nguyễn Duy	Long	1/4/1998	4429				
25	1421070383	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/1996	4430				
26	1421040183	Tô Xuân	Mạnh	2/1/1996	4431				
27	1424010445	Đỗ Thế Phương	Nam	3/6/1996	4432				
28	1524010009	Trương Ngọc	Phú	12/5/1997	4433				
29	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/1997	4434				C1
30	1521030298	Bùi Ngọc	Quyền	20/07/1997	4435				
31	1421020132	Phạm Văn	Quyền	6/10/1996	4436				C1
32	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/1996	4437				
33	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	4438				
34	1521060235	Nguyễn Xuân	Sâm	4/10/1996	4439				
35	1421030800	Ngô Trung	Sơn	14/05/1996	4440				
36	1621060178	Trịnh Hữu	Sơn	18/02/1998	4441				
37	1521020028	Vũ Đình	Sơn	27/11/1997	4442				C1
38	1621050620	Đoàn Đình	Tâm	19/02/1998	4443				
39	1721060213	Nguyễn Việt	Tân	6/8/1999	4444				C1
40	1731060003	Tô Minh	Thái	26/11/1996	4445				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4000005 Nhóm: 2_4000005 Tổ thi: 001_2_4000005 Tên HP: Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624010722	Nguyễn Đức	Thắng	21/09/1998	4446				
42	1321010336	Trần Văn	Thắng	19/10/1995	4447				
43	1421040244	Nguyễn Công	Thanh	27/07/1996	4448				
44	1521070081	Nguyễn Bút	Thành	23/09/1997	4449				
45	1421010299	Phạm Vũ Tiến	Thành	19/05/1996	4450				C1
46	1421040262	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/07/1995	4451				
47	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/1997	4452				
48	1724010408	Vũ Thị Minh	Thúy	11/4/1999	4453				
49	1521080265	Bùi Công	Tiến	26/10/1997	4454				
50	1621050705	Nguyễn Đình	Tiến	15/05/1998	4455				
51	1524010261	Trần Anh	Tú	13/05/1996	4456				C1
52	1521060180	Phạm Văn	Tuân	24/06/1996	4457				
53	1521010349	Trương Minh	Tuấn	29/12/1997	4458				
54	1421010375	Nghiêm Vũ	Tùng	25/08/1996	4459				
55	1421040335	Nguyễn Thanh	Tùng	22/02/1996	4460				
56	1621060991	Trần Thanh	Tùng	2/9/1998	4461				
57	1621010264	Trịnh Hữu	Tùng	9/8/1998	4462				
58	1521020346	Lê Đình	Tường	10/7/1997	4463				
59	1621060578	Lò Sênh	Vàng	8/6/1997	4464				
60	1421020705	Nguyễn Hồng	Xuân	29/04/1996	4465				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 2_4010305 Tổ thi: 001_2_4010305 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010438	Nguyễn Tuấn	Anh	1/8/1997	4466				
2	1521020135	Phùng Duy	Anh	13/09/1997	4467				
3	1721040504	Phùng Quyền	Anh	16/09/1999	4468				C1
4	1421020014	Vũ Thế	Anh	30/05/1996	4469				
5	1321020424	Nguyễn Văn	Ba	4/10/1995	4470				
6	1421020235	Đặng Quốc	Bình	22/01/1996	4471				
7	1521020357	Chu Thị Thùy	Châm	24/04/1997	4472				
8	1421060069	Phạm Quốc	Đạt	15/02/1996	4473				
9	1321030524	Trần Nhật	Đức	24/11/1995	4474				
10	1421010070	Lê Đại	Dương	24/05/1996	4475				C1
11	1521010396	Tổng Hoàng	Dương	24/11/1997	4476				
12	1421020032	Nguyễn Đức	Duyệt	29/10/1996	4477				
13	1421020045	Lê Hữu	Giang	29/07/1996	4478				C1
14	1521020179	Lương Thành	Giang	1/11/1997	4479				
15	1421020343	Trần Thị Thu	Hằng	14/03/1996	4480				C1
16	1421020062	Nguyễn Đình	Hiếu	26/05/1996	4481				
17	1421011121	Nguyễn Duy	Hiếu	24/05/1995	4482				
18	1521080068	Trương Thị Phương	Hoa	19/12/1997	4483				
19	1421040136	Lù Mạnh	Hưng	20/09/1996	4484				
20	1421011152	Mai Sỹ	Huy	3/5/1996	4485				
21	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	4486				
22	1421080248	Cần Quang	Khánh	18/12/1996	4487				
23	1521080353	Hồ Công	Lộc	1/10/1997	4488				
24	1421040448	Trần Đức	Lợi	9/5/1996	4489				C1
25	1421080070	Đặng Văn	Minh	18/03/1996	4490				C1
26	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/1994	4491				
27	1421080082	Hoàng Minh	Ngọc	31/12/1996	4492				
28	1621010135	Đào Văn	Phúc	13/10/1998	4493				
29	1521080317	Vũ Thị Kim	Phương	5/8/1996	4494				
30	1731020005	Lê Đình	Quân	8/6/1996	4495				
31	1421080336	Phạm Văn	Quyết	31/08/1995	4496				
32	1421020541	Hoàng Hồng	Sơn	27/06/1995	4497				
33	1521040010	Vương Văn	Sơn	6/10/1997	4498				
34	1421011324	Nguyễn Đức	Thắng	22/09/1996	4499				
35	1521020373	Nguyễn Đức	Thắng	17/06/1996	4500				
36	1421040509	Nguyễn Hải	Thanh	27/12/1995	4501				
37	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	4502				
38	1521080069	Đặng Phương	Thảo	21/08/1996	4503				
39	1521020308	Nguyễn Thị	Tho	28/05/1996	4504				
40	1521020314	Đỗ Tất	Thường	15/02/1997	4505				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010305 Nhóm: 2_4010305 Tổ thi: 001_2_4010305 Tên HP: Hóa phân tích phần 1+ TN
Ngày thi: **9/8/2018** Phòng thi: **HNAA207** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1621020045	Bùi Thị	Thúy	25/06/1997	4506				
42	1521080014	Nguyễn Mạnh	Tiến	27/08/1995	4507				
43	1421020163	Tổng Minh	Tiến	7/12/1995	4508				
44	1621080106	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	3/1/1998	4509				
45	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	4510				C1
46	1221020168	Nguyễn Anh	Tú	6/4/1994	4511				
47	1421060303	Phạm Đức	Tùng	14/08/1996	4512				
48	1521020034	Trần Thanh	Tùng	13/03/1997	4513				
49	1421020190	Trần Văn	Tùng	2/4/1995	4514				
50	1421011418	Đồng Đình	Văn	5/6/1992	4515				
51	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	4516				C1
52	1421010800	Trần Anh	Vũ	25/07/1993	4517				
53	1521020096	Vũ Trọng	Xuyên	17/10/1997	4518				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4000003 Nhóm: 2_4000003 Tổ thi: 001_2_4000003 Tên HP: Tiếng Việt thực hành
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA203** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421080003	Lê Tuấn	Anh	8/1/1995	4519				
2	1421030005	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/8/1994	4520				C1
3	1621010308	Phạm Thị	Chín	1/1/1998	4521				
4	1421070020	Đào Quốc	Cường	12/5/1996	4522				
5	1321040459	Trần Ngọc	Đại	14/09/1995	4523				
6	1521070207	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/1997	4524				
7	1621060412	Đỗ Thành	Đạt	29/01/1998	4525				
8	1621010258	Lê Xuân	Đạt	1/12/1998	4526				
9	1621060771	Phạm Văn	Đạt	9/1/1998	4527				
10	1421040078	Đoàn Lộc	Đức	27/01/1996	4528				C1
11	1521020029	Nguyễn Văn	Đức	8/1/1997	4529				
12	1621050368	Trần Anh	Đức	12/9/1998	4530				
13	1521011007	Trần Đăng	Đức	20/08/1997	4531				
14	1521070093	Đào Văn	Dũng	26/04/1996	4532				
15	1521060260	Nguyễn Duy	Dũng	6/2/1996	4533				
16	1421040052	Trần Văn	Dũng	9/7/1996	4534				
17	1521070437	Đinh Quang	Duy	24/01/1997	4535				
18	1521040053	Nguyễn Cảnh	Duy	29/09/1997	4536				
19	1521010125	Nguyễn Trường	Giang	21/08/1997	4537				
20	1621010342	Lý Ngọc	Hà	17/08/1997	4538				
21	1621010353	Nguyễn Thị Thanh	Hà	25/06/1998	4539				
22	1521070100	Đàm Xuân	Hiếu	13/08/1997	4540				
23	1521070012	Hoàng Minh	Hiếu	26/07/1997	4541				
24	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/1994	4542				
25	1421060109	Vũ Thanh	Hiếu	1/3/1996	4543				
26	1621060804	Phạm Minh	Hoàng	1/12/1998	4544				
27	1621040058	Trần Tuấn	Hùng	7/5/1998	4545				C1
28	1421011154	Nguyễn Đức	Huy	21/05/1996	4546				
29	1421060132	Nguyễn Văn	Huy	1/4/1996	4547				
30	1421030107	Vũ Văn	Khang	10/6/1996	4548				
31	1521070286	Vũ Văn	Khánh	25/04/1997	4549				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4000003 Nhóm: 2_4000003 Tổ thi: 002_2_4000003 Tên HP: Tiếng Việt thực hành
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA304** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521070148	Nguyễn Ngọc	Kiên	22/09/1997	4550				
2	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	4551				C1
3	1521040098	Trần Trung	Kiên	5/7/1997	4552				
4	1521080182	Hoàng Tùng	Lâm	25/11/1997	4553				
5	1621010707	Trần Tùng	Lâm	31/07/1997	4554				
6	1521060158	Nguyễn Thê	Lợi	17/11/1997	4555				
7	1621050077	Nguyễn Duy	Long	1/4/1998	4556				
8	1421040174	Chữ Viết	Luận	12/12/1996	4557				
9	1621010182	Nguyễn Đức	Minh	22/10/1998	4558				
10	1621060762	Phạm Văn	Nam	24/11/1998	4559				
11	1721050401	Nguyễn Đức	Nguyên	20/06/1999	4560				
12	1521070079	Đỗ Đức	Phú	5/3/1997	4561				
13	1521070150	Vũ Văn	Phúc	25/02/1997	4562				
14	1521060095	Bùi Xuân	Quảng	16/11/1997	4563				
15	1421020132	Phạm Văn	Quyền	6/10/1996	4564				C1
16	1521070032	Bùi Đức	Thắng	30/12/1997	4565				
17	1521070111	Bùi Hữu	Thắng	14/03/1997	4566				
18	1421040245	Nguyễn Hữu	Thanh	2/2/1996	4567				
19	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/1997	4568				
20	1521050211	Đỗ Trí	Thức	8/11/1997	4569				
21	1521070122	Nguyễn Hữu	Toản	30/08/1997	4570				
22	1524010306	Nguyễn Thị Hồng	Trang	24/11/1997	4571				C1
23	1524010349	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	22/12/1997	4572				
24	1524010234	Phan Thu	Trang	1/9/1997	4573				
25	1421010349	Trần Đình	Trọng	13/09/1996	4574				
26	1421060602	Dương Thành	Trung	7/8/1995	4575				
27	1421010356	Trần Hoàng	Trung	20/08/1996	4576				C1
28	1521010222	Lương Xuân	Tuấn	2/4/1997	4577				
29	1621060991	Trần Thanh	Tùng	2/9/1998	4578				
30	1421040339	Hoàng Văn	Tuyên	24/03/1996	4579				
31	1421040347	Hoàng Tuấn	Vũ	7/10/1996	4580				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 2_4020101 Tổ thi: 001_2_4020101 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010001L	Soudsaychai Homdou		26/01/1997	4581				
2	1524010016	Nguyễn Thế	An	15/12/1996	4582				
3	1521030138	Hồ Phạm Hải	Anh	24/09/1996	4583				
4	1621050278	Hoàng Thế	Anh	12/12/1998	4584				
5	1721010082	Lê Bá	Anh	15/11/1999	4585				
6	1621060404	Lê Đình	Anh	13/11/1998	4586				
7	1724010565	Lê Thị Lan	Anh	12/11/1998	4587				
8	1321050004	Nguyễn Bảo	Anh	21/05/1995	4588				C1
9	1621050512	Nguyễn Quang Duy	Anh	8/10/1998	4589				
10	1421050268	Phạm Tuấn	Anh	12/6/1996	4590				
11	1521040192	Phạm Tuấn	Anh	23/10/1997	4591				
12	1621060068	Vi Tuấn	Anh	3/8/1998	4592				
13	1521030003	Bùi Ngọc	Bảo	20/08/1996	4593				
14	1721050463	Hà Văn	Bảo	16/11/1999	4594				
15	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	4595				
16	1521030175	Trịnh Minh	Chiến	9/4/1997	4596				
17	1421030015	Nguyễn Thị	Chinh	29/07/1995	4597				C1
18	1521060004	Vũ Chí	Công	6/1/1997	4598				
19	1521040115	Nguyễn Duy	Cương	18/05/1996	4599				C1
20	1421020256	Nguyễn Mạnh	Cường	16/06/1995	4600				
21	1511030001	Lê Đình Đỗ	Đạt	15/06/1997	4601				
22	1621050023	Lê Quý	Đạt	20/02/1998	4602				C1
23	1421070235	Phạm Thành	Đạt	26/09/1996	4603				
24	1621060592	Trần Tiến	Đạt	24/05/1998	4604				
25	1521080009	Vũ Quốc	Đạt	20/03/1997	4605				
26	1621070004	Lưu Văn	Đoan	3/3/1998	4606				
27	1521020159	Đỗ Minh	Đông	13/01/1997	4607				
28	1511030012	Nguyễn Anh	Đức	30/09/1997	4608				
29	1621060908	Trần Huỳnh	Đức	2/11/1998	4609				
30	1521020010	Bùi Việt	Dũng	26/08/1997	4610				C1
31	1521080121	Nguyễn Bình	Dương	21/08/1997	4611				
32	1421030303	Đỗ Thế	Duy	17/01/1996	4612				
33	1721050292	Nguyễn Hữu	Duy	10/1/1996	4613				C1
34	1524010233	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/1997	4614				
35	1521040184	Nguyễn Ngọc	Hải	5/1/1997	4615				
36	1421040104	Nguyễn Văn	Hiển	11/2/1996	4616				
37	1621050875	Đinh Văn	Hiếu	13/08/1998	4617				
38	1521050057	Đoàn Văn	Hiếu	22/05/1997	4618				
39	1621070041	Hoàng Mạnh	Hiếu	4/9/1998	4619				C1
40	1621060860	Ngô Thanh	Hiếu	19/12/1998	4620				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 2_4020101 Tổ thi: 002_2_4020101 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	4621				C1
2	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	4622				
3	1521010025	Nguyễn Việt	Hiếu	9/9/1997	4623				
4	1321050076	Bùi Việt	Hòa	27/08/1995	4624				
5	1421010122	Nguyễn Dung	Hòa	21/07/1996	4625				
6	1521060375	Phạm Thị Kim	Hòa	17/03/1997	4626				
7	1521010347	Nguyễn Duy	Hoàng	25/07/1997	4627				
8	1521040067	Nguyễn Thị	Hồng	2/3/1997	4628				
9	1521070262	Nguyễn Duy	Huân	10/1/1997	4629				
10	1521010036	Lê Mạnh	Hùng	28/02/1997	4630				C1
11	1421030086	Lê Xuân	Hùng	11/10/1993	4631				
12	1521050238	Mai Sỹ	Hùng	10/6/1997	4632				
13	1621040073	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/11/1998	4633				C1
14	1521060358	Trần Văn	Hùng	24/02/1997	4634				
15	1521060176	Nguyễn Duy	Hưng	9/9/1997	4635				
16	1521050179	Nguyễn Văn	Hưng	20/11/1997	4636				
17	1521060106	Nguyễn Văn	Hưng	6/2/1997	4637				
18	1521060174	Trần Kiều	Hưng	20/01/1997	4638				
19	1521060280	Nguyễn Bá	Hường	2/6/1996	4639				
20	1521010163	Lê Quang	Huy	28/08/1997	4640				C1
21	1621040092	Lê Quốc	Huy	11/8/1998	4641				
22	1521050216	Nguyễn Quang	Huy	21/10/1997	4642				
23	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/1997	4643				
24	1521030238	Trần Đức	Huy	17/08/1997	4644				
25	1621060911	Trần Minh	Huy	1/9/1998	4645				
26	1521060431	Võ Văn	Huy	17/08/1997	4646				
27	1521060370	Lê Văn	Huỳnh	12/5/1997	4647				
28	1521060283	Trần Văn	Huỳnh	2/8/1997	4648				
29	1421030106	Nguyễn Hữu	Khang	15/01/1996	4649				
30	1521039002	Nông Quốc	Khanh	20/08/1995	4650				
31	1521060084	Đào Văn	Khánh	20/09/1997	4651				C1
32	1521070288	Đinh Trọng	Khôi	25/10/1994	4652				
33	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/1996	4653				
34	1521010049	Trần Trung	Kiên	12/11/1997	4654				
35	1421050101	Nguyễn Thị	Lam	6/5/1996	4655				
36	1421010173	Nguyễn Văn	Lâm	7/7/1996	4656				
37	1621060726	Nguyễn Quang	Linh	5/10/1998	4657				
38	1321070568	Trần Quý	Linh	9/8/1993	4658				
39	1524010268	Vũ Thị Mỹ	Linh	19/11/1997	4659				
40	1421060161	Nguyễn Ngọc	Long	6/11/1996	4660				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 2_4020101 Tổ thi: 003_2_4020101 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	4661				
2	1421020448	Nguyễn Thế	Long	5/1/1994	4662				
3	1421040170	Phạm Đức	Long	12/6/1996	4663				
4	1421040451	Bùi Thị	Lý	12/10/1996	4664				
5	1621060788	Đặng Văn	Mạnh	10/2/1998	4665				C1
6	1521040266	Nguyễn Văn	Minh	16/05/1997	4666				
7	1521070318	Vũ Hoàng	Nghĩa	18/09/1997	4667				
8	1421050526	Cung Hùng	Ngọc	8/8/1996	4668				
9	1421010226	Cần Văn	Nguyên	21/03/1996	4669				
10	1521010085	Đỗ Văn	Nguyên	27/06/1996	4670				
11	1521060238	Kiều Thái	Nguyên	11/8/1996	4671				C1
12	1524010346	Lê Thị ánh	Nguyệt	30/06/1997	4672				
13	1521010007	Bùi Văn	Nhanh	10/4/1997	4673				C1
14	1724010245	Nguyễn Thành	Phát	12/5/1999	4674				C1
15	1421020123	Trần Viết	Phong	14/01/1996	4675				
16	1421010241	Trần Xuân	Phong	30/12/1995	4676				
17	1521020032	Đinh Văn	Phúc	24/05/1997	4677				
18	1521010047	Dương Hữu	Phước	24/10/1997	4678				
19	1521010227	Phạm Hữu	Phước	2/7/1996	4679				
20	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/1997	4680				C1
21	1621060090	Hoàng Xuân	Phương	7/2/1998	4681				
22	1521050207	Đặng Anh	Quân	6/7/1997	4682				
23	1521060166	Nguyễn Ngọc	Quang	5/12/1997	4683				
24	1421020523	Bùi Ngọc	Quý	27/01/1994	4684				
25	1621070133	Trần Đức	Quyền	12/12/1998	4685				
26	1721050033	Trần Thị Như	Quỳnh	29/10/1999	4686				
27	1121010276	Lương Ngọc	Sơn	8/8/1993	4687				C1
28	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	4688				C1
29	1421020136	Nguyễn Hoàng	Sơn	30/07/1996	4689				
30	1621060430	Phạm Minh	Sơn	25/09/1998	4690				C1
31	1611030700	Phạm Thanh	Sơn	28/08/1998	4691				C1
32	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	4692				C1
33	1521060085	Nguyễn Văn	Tân	11/7/1997	4693				
34	1421040236	Nguyễn Trọng	Tạo	24/01/1996	4694				
35	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	22/12/1997	4695				C1
36	1421011324	Nguyễn Đức	Thắng	22/09/1996	4696				
37	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	5/10/1996	4697				
38	1624010295	Nguyễn Thị	Thanh	16/06/1998	4698				
39	1621060676	Bùi Xuân	Thành	4/7/1998	4699				
40	1421080109	Nguyễn Đức	Thiện	17/06/1995	4700				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020101 Nhóm: 2_4020101 Tổ thi: 004_2_4020101 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040018	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/02/1997	4701				
2	1521060020	Phạm Đăng	Thiện	16/04/1997	4702				
3	1721050288	Nguyễn Trần	Thịnh	10/2/1999	4703				
4	1524010623	Bùi Thị	Thom	29/10/1997	4704				
5	1421050196	Nguyễn Thị	Thu	22/01/1995	4705				
6	1524010214	Trần Anh	Thư	13/02/1997	4706				
7	1421060593	Mê Quang	Thương	30/10/1994	4707				
8	1521050145	Nguyễn Quốc	Thường	29/09/1997	4708				
9	1621070194	Nguyễn Ngọc	Toàn	30/11/1998	4709				
10	1621030053	Nguyễn Văn	Tới	2/10/1998	4710				
11	1521050125	Phạm Văn	Tốt	6/11/1997	4711				
12	1621020035	Phạm Văn	Trà	16/11/1998	4712				
13	1521060108	Trần Thị	Trang	21/11/1997	4713				
14	1521070013	Lê Hồng	Trình	30/08/1997	4714				
15	1521010147	Vũ Văn	Trọng	21/11/1997	4715				
16	1621040012	Bùi Hữu	Trung	17/08/1998	4716				
17	1524010244	Nguyễn Hoàng	Trung	17/01/1997	4717				
18	1521070047	Nhữ Quang	Trung	8/6/1997	4718				C1
19	1421050219	Nguyễn Lam	Trường	16/11/1996	4719				
20	1421030599	Nguyễn Thành	Tú	25/08/1996	4720				
21	1521050100	Vũ Ngọc	Tú	2/3/1997	4721				C1
22	1421040317	Lê Văn	Tuấn	8/7/1996	4722				
23	1521070395	Lưu Thanh	Tuấn	2/6/1995	4723				C1
24	1421030221	Nguyễn Danh	Tuấn	25/06/1996	4724				
25	1521060232	Nguyễn Minh	Tuấn	3/3/1997	4725				
26	1521060444	Nguyễn Văn	Tuấn	1/7/1997	4726				
27	1421030226	Phạm Văn	Tuấn	1/4/1996	4727				
28	1421020665	Trịnh Anh	Tuấn	6/7/1995	4728				
29	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/9/1997	4729				
30	1421060312	Trần Mạnh	Tường	14/06/1996	4730				
31	1621061050	Bùi Đặng	Tuyên	16/05/1998	4731				
32	1621060578	Lò Sênh	Vàng	8/6/1997	4732				
33	1521010032	Trần Quốc	Việt	13/11/1997	4733				
34	1521070469	Nguyễn Quang	Vĩnh	11/3/1997	4734				
35	1621040088	Lê Ngọc	Vương	30/03/1998	4735				
36	1621060181	Vũ Minh	Vượng	16/09/1998	4736				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4030507 Nhóm: 2_4030507 Tổ thi: 001_2_4030507 Tên HP: Cơ học kết cấu 1 + BTL1

Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA407** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060019	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/1996	4737				
2	1521070138	Nguyễn Xuân	Chiến	19/04/1996	4738				
3	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/1996	4739				
4	1411070003	Văn Thư	Cường	27/09/1996	4740				
5	1411070008	Đinh Văn Thành	Đạt	3/7/1993	4741				C1
6	1421070144	Lê Tiến	Đạt	16/05/1996	4742				
7	1421070201	Phùng Bá	Diện	26/02/1996	4743				
8	1621070081	Trần Gia	Hiệp	20/11/1998	4744				
9	1321070078	Trần Trọng Huy	Hoàng	29/01/1995	4745				
10	1321070083	Vũ Quốc	Huân	29/05/1995	4746				C1
11	1621070150	Trần Văn	Khiêm	15/08/1998	4747				
12	1421070067	Nguyễn Duy	Khương	6/12/1996	4748				
13	1421070342	Lại Duy	Kiên	29/08/1996	4749				
14	1421070070	Dương Lê	Linh	30/04/1996	4750				
15	1521070295	Nguyễn Tài	Linh	15/02/1997	4751				C1
16	1521070083	Lê Vân	Long	3/2/1997	4752				
17	1521070304	Đỗ Văn	Minh	22/07/1997	4753				
18	1521070324	Nguyễn Thị	Phú	20/05/1997	4754				
19	1521070326	Trịnh Xuân	Phúc	15/09/1996	4755				
20	1421070431	Phạm Văn	Quân	24/04/1996	4756				
21	1521070056	Lương Xuân	Quỳnh	16/05/1997	4757				
22	1621070071	Bùi Văn	Thanh	25/03/1998	4758				
23	1611060022	Nguyễn Hữu	Thiên	25/09/1997	4759				C1
24	1521070033	Nghiêm Đình	Thuần	20/12/1996	4760				
25	1421070124	Đỗ Minh	Thuận	14/12/1996	4761				
26	1511070005	Trần Văn	Trinh	6/9/1997	4762				
27	1421070512	Nguyễn Hữu	Tú	10/1/1996	4763				
28	1421070139	Đỗ Mạnh	Tùng	20/06/1996	4764				
29	1221070178	Nguyễn Hoàng	Xuyên	22/08/1994	4765				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4050509 Nhóm: 2_4050509 Tổ thi: 001_2_4050509 Tên HP: Kỹ thuật môi trường
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA409** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030267	Nguyễn Ngọc	ánh	8/6/1996	4766				
2	1421020018	Đỗ Văn	Bằng	6/10/1996	4767				
3	1421040372	Ngô Văn	Bính	22/03/1996	4768				
4	1321050019	Vũ Đức	Bình	14/04/1995	4769				
5	1421020253	Lại Xuân	Cường	19/09/1996	4770				
6	1521010336	Nguyễn Thành	Đạt	19/06/1997	4771				C1
7	1321040042	Phạm Duy	Diện	5/5/1995	4772				C1
8	1321060468	Lê Huỳnh	Đức	17/09/1994	4773				C1
9	1521060216	Lê Minh	Đức	19/03/1997	4774				
10	1421020309	Nguyễn Văn	Đức	8/8/1996	4775				
11	1421010088	Phạm Văn	Đức	29/07/1996	4776				
12	1421030030	Nguyễn Thùy	Dung	21/05/1996	4777				
13	1421040053	Trịnh Quang	Dũng	8/12/1996	4778				
14	1521060093	Vũ Văn	Dũng	17/02/1997	4779				
15	1521010800	Đinh Tùng	Dương	6/6/1995	4780				
16	1521010396	Tổng Hoàng	Dương	24/11/1997	4781				
17	1521010221	Trần Văn	Duy	16/07/1994	4782				
18	1421040090	Lê Đăng	Hải	26/10/1996	4783				
19	1621060259	Trần Hoàng	Hải	16/02/1998	4784				
20	1521070099	Bùi Công	Hòa	8/1/1996	4785				C1
21	1421050073	Đinh Văn	Hoàng	8/4/1995	4786				
22	1521060286	Hồ Trọng	Hoàng	10/1/1996	4787				
23	1421030082	Nguyễn Hữu	Huân	5/4/1993	4788				
24	1421010148	Cảnh Chi	Hung	18/04/1996	4789				
25	1621080141	Phan Lan	Hương	16/02/1998	4790				
26	1321040137	Đinh Văn	Hưởng	26/11/1994	4791				C1
27	1421080235	Lê Quốc	Huy	26/04/1996	4792				
28	1521010375	Nguyễn Văn	Khang	22/10/1996	4793				
29	1421050468	Nguyễn Bá	Kiến	23/02/1996	4794				
30	1421040441	Nguyễn Thị Kim	Liên	20/01/1996	4795				
31	1521080353	Hồ Công	Lộc	1/10/1997	4796				
32	1521070091	Trần Thắng	Long	17/02/1997	4797				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4050509 Nhóm: 2_4050509 Tổ thi: 002_2_4050509 Tên HP: Kỹ thuật môi trường
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA205** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040096	Nguyễn Tiến	Mạnh	9/9/1997	4798				
2	1421060171	Nguyễn Văn	Mạnh	21/01/1996	4799				
3	1521060422	Nguyễn Anh	Nam	30/04/1996	4800				
4	1421030139	Nguyễn Văn	Nam	15/11/1996	4801				
5	1521060120	Nguyễn Văn	Nam	4/2/1997	4802				C1
6	1521030049	Võ Hoài	Nam	7/1/1997	4803				
7	1421030486	Kiều Đức	Phong	19/11/1996	4804				
8	1524010009	Trương Ngọc	Phú	12/5/1997	4805				
9	1521010337	Phan Hồng	Phúc	18/04/1997	4806				
10	1421030498	Nguyễn Thị Mai	Phương	10/11/1996	4807				
11	1521060300	Trần Minh	Phương	24/10/1997	4808				
12	1421080331	Hoàng Thị Kim	Phượng	5/3/1996	4809				
13	1521070089	Đỗ Hồng	Quân	23/11/1997	4810				C1
14	1221060104	Lê Hồng	Quân	24/01/1993	4811				
15	1521040104	Đỗ Mạnh	Quỳnh	12/10/1996	4812				
16	1521070460	Lê Nguyệt	Quỳnh	31/01/1997	4813				
17	1521010087	Lê Văn	Sang	16/10/1997	4814				
18	1421050176	Phạm Thái	Tài	27/04/1996	4815				
19	1421030558	Lương Khắc	Thắng	9/7/1996	4816				C1
20	1421080107	Trịnh Xuân	Thành	17/05/1996	4817				
21	1521040105	Nguyễn Quang	Thiện	9/8/1996	4818				
22	1521010371	Trần Văn	Thuận	13/07/1997	4819				
23	1421020159	Lê Đức	Thùy	29/04/1996	4820				
24	1421080383	Triệu Thị Thanh	Thủy	20/10/1996	4821				
25	1624010873	Đoàn Thị Hà	Trang	17/10/1998	4822				C1
26	1621080029	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/06/1998	4823				
27	1521020325	Nguyễn Quang	Trường	6/12/1997	4824				
28	1521050083	Trần Danh	Trường	23/06/1996	4825				
29	1421060287	Mai Văn	Tú	15/12/1996	4826				
30	1521020011	Bùi Văn	Tuấn	13/01/1997	4827				
31	1421060293	Nguyễn Sỹ Minh	Tuấn	2/3/1996	4828				
32	1521070415	Nguyễn Cảnh	Vinh	28/03/1997	4829				
33	1521030004	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/1/1997	4830				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 2_4070103 Tổ thi: 001_2_4070103 Tên HP: Kinh tế lượng

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAA208**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1524010108	Phạm Việt	An	20/04/1997	4831				C1
2	1424010226	Ngô Tuấn	Anh	8/11/1995	4832				
3	1524010038	Nguyễn Tiến	Anh	28/04/1997	4833				
4	1524010364	Phạm Đức	Anh	24/06/1997	4834				
5	1524010355	Trần Thị Kim	Anh	31/10/1997	4835				
6	1624010053	Trần Tiến	Anh	25/09/1998	4836				C1
7	1624010173	Trần Việt Hoàng	Anh	9/6/1998	4837				
8	1524010290	Nông Ngọc	ánh	29/08/1997	4838				
9	1624010104	Lương Thị Quỳnh	Châu	13/07/1998	4839				
10	1524010599	Nguyễn Trung	Đức	24/05/1996	4840				
11	1524010203	Phùng Thị	Dung	13/01/1997	4841				
12	1521020037	Trương Thị	Dung	19/06/1994	4842				
13	1624010367	Phạm Thị	Duyên	1/1/1998	4843				
14	1624010454	Nguyễn Kim	Giang	22/01/1998	4844				
15	1624010356	Đào Thị	Hà	23/02/1998	4845				C1
16	1524010347	Bùi Thị	Hằng	26/09/1997	4846				
17	1624010283	Trần Minh	Hằng	4/8/1998	4847				
18	1614010035	Hà Thị Thúy	Hảo	28/10/1998	4848				
19	1624010768	Đặng Thị Thu	Hòa	4/4/1998	4849				
20	1524010114	Vũ Quý	Hoàn	9/3/1997	4850				C1
21	1624010139	Nguyễn Huy	Hoàng	13/09/1998	4851				
22	1624010392	Nguyễn Thế	Hùng	12/10/1997	4852				
23	1514010028	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/11/1997	4853				
24	1624010126	Vũ Đức	Kiên	31/08/1998	4854				
25	1524010456	Phạm Văn	Lâm	6/7/1997	4855				
26	1524010091	Nguyễn Thị Diệu	Linh	10/12/1997	4856				C1
27	1624010974	Mạch Duy	Lợi	16/08/1998	4857				C1
28	1624010889	Đào Thị Kim	Miên	4/6/1998	4858				
29	1524010088	Đỗ Quang	Minh	21/12/1997	4859				C1
30	1521050101	Lê Thị	Nga	16/02/1997	4860				
31	1614010026	Phạm Thị	Nga	20/10/1998	4861				
32	1624010252	Lê Bích	Ngọc	10/12/1998	4862				
33	1624010599	Nguyễn Anh	Ngọc	30/11/1998	4863				
34	1521050198	Phạm Anh	Ngữ	23/10/1997	4864				
35	1524010333	Lê Thị Hồng	Nhung	28/08/1997	4865				
36	1624010390	Tạ Thị Hồng	Nhung	3/4/1998	4866				
37	1524010109	Nguyễn Thị Hồng	Phước	17/06/1997	4867				C1
38	1514010013	Đặng Trần Hà	Phương	6/11/1997	4868				
39	1624010227	Ngô Thị Minh	Phương	7/3/1998	4869				
40	1524010272	Nguyễn Thị	Phương	6/3/1997	4870				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070103 Nhóm: 2_4070103 Tổ thi: 001_2_4070103 Tên HP: Kinh tế lượng
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1624011046	Nguyễn Quang	Sáng	4/9/1998	4871				
42	1524010180	Vũ Tuấn	Son	20/02/1997	4872				
43	1624010041	Bùi Sỹ	Thắng	4/4/1998	4873				
44	1524010187	Đỗ Thị Thu	Thảo	29/01/1997	4874				
45	1624010069	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/1998	4875				
46	1614010031	Nguyễn Thị	Thảo	24/02/1998	4876				C1
47	1614010019	Phạm Thu	Thảo	16/07/1998	4877				
48	1724010226	Phạm Thị Thanh	Thom	14/11/1999	4878				
49	1524010007	Nguyễn Thị	Thu	10/4/1997	4879				
50	1624010083	Nguyễn Thanh	Thư	23/05/1998	4880				
51	1524010121	Nguyễn Thị	Trang	17/10/1997	4881				
52	1624010930	Lê Quang	Trung	27/10/1998	4882				
53	1524010554	Nguyễn Đăng	Tùng	23/03/1997	4883				
54	1724010588	Hoàng Thị Thu	Uyên	8/2/1999	4884				
55	1724010452	Nguyễn Thị	Vân	12/2/1999	4885				C1
56	1524010019	Phạm Việt	Việt	23/05/1996	4886				
57	1624010314	Vũ Đức	Việt	28/01/1998	4887				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4070401 Nhóm: 2_4070401 Tổ thi: 001_2_4070401 Tên HP: Nguyên lý kế toán
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA307** Tiết bắt đầu: **2** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1221040005	Lê Việt	Anh	31/07/1994	4888				
2	1524010179	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/05/1997	4889				
3	1524010367	Vũ Hồng Quốc	Anh	29/07/1997	4890				C1
4	1524010373	Lê Thị	Cầm	5/6/1995	4891				
5	1521040123	Lê Thành	Đạt	11/2/1997	4892				C1
6	1521050253	Trần Thị	Dung	3/2/1995	4893				
7	1524010022	Nguyễn Thu	Hà	21/02/1997	4894				
8	1524010171	Phạm Thị Thu	Hà	10/7/1996	4895				
9	1524010011	Phạm Thị Thu	Hiền	24/09/1997	4896				
10	1621010267	Hồ Sỹ	Hiền	20/10/1997	4897				C1
11	1421010125	Bùi Thị	Hoài	5/6/1996	4898				
12	1621060003	Nguyễn Huy	Hoàng	14/10/1995	4899				
13	1521041004	Hoàng Thị	Hồng	3/12/1997	4900				
14	1724010423	Lương Thị Bích	Hồng	16/11/1999	4901				
15	1421011161	Hà Thanh	Hưng	22/08/1996	4902				
16	1524010575	Lê Thị Mai	Hương	16/04/1997	4903				
17	1524010216	Lục Thị Thu	Hương	26/05/1997	4904				
18	1624010542	Công Thị	Huyền	19/03/1998	4905				
19	1524010248	Trần Thị	Lan	21/05/1997	4906				
20	1524010182	Nguyễn Hải	Long	29/12/1997	4907				
21	1524010084	Trần Đức	Lương	27/10/1997	4908				C1
22	1524010474	Nguyễn Thị	Nga	24/01/1997	4909				
23	1424010156	Vũ Minh	Phương	9/12/1996	4910				C1
24	1524010189	Lưu Thị	Quyên	25/01/1997	4911				
25	1621060342	Nguyễn Phương	Trang	16/10/1998	4912				
26	1524010541	Nguyễn Văn	Trí	10/7/1997	4913				
27	1624010244	Hán Thị Vân	Trường	8/8/1998	4914				C1
28	1421020650	Nguyễn Văn	Tuân	1/10/1995	4915				
29	1524010026	Nguyễn Anh	Tuấn	28/10/1996	4916				C1
30	1524010211	Đào Thanh	Tùng	8/12/1997	4917				
31	1524010555	Nguyễn Thanh	Tùng	24/05/1997	4918				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cầm thi; C1 = Cầm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4090413 Nhóm: 2_4090413 Tổ thi: 001_2_4090413 Tên HP: Thủy lực cơ sở B

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAA308**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521040002L	Khounserk Sirisomb		28/03/1992	4919				
2	1621070127	Lê Tuấn	An	21/03/1998	4920				
3	1521070164	Hoàng Ngọc Tuấn	Anh	13/11/1997	4921				
4	1521040158	Nguyễn Đức	Anh	1/9/1997	4922				C1
5	1521070085	Nguyễn Xuân	Anh	1/2/1997	4923				
6	1521070423	Trần Hoàng	Anh	3/4/1997	4924				
7	1521070046	Vũ Duy	Anh	28/04/1997	4925				
8	1631040001	Bùi Tân	Bình	26/08/1993	4926				
9	1421040027	Phạm Đức	Chính	20/01/1996	4927				C1
10	1521070204	Vũ Kim	Cường	26/11/1997	4928				
11	1221040336	Nguyễn Viết	Đa	27/09/1994	4929				C1
12	1621070156	Nguyễn Chí	Đan	8/7/1998	4930				
13	1521040068	Nguyễn Thành	Đạt	31/10/1997	4931				
14	1321040065	Trần Tiến	Đạt	14/03/1995	4932				
15	1621070074	Mai Hữu	Đông	1/1/1998	4933				
16	1621070204	Lê Văn	Đức	20/06/1998	4934				
17	1621070024	Lê Việt	Dũng	1/7/1998	4935				C1
18	1531070402	Nguyễn Đại	Dương	19/1/192/	4936				C1
19	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	4937				
20	1321040485	Nguyễn Đức	Hậu	3/2/1994	4938				C1
21	1421070145	Lý Thuật Trung	Hiếu	22/08/1996	4939				
22	1521070259	Nguyễn Hữu	Hoàng	15/10/1997	4940				
23	1521070260	Nguyễn Việt	Hoàng	4/5/1997	4941				
24	1521070266	Phạm Minh	Hùng	22/02/1996	4942				
25	1521070004	Lý Văn	Hương	19/08/1997	4943				
26	1521040154	Nguyễn Trung	Huy	22/10/1997	4944				
27	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/1996	4945				
28	1621070073	Nguyễn Đình	Linh	29/11/1998	4946				
29	1621070124	Hồ Văn	Lộc	2/5/1997	4947				
30	1421040448	Trần Đức	Lợi	9/5/1996	4948				C1
31	1531070403	Nguyễn Khắc	Long	19/1/191/	4949				
32	1621070116	Phan Thành	Long	30/03/1998	4950				
33	1631070054	Trịnh Công	Luân	28/07/1990	4951				
34	1421070382	Nguyễn Tiến	Mạnh	23/03/1996	4952				
35	1421070085	Phùng Văn	Miên	7/1/1996	4953				
36	1521040343	Đinh Dũng	Minh	1/12/1997	4954				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4090413 Nhóm: 2_4090413 Tổ thi: 002_2_4090413 Tên HP: Thủy lực cơ sở B

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAB205**

Tiết bắt đầu: **2**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621070126	Trần Tuấn	Minh	21/11/1998	4955				
2	1321040181	Nguyễn Hoàng	Nam	19/09/1995	4956				
3	1621070100	Nguyễn Thế	Ngọc	30/10/1998	4957				C1
4	1631040057	Phạm Văn	Nhất	21/07/1995	4958				
5	1621070712	Trịnh Bá	Phi	9/2/1998	4959				
6	1521070005	Vũ Thành	Phong	8/4/1997	4960				
7	1731040031	Nguyễn Như	Phúc	25/07/1994	4961				
8	1521070457	Bùi Thị	Phương	1/9/1997	4962				
9	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	4963				
10	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/1997	4964				
11	1621070210	Nguyễn Hoàng	Sơn	4/7/1998	4965				
12	1521040013	Nguyễn Quyết	Thắng	2/2/1997	4966				
13	1631040059	Nguyễn Việt	Thắng	19/10/1991	4967				
14	1321070172	Bùi Tiến	Thành	7/9/1995	4968				
15	1621070102	Hoàng Tiến	Thành	29/03/1998	4969				C1
16	1631070057	Lê Văn	Thành	2/10/1991	4970				
17	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	4971				
18	1521070070	Bùi Đức	Thiện	15/11/1997	4972				
19	1521070064	Đoàn Văn	Thịnh	4/9/1997	4973				
20	1631040060	Trịnh Văn	Thịnh	21/10/1994	4974				
21	1321040281	Nguyễn Đức	Thọ	3/11/1994	4975				
22	1731040006	Trần Văn	Thùy	14/02/1995	4976				
23	1521040141	Chu Thị Thu	Trang	19/02/1997	4977				
24	1521040318	Nguyễn Thùy	Trang	16/03/1997	4978				C1
25	1521040112	Nguyễn Đức	Trung	29/08/1997	4979				
26	1621070191	Nguyễn Văn	Trung	15/09/1998	4980				
27	1521070060	Lương Anh	Tuấn	21/01/1997	4981				
28	1621070707	Nguyễn Hữu	Tuấn	1/7/1998	4982				
29	1521040033	Nguyễn Minh	Tuấn	8/9/1997	4983				C1
30	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	4984				
31	1421070137	Nguyễn Quốc	Tuấn	8/4/1996	4985				C1
32	1321040319	Phạm Minh	Tuấn	12/2/1995	4986				
33	1421070534	Phạm Văn	Tùng	6/10/1994	4987				C1
34	1531070408	Nguyễn Văn	Tuyền	16/1/192/	4988				
35	1521070421	Bùi Công	Vượng	26/10/1997	4989				
36	1621070187	Nguyễn Quý	Vượng	17/03/1998	4990				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 2_4010301 Tổ thi: 001_2_4010301 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA308** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421040355	Nguyễn Trường	An	4/3/1996	4991				
2	1521030114	Phạm Xuân	An	17/06/1997	4992				
3	1421020002	Bùi Quang	Anh	31/03/1996	4993				
4	1621060169	Dương Tuấn	Anh	13/02/1998	4994				
5	1621010375	Lê Xuân	Anh	19/11/1998	4995				C1
6	1521030064	Lương Tuấn	Anh	29/06/1997	4996				
7	1624010705	Nguyễn Thị	Anh	10/5/1998	4997				
8	1621061063	Nguyễn Tiến	Anh	5/2/1998	4998				
9	1521070423	Trần Hoàng	Anh	3/4/1997	4999				
10	1121010018	Trần Ngọc	Anh	11/11/1993	5000				C1
11	1621030054	Phạm Ngọc	ánh	28/02/1998	5001				C1
12	1521010311	Nguyễn Văn	Bách	7/11/1996	5002				
13	1221020007	Nguyễn Xuân	Bách	22/02/1994	5003				C1
14	1421050275	Trần Đình	Bách	21/09/1996	5004				
15	1621070022	Trần Đình	Bình	18/03/1998	5005				
16	1421020235	Đặng Quốc	Bình	22/01/1996	5006				
17	1621060060	Nguyễn Văn	Cảnh	5/10/1998	5007				
18	1724010580	Đoàn Thị Linh	Chi	20/11/1999	5008				
19	1621070152	Nguyễn Hữu	Chí	19/04/1998	5009				
20	1521060449	Lê Minh	Chiến	27/03/1997	5010				
21	1621060536	Nguyễn Minh	Chiến	19/10/1998	5011				C1
22	1621050301	Dương Văn	Cường	3/1/1998	5012				
23	1521070133	Hoàng Hải	Đăng	3/1/1997	5013				
24	1321060068	Nguyễn Thành	Đạt	23/08/1995	5014				C1
25	1321060453	Nguyễn Tiến	Đạt	11/11/1995	5015				
26	1521070214	Nguyễn Công	Đoàn	12/5/1997	5016				
27	1421030046	Vũ Đình	Đoàn	12/2/1996	5017				
28	1521019010	Quách Văn	Đông	17/06/1996	5018				C1
29	1621010147	Hồ Văn	Đồng	17/08/1997	5019				
30	1421050357	Lê Minh	Đức	29/07/1995	5020				
31	1521020115	Nguyễn Minh	Đức	14/11/1997	5021				
32	1521050008	Nguyễn Minh	Đức	20/05/1997	5022				
33	1621070114	Trần Văn	Đức	16/09/1998	5023				C1
34	1624010486	Nguyễn Thị Thùy	Dung	5/8/1998	5024				
35	1521040037	Bùi Trần	Dũng	28/07/1997	5025				C1
36	1421040045	Lý Văn	Dũng	1/2/1995	5026				
37	1521070435	Phí Mạnh	Dũng	15/09/1997	5027				
38	1524010225	Quách Thùy	Dương	9/7/1997	5028				C1
39	1621080051	Vũ Lê Kiều	Dương	20/11/1998	5029				
40	1421020319	Phan Minh	Giang	19/12/1996	5030				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 2_4010301 Tổ thi: 002_2_4010301 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAB205** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1621060298	Nguyễn Đức	Hải	14/07/1998	5031				
2	1621060392	Nguyễn Xuân	Hải	15/01/1998	5032				
3	1421030065	Trịnh Thanh	Hiền	25/09/1996	5033				
4	1521020198	Nguyễn Minh	Hiếu	4/5/1997	5034				C1
5	1521020202	Trần Minh	Hiếu	5/8/1997	5035				
6	1621050404	Lê Việt	Hoàng	27/12/1998	5036				
7	1421030364	Nguyễn Phi	Hoàng	13/09/1996	5037				
8	1421010140	Nguyễn Trương Việt	Hùng	22/12/1996	5038				
9	1421070059	Nguyễn Duy	Hưng	27/09/1996	5039				
10	1421080046	Nguyễn Hữu	Hưng	13/08/1996	5040				
11	1421010150	Nguyễn Thành	Hưng	31/10/1996	5041				
12	1721040070	Phạm Văn	Hưng	4/9/1999	5042				C1
13	1421010160	Trần Văn	Hữu	23/01/1996	5043				
14	1521030102	Đỗ Khắc	Huy	26/11/1997	5044				
15	1521030005	Dương Quốc	Huy	6/11/1997	5045				
16	1521070155	Nguyễn Quang	Huy	6/10/1997	5046				
17	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/9/1995	5047				
18	1524010089	Nguyễn Thị Thu	Huyền	6/11/1997	5048				C1
19	1724010543	Nguyễn Thuý	Huyền	22/08/1999	5049				
20	1621060042	Vũ Văn	Khải	7/7/1998	5050				
21	1421040153	Nguyễn Trung	Kiên	20/06/1996	5051				
22	1621070016	Phan Thanh	Lam	27/12/1998	5052				C1
23	1721060162	Cao Sơn	Lâm	14/04/1999	5053				
24	1621060137	Nguyễn Bảo	Lâm	5/11/1998	5054				
25	1721060299	Nguyễn Huy	Lâm	8/8/1998	5055				
26	1621060432	Nguyễn Tùng	Lâm	22/08/1998	5056				
27	1724010302	Nguyễn Thị	Lan	23/04/1999	5057				
28	1111030064	Nguyễn Đăng	Lịch	21/01/1992	5058				
29	1724010836	Trịnh Kiều	Linh	23/07/1999	5059				C1
30	1524010268	Vũ Thị Mỹ	Linh	19/11/1997	5060				
31	1524010292	Lê Thị	Loan	23/06/1997	5061				
32	1421060481	Hoàng Đức	Lộc	1/3/1996	5062				
33	1521060060	Vũ Hữu	Lợi	11/7/1996	5063				
34	1721050348	Nguyễn Tuấn	Long	18/11/1999	5064				
35	1521060137	Phạm Phi	Long	3/1/1997	5065				
36	1621010316	Nguyễn Văn	Luyện	22/12/1998	5066				
37	1421010195	Bùi Văn	Mạnh	4/12/1996	5067				
38	1521070152	Vũ Hoàng	Mạnh	25/12/1997	5068				
39	1521050540	Ngô Quang	Minh	26/08/1997	5069				
40	1621040089	Nguyễn Tất	Minh	2/9/1998	5070				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 2_4010301 Tổ thi: 003_2_4010301 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA203** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421030460	Vũ Công	Minh	30/09/1996	5071				
2	1621060408	Đặng Trung	Nam	22/01/1998	5072				
3	1521050199	Nguyễn Hữu	Nam	6/12/1997	5073				
4	1521080023	Nguyễn Thành	Nam	15/12/1997	5074				
5	1521010173	Đặng Văn	Nghĩa	10/1/1996	5075				
6	1521080061	Đỗ Tuấn	Nghĩa	27/03/1994	5076				
7	1524010115	Lại Hồng	Ngọc	25/07/1997	5077				
8	1624010605	Trần Thị Bích	Ngọc	3/4/1998	5078				
9	1521070094	Nguyễn Thiện	Nhân	7/2/1997	5079				
10	1421040203	Trần Viết	Nhất	26/02/1996	5080				
11	1421070413	Nguyễn Lê	Phi	3/11/1996	5081				C1
12	1521041001	Nguyễn Văn	Phong	3/2/1997	5082				C1
13	1521010443	Trương Hoàng	Phương	12/12/1997	5083				
14	1621070184	Chu Minh	Quân	26/06/1998	5084				
15	1521050207	Đặng Anh	Quân	6/7/1997	5085				
16	1421030157	Phạm Hồng	Quân	24/11/1995	5086				
17	1621070197	Trần Minh	Quân	18/09/1998	5087				
18	1421060532	Đỗ Thanh	Quang	12/6/1996	5088				
19	1621060982	Trần Anh	Quang	13/08/1998	5089				
20	1321030189	Hoàng Tứ	Quý	10/11/1995	5090				
21	1421060218	Trần Minh	Quý	20/11/1996	5091				C1
22	1524010189	Lưu Thị	Quyên	25/01/1997	5092				
23	1621050888	Nguyễn Thế	Quyên	2/1/1997	5093				
24	1621060238	Dương Đức	Quỳnh	16/01/1998	5094				C1
25	1621060570	Đặng Văn	Sơn	3/9/1998	5095				
26	1421030527	Nguyễn Hoàng	Sơn	11/6/1996	5096				
27	1621060430	Phạm Minh	Sơn	25/09/1998	5097				C1
28	1521080042	Vũ Văn	Sơn	9/9/1997	5098				
29	1521040010	Vương Văn	Sơn	6/10/1997	5099				
30	1521040073	Phạm Tiến	Sỹ	13/08/1997	5100				C1
31	1701044036	Nguyễn Quốc	Thái	25/10/1974	5101				
32	1621060307	Nguyễn Văn	Thái	28/10/1998	5102				
33	1621061071	Đỗ Danh	Thắng	22/12/1997	5103				C1
34	1521070086	Vương Đình	Thắng	11/1/1997	5104				C1
35	1521060242	Đậu Xuân	Thành	7/3/1996	5105				
36	1521040031	Nguyễn Quang	Thành	25/10/1997	5106				
37	1421060573	Nguyễn Văn	Thành	6/6/1996	5107				
38	1624010470	Đỗ Phương	Thảo	24/04/1998	5108				
39	1521050234	Trần Thị Thu	Thảo	14/08/1997	5109				
40	1721080029	Tổng Minh	Thiên	28/11/1997	5110				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010301 Nhóm: 2_4010301 Tổ thi: 004_2_4010301 Tên HP: Hóa học đại cương phần 1 + TN
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA409** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060262	Đỗ Đức	Thịnh	13/10/1996	5111				
2	1621050573	Trần Đức	Thịnh	10/3/1998	5112				
3	1621040130	Vũ Văn	Thịnh	22/08/1998	5113				
4	1621010254	Trần Phương	Thức	18/06/1998	5114				C1
5	1521080261	Đặng Thị	Thúy	12/3/1997	5115				
6	1521010106	Ngô Quốc	Tiến	9/11/1997	5116				
7	1521060096	Vũ Đình	Tiến	8/12/1997	5117				
8	1521070137	Vũ Đình	Tiến	7/12/1997	5118				C1
9	1521070122	Nguyễn Hữu	Toản	30/08/1997	5119				
10	1524010267	Phạm Thị Thúy	Trang	22/11/1997	5120				C1
11	1621060963	Nguyễn Văn	Trung	14/06/1998	5121				
12	1221030176	Hoàng Xuân	Trường	29/05/1994	5122				C1
13	1621070121	Nguyễn Văn	Trường	13/11/1998	5123				
14	1521070395	Lưu Thanh	Tuấn	2/6/1995	5124				C1
15	1521010341	Nguyễn Anh	Tuấn	9/10/1997	5125				
16	1521070039	Nguyễn Quang	Tuấn	18/07/1996	5126				
17	1321030948	Nguyễn Trọng	Tuấn	19/02/1995	5127				C1
18	1421010370	Phạm Năng	Tuấn	25/05/1996	5128				
19	1521050187	Trần Mạnh	Tuấn	29/09/1997	5129				
20	1521080004	Cao Sơn	Tùng	11/4/1997	5130				
21	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/1997	5131				
22	1621061050	Bùi Đặng	Tuyên	16/05/1998	5132				
23	1621060661	Nguyễn Đình	Văn	19/05/1998	5133				C1
24	1521040032	Lê Quốc	Việt	10/9/1997	5134				
25	1621061057	Nguyễn Văn	Việt	7/9/1998	5135				
26	1721010030	Phan Xuân	Việt	16/01/1999	5136				
27	1701010002	Lại Thế	Vinh	17/09/1991	5137				
28	1721060042	Hà Nguyên	Vũ	31/07/1999	5138				C1
29	1421040349	Phạm Khắc	Vững	7/5/1996	5139				
30	1621020034	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	2/12/1997	5140				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 2_4020102 Tổ thi: 001_2_4020102 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521010441	Đặng Tiến	Anh	24/10/1997	5141				
2	1421010009	Hồ Việt	Anh	15/08/1996	5142				C1
3	1621050224	Lê Trần Việt	Anh	19/01/1998	5143				C1
4	1521010179	Nguyễn Việt	Anh	10/2/1997	5144				
5	1621060078	Phan Hùng	Anh	5/5/1998	5145				
6	1421050010	Quách Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/1996	5146				C1
7	1421060013	Vũ Đức	Anh	29/04/1996	5147				
8	1521060252	Đặng Văn	Bằng	9/2/1994	5148				C1
9	1521050600	Nguyễn Vũ	Bình		5149				C1
10	1721060161	Đỗ Ngọc	Chung	9/8/1998	5150				
11	1421030289	Nguyễn Hữu	Chương	14/09/1996	5151				
12	1521010124	Lê Văn	Cương	1/8/1997	5152				
13	1321030464	Nguyễn Mạnh	Cường	6/12/1995	5153				
14	1521050178	Nguyễn Xuân	Cường	10/12/1997	5154				
15	1521050340	Trần Đăng	Cường	20/09/1994	5155				
16	1424010021	Nguyễn Thị	Diễm	1/5/1996	5156				
17	1221020045	Vũ Khắc	Đoàn	2/8/1994	5157				
18	1624010296	Hà Minh	Đức	7/12/1998	5158				C1
19	1521080071	Nguyễn Minh	Đức	21/11/1997	5159				
20	1521020363	Trần Ngọc	Đức	10/2/1997	5160				
21	1621030217	Trần Tiến	Đức	29/04/1998	5161				
22	1624010362	Nguyễn Thị	Dung	1/5/1998	5162				
23	1621010105	Bùi Đức	Dũng	18/06/1998	5163				C1
24	1421050035	Hoàng Văn	Dũng	15/08/1996	5164				
25	1421080174	Vũ Việt	Dũng	18/04/1996	5165				
26	1621061046	Lại Bá	Dương	23/12/1998	5166				C1
27	1521080121	Nguyễn Bình	Dương	21/08/1997	5167				
28	1521010446	Nguyễn Thị ánh	Dương	29/03/1997	5168				
29	1521010168	Vũ Tuấn	Dương	6/11/1997	5169				
30	1721050292	Nguyễn Hữu	Duy	10/1/1996	5170				C1
31	1521060348	Nguyễn Tiến	Giáp	28/01/1997	5171				C1
32	1621060712	Đào Ngọc	Hải	26/09/1998	5172				
33	1621060195	Ngô Quang	Hải	12/2/1998	5173				
34	1621060157	Nguyễn Khắc	Hải	14/01/1998	5174				
35	1721050500	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	30/07/1999	5175				
36	1611070004	Nguyễn Văn	Hào	30/07/1998	5176				
37	1524010574	Vô Xuân	Hiền	17/12/1997	5177				
38	1721050901	Đoàn Văn	Hiệp	13/02/1999	5178				
39	1521060063	Đỗ Văn	Hiếu	12/5/1996	5179				
40	1621060860	Ngô Thanh	Hiếu	19/12/1998	5180				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 2_4020102 Tổ thi: 002_2_4020102 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAB305** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060003	Nguyễn Văn	Hiếu	20/07/1997	5181				
2	1421030073	Vũ Quang	Hiếu	16/08/1996	5182				
3	1521050532	Nguyễn Phương	Hoa	17/12/1997	5183				
4	1521050112	Nguyễn Doãn	Hoan	20/01/1997	5184				C1
5	1521010301	Nguyễn Huy	Hoàn	29/08/1997	5185				
6	1421060111	Phạm Công	Hoàn	21/02/1996	5186				
7	1721020019	Lê Huy	Hoàng	24/08/1999	5187				
8	1521050212	Nguyễn Văn	Hoàng	25/10/1997	5188				
9	1521060037	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	29/04/1997	5189				
10	1621060121	Trịnh Đình	Hoàng	25/04/1998	5190				
11	1521010415	Đỗ Văn	Hùng	10/10/1997	5191				
12	1521080020	Vũ Thanh	Hùng	3/7/1995	5192				C1
13	1521010137	Đỗ Văn	Hùng	21/01/1997	5193				
14	1521010372	Nguyễn Vũ	Hùng	23/02/1997	5194				
15	1521080001	Phạm Quốc	Hùng	18/10/1997	5195				C1
16	1421050443	Nguyễn Duy	Hương	15/03/1995	5196				
17	1624010049	Nguyễn Thị	Hương	25/05/1998	5197				
18	1624011041	Trần Thị	Hương	1/1/1998	5198				
19	1521080171	Đặng Quang	Huy	16/05/1997	5199				C1
20	1521030047	Hồ Trọng	Huy	21/05/1997	5200				C1
21	1521070154	Lại Đức	Huy	24/06/1997	5201				
22	1621030196	Nguyễn Đức	Huy	11/5/1998	5202				
23	1521010126	Nguyễn Trần Đức	Huy	25/07/1997	5203				
24	1521060207	Nguyễn Văn	Huy	11/2/1996	5204				
25	1621060799	Vì Tiến	Huy	11/9/1998	5205				
26	1521050201	Bùi Văn	Huyền	10/12/1997	5206				
27	1724010222	Đinh Thị	Huyền	4/9/1999	5207				
28	1421060136	Nguyễn Thị	Huyền	18/12/1996	5208				
29	1521030243	Nguyễn Văn	Huyền	6/1/1997	5209				
30	1421060137	Lê Thạc	Huỳnh	20/04/1996	5210				
31	1421080248	Cần Quang	Khánh	18/12/1996	5211				
32	1521010250	Hoàng Văn	Khánh	12/11/1996	5212				C1
33	1421010165	Nguyễn Văn	Khánh	21/06/1996	5213				C1
34	1621060011	Trịnh Duy	Khánh	8/8/1998	5214				
35	1521060372	Hồ Nam	Kiên	24/05/1997	5215				
36	1521040155	Thào A	Là	20/05/1997	5216				
37	1521030249	Lý Văn	Lâm	8/3/1997	5217				
38	1521070027	Vũ Văn	Lâm	6/10/1997	5218				
39	1521020242	Nguyễn Thị	Lan	17/06/1997	5219				
40	1521040059	Đào Thị	Lệ	15/12/1997	5220				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 2_4020102 Tổ thi: 003_2_4020102 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA405** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521060091	Vũ Văn	Liêu	12/10/1997	5221				C1
2	1521030255	Dương Thị Thùy	Linh	3/7/1997	5222				
3	1621070043	Hoàng Duy	Linh	7/12/1998	5223				C1
4	1621060088	Vũ Thị Kim	Loan	6/5/1998	5224				
5	1621060980	Trịnh Văn	Lợi	27/08/1998	5225				
6	1321011068	Hoàng Phi	Long	16/06/1994	5226				
7	1621060162	Hoàng Phúc	Long	6/11/1995	5227				C1
8	1721050399	Lý Thành	Long	1/5/1998	5228				
9	1521010374	Nguyễn Hoàng	Long	6/8/1997	5229				
10	1521060248	Nguyễn Tiến	Lực	12/9/1997	5230				
11	1521010267	Trịnh Thị Thảo	Ly	20/04/1997	5231				
12	1624010255	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/10/1998	5232				
13	1421040454	Bùi Duy	Mạnh	9/7/1996	5233				
14	1521010194	Trần Văn	Mạnh	16/11/1996	5234				
15	1421060175	Bùi Anh	Minh	25/12/1996	5235				
16	1421011229	Đỗ Ngọc	Minh	7/11/1996	5236				
17	1421080289	Lục Văn	Minh	1/5/1996	5237				
18	1621061083	Phạm Văn	Minh	19/06/1998	5238				
19	1521010039	Đỗ Đình	Nam	9/7/1997	5239				C1
20	1521010199	Phạm Văn	Nam	2/7/1997	5240				
21	1621080068	Trần Quang	Nam	6/5/1998	5241				
22	1621030260	Lê Hồng	Nghị	22/01/1996	5242				
23	1521039003	Nông Văn	Nghĩa	28/11/1996	5243				
24	1524010295	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	13/03/1997	5244				
25	1624010713	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	24/02/1998	5245				
26	1524010346	Lê Thị ánh	Nguyệt	30/06/1997	5246				
27	1521050085	Phạm Trọng	Nhân	10/9/1994	5247				C1
28	1724010233	Ứng Bảo	Nhi	22/10/1999	5248				C1
29	1421010241	Trần Xuân	Phong	30/12/1995	5249				
30	1521060165	Bùi Đức	Phương	23/06/1997	5250				
31	1421010265	Lê Duy	Quân	25/06/1996	5251				
32	1721050053	Vũ Huy	Quang	4/5/1999	5252				
33	1521040163	Lương Hoàng	Quốc	2/6/1997	5253				C1
34	1524010498	Nguyễn	Quyết	8/10/1997	5254				
35	1524010155	Trần Thị	Quỳnh	8/7/1997	5255				
36	1221080063	Nguyễn Hoàng	Sơn	20/03/1994	5256				C1
37	1621061030	Nguyễn Hồng	Sơn	17/01/1998	5257				
38	1421060557	Trần Ngọc	Sơn	17/01/1996	5258				
39	1521010216	Trịnh Hồng	Sơn	4/1/1997	5259				
40	1521060253	Nguyễn Viết	Sóng	25/02/1997	5260				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4020102 Nhóm: 2_4020102 Tổ thi: 004_2_4020102 Tên HP: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lên
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA303** Tiết bắt đầu: **4** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421060234	Lê Thế	Sự	23/08/1996	5261				
2	1321060599	Hạ Duy	Tài	25/02/1995	5262				
3	1421050178	Phạm Minh	Tâm	20/11/1996	5263				
4	1421011324	Nguyễn Đức	Thắng	22/09/1996	5264				
5	1521070131	Bùi Văn	Thanh	3/1/1996	5265				
6	1421060246	Nguyễn Chí	Thanh	5/10/1996	5266				
7	1521010185	Vũ Đức	Thành	2/8/1997	5267				
8	1721030193	Đinh Mai Thanh	Thảo	27/02/1999	5268				
9	1621060888	Hà Trung	Thiên	28/01/1998	5269				
10	1421050193	Hoàng Trọng	Thiện	15/03/1996	5270				
11	1521050022	Trần Văn	Thiệu	23/01/1995	5271				C1
12	1521080263	Lưu Thị Thu	Thủy	30/10/1997	5272				
13	1421020160	Nguyễn Thị	Thủy	3/9/1995	5273				
14	1521050136	Đào Quyết	Tiến	10/9/1997	5274				
15	1521080267	Vì Thành	Tiến	29/01/1997	5275				C1
16	1321060641	Trương Quốc	Toàn	4/8/1994	5276				
17	1521030392	Nguyễn Thị Huyền	Trang	8/3/1997	5277				
18	1521010391	Nguyễn Thu	Trang	24/12/1996	5278				
19	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/9/1997	5279				
20	1521060257	Đoàn Thế	Trung	18/01/1997	5280				
21	1621040103	Nguyễn Bá	Trung	25/10/1998	5281				C1
22	1521010143	Phan Thế	Trung	18/03/1997	5282				
23	1421050219	Nguyễn Lam	Trường	16/11/1996	5283				
24	1421060612	Phạm Quang	Trường	28/11/1996	5284				
25	1524010010	Nguyễn Thanh	Truyền	22/01/1997	5285				C1
26	1521050100	Vũ Ngọc	Tú	2/3/1997	5286				C1
27	1621050034	Hà Anh	Tuấn	30/08/1998	5287				
28	1521010222	Lương Xuân	Tuấn	2/4/1997	5288				
29	1421030226	Phạm Văn	Tuấn	1/4/1996	5289				
30	1521060181	Lê Thanh	Tùng	25/10/1997	5290				C1
31	1521020346	Lê Đình	Tường	10/7/1997	5291				
32	1421060636	Phạm Đức	Tuy	1/10/1996	5292				
33	1721050092	Đặng Thị	Uyên	5/12/1999	5293				
34	1624010154	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21/01/1998	5294				
35	1624010302	Hoàng Quốc	Việt	9/1/1998	5295				
36	1521010331	Lê Quang	Vinh	17/04/1996	5296				C1
37	1421011432	Bùi Sỹ	Xuân	28/07/1996	5297				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 2_4010501 Tổ thi: 001_2_4010501 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1421020001	Phạm Xuân	An	8/8/1996	5298				
2	1621060094	Đinh Quang	Anh	26/05/1998	5299				C1
3	1521070164	Hoàng Ngọc Tuấn	Anh	13/11/1997	5300				
4	1521070052	Lê Xuân	Anh	24/10/1997	5301				C1
5	1521040158	Nguyễn Đức	Anh	1/9/1997	5302				C1
6	1321011002	Nguyễn Đức	Anh	25/03/1995	5303				
7	1521010130	Nguyễn Hoàng	Anh	13/03/1997	5304				
8	1621070110	Nguyễn Hoàng	Anh	25/12/1998	5305				
9	1421020219	Tạ Hoàng	Anh	28/07/1996	5306				
10	1321020025	Hà Thiện	Căn	26/05/1995	5307				
11	1621070085	Ngô Văn	Chinh	19/05/1998	5308				
12	1521070190	Nguyễn Cảnh	Chung	5/8/1996	5309				C1
13	1321020445	Đỗ Mạnh	Cường	1/5/1995	5310				C1
14	1421070021	Lương Quốc	Cường	23/09/1996	5311				
15	1521060236	Nguyễn Đức	Cường	27/05/1997	5312				
16	1621040114	Trần Quốc	Cường	16/03/1998	5313				C1
17	1731020001	Phạm Xuân	Đăng	7/12/1995	5314				
18	1621010228	Vũ Thạch Công	Danh	14/08/1998	5315				
19	1621060643	Cao Văn	Đạt	23/03/1998	5316				C1
20	1521070208	Đỗ Duy	Đạt	27/08/1997	5317				
21	1421020282	Dương Thành	Đạt	11/9/1992	5318				C1
22	1421010079	Nguyễn Tuấn	Đạt	5/1/1996	5319				
23	1321020484	Lê Văn	Định	14/11/1995	5320				
24	1621060217	Trần Văn	Đoàn	28/01/1998	5321				C1
25	1521020158	Bế Ngọc	Đông	20/11/1996	5322				
26	1421011081	Hoàng Văn	Đồng	3/2/1994	5323				
27	1621060555	Lê Minh	Đức	28/01/1998	5324				
28	1521060066	Ngô Xuân	Đức	3/4/1997	5325				
29	1621040060	Nguyễn Huy	Đức	22/09/1998	5326				
30	1521020115	Nguyễn Minh	Đức	14/11/1997	5327				
31	1521060053	Nguyễn Thái Minh	Đức	25/06/1996	5328				
32	1521020166	Lê Văn	Dũng	9/9/1996	5329				
33	1621060755	Nguyễn Tiến	Dũng	26/07/1998	5330				
34	1621020062	Vũ Việt	Dũng	14/10/1998	5331				
35	1421040059	Đặng Văn	Dương	28/10/1996	5332				C1
36	1421060370	Nguyễn Xuân	Dương	2/10/1996	5333				
37	1521010314	Thái Bình	Dương	29/01/1997	5334				
38	1521010412	Bùi Đức	Duy	10/5/1997	5335				
39	1621010162	Hà Kim	Giang	3/1/1997	5336				C1
40	1621010342	Lý Ngọc	Hà	17/08/1997	5337				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 2_4010501 Tổ thi: 002_2_4010501 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1731020002	Đinh Đức	Hải	5/3/1993	5338				
2	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	8/11/1997	5339				
3	1611060023	Nguyễn Ngọc	Hải	24/01/1998	5340				
4	1611060082	Nguyễn Tiến	Hải	12/12/1998	5341				
5	1621060112	Trần Đức	Hải	30/06/1998	5342				
6	1521070136	Trần Văn	Hậu	2/6/1997	5343				
7	1521010165	Ngô Đức	Hiệp	20/08/1997	5344				C1
8	1421020060	Bùi Trung	Hiếu	25/03/1996	5345				
9	1321060118	Đinh Văn	Hiếu	10/11/1994	5346				
10	1521060142	Nguyễn Hữu	Hiếu	29/08/1997	5347				C1
11	1621060742	Nguyễn Trung	Hiếu	18/07/1998	5348				
12	1221020062	Vũ Đức	Hiếu	13/07/1994	5349				
13	1524010093	Đàm Văn	Hoàng	28/09/1997	5350				
14	1611060027	Lường Hữu	Hoàng	21/07/1998	5351				
15	1621060071	Nguyễn Như	Hoàng	17/08/1998	5352				
16	1521060199	Vũ Ngọc	Hoàng	16/10/1997	5353				
17	1421020380	Bùi Việt	Hùng	6/11/1995	5354				
18	1621010358	Đỗ Mạnh	Hùng	17/09/1998	5355				
19	1521070266	Phạm Minh	Hùng	22/02/1996	5356				
20	1521060349	Tạ Việt	Hùng	26/11/1997	5357				C1
21	1421040140	Nguyễn Văn	Hưng	18/12/1996	5358				
22	1521060161	Vũ Minh	Hưng	3/5/1997	5359				C1
23	1611060034	Cao Đức	Huy	8/6/1998	5360				
24	1621060868	Nguyễn Quang	Huy	27/06/1998	5361				
25	1421020394	Nguyễn Tuấn	Huy	9/9/1994	5362				
26	1421070057	Vũ Quốc	Huy	11/9/1995	5363				
27	1621060967	Nguyễn Đình	Huỳnh	29/10/1998	5364				
28	1621010902	Mey	Kadun	23/06/1997	5365				C1
29	1421070062	Trần Quang	Khải	10/7/1996	5366				C1
30	1421070345	Trần Văn	Lâm	30/07/1996	5367				
31	1421040164	Mai Nguyễn Nhật	Linh	23/02/1996	5368				C1
32	1521070030	Tô Tùng	Linh	23/02/1997	5369				C1
33	1621060973	Nguyễn Trọng	Lĩnh	21/11/1998	5370				
34	1321011068	Hoàng Phi	Long	16/06/1994	5371				
35	1521040174	Nguyễn Phi	Long	13/11/1996	5372				C1
36	1731020031	Trần Văn	Luật	11/8/1993	5373				
37	1621010369	Nguyễn Chí	Lực	14/08/1998	5374				C1
38	1521040261	Trần Hữu	Lực	12/8/1997	5375				
39	1521010023	Nguyễn Văn	Lượng	17/05/1997	5376				
40	1521010369	Lê Văn	Mạnh	18/12/1997	5377				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 2_4010501 Tổ thi: 003_2_4010501 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAA208**

Tiết bắt đầu: **7**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1721060148	Nguyễn Viết	Mạnh	7/8/1996	5378				
2	1521070044	Phạm Văn	Mạnh	1/10/1996	5379				
3	1621070732	Vũ Văn	Mậu	11/5/1998	5380				C1
4	1631020071	Lê Thanh	Nghiệp	18/03/1995	5381				
5	1621070100	Nguyễn Thế	Ngọc	30/10/1998	5382				C1
6	1621010310	Lê Văn	Nhân	15/10/1998	5383				
7	1521060008	Nguyễn Thanh Hải	Ninh	27/04/1997	5384				
8	1521060410	Nguyễn Phúc	Núi	16/08/1996	5385				
9	1421040207	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/12/1996	5386				C1
10	1521060031	Trần Thiện	Phước	28/12/1997	5387				
11	1521070130	Bùi Văn	Phương	30/07/1997	5388				C1
12	1421020128	Nguyễn Đức	Quản	7/11/1996	5389				
13	1421040220	Trịnh Minh	Quang	8/8/1996	5390				
14	1421040221	Phạm Đình	Quảng	18/11/1996	5391				
15	1621070165	Vũ Kiến	Quốc	24/01/1998	5392				
16	1521040102	Lê Hoài	Sơn	7/1/1997	5393				
17	1521040294	Nguyễn Hồng	Sơn	26/08/1997	5394				C1
18	1521040160	Nguyễn Hồng	Sơn	13/10/1997	5395				
19	1721040056	Phạm Ngọc	Sơn	15/06/1999	5396				
20	1611060026	Đỗ Minh	Sỹ	1/2/1998	5397				
21	1521010123	Lê Quang	Tâm	14/10/1997	5398				
22	1421040507	Hoàng Gia	Thái	19/08/1995	5399				
23	1421060245	Lê Chung	Thái	4/5/1996	5400				
24	1701044036	Nguyễn Quốc	Thái	25/10/1974	5401				
25	1621070040	Lê Gia	Thanh	25/02/1996	5402				
26	1521040041	Đào Văn	Thành	12/8/1996	5403				
27	1621010383	Đinh Tiến	Thành	24/09/1997	5404				C1
28	1421020146	Khiếu Trung	Thành	17/04/1996	5405				
29	1631020075	Nguyễn Văn	Thành	4/1/1995	5406				
30	1721060374	Thân Chí	Thành	21/10/1999	5407				C1
31	1721010073	Đỗ Đức	Thiện	1/7/1999	5408				
32	1521010302	Đỗ Huy	Thiện	16/08/1997	5409				
33	1621070736	Đinh Hoàng Khánh	Thịnh	18/01/1998	5410				
34	1621060595	Đoàn Như	Thuần	30/09/1998	5411				
35	1521020070	Tổng Thị Thanh	Thủy	26/01/1997	5412				
36	1421020163	Tổng Minh	Tiến	7/12/1995	5413				
37	1421040288	Hà Long	Tin	21/05/1996	5414				
38	1521020102	Trần Thị Huyền	Trang	26/11/1997	5415				C1
39	1621060209	Nguyễn Văn	Triều	20/02/1998	5416				
40	1421060280	Nguyễn Đức	Trung	26/07/1996	5417				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010501 Nhóm: 2_4010501 Tổ thi: 003_2_4010501 Tên HP: Cơ học lý thuyết 1
Ngày thi: **10/8/2018** Phòng thi: **HNAA208** Tiết bắt đầu: **7** Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
41	1521070051	Nguyễn Văn	Trường	22/12/1996	5418				
42	1521020112	Trần Nhật	Trường	3/8/1997	5419				C1
43	1221020166	Vũ Văn	Trường	21/09/1994	5420				
44	1421060286	Đậu Văn	Tú	19/09/1996	5421				
45	1521070394	Lê Đăng	Tuấn	27/10/1996	5422				
46	1521010050	Phạm Văn	Tuấn	23/08/1997	5423				
47	1521070405	Đoàn Thanh	Tùng	11/9/1997	5424				
48	1521020074	Nguyễn Hữu	Tùng	13/06/1997	5425				
49	1521060041	Vũ Hữu	Tùng	26/08/1997	5426				
50	1621060578	Lò Sênh	Vàng	8/6/1997	5427				
51	1621060454	Đào Văn	Vệ	19/10/1998	5428				C1
52	1521040007	Đặng Quang	Vinh	4/5/1997	5429				
53	1221060182	Lê Quang	Vũ	19/07/1994	5430				
54	1621060631	Nguyễn An	Vũ	21/11/1998	5431				
55	1521020352	Nguyễn Anh	Vũ	27/10/1997	5432				
56	1611040015	Nguyễn Bắc	Vũ	12/9/1998	5433				
57	1421020199	Trần Tuấn	Vũ	26/08/1996	5434				
58	1621020034	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	2/12/1997	5435				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 2_4010110 Tổ thi: 001_2_4010110 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAA305**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030082	Nguyễn Trung	Bắc	30/10/1997	5436				
2	1421040384	Bùi Quốc	Cường	21/07/1995	5437				C1
3	1421060042	Trần Văn	Cường	1/11/1996	5438				
4	1421030311	Trần Tiến	Đạt	21/02/1996	5439				C1
5	1521070210	Trần Tiến	Đạt	21/09/1997	5440				
6	1621030026	Nguyễn Đức	Đức	21/01/1998	5441				
7	1421070039	Trần Công	Đức	20/11/1996	5442				
8	1621070089	Đỗ Trung	Hải	30/04/1998	5443				C1
9	1521010144	Nguyễn Hữu	Hải	8/11/1997	5444				
10	1521040061	Nguyễn Văn	Hiên	23/10/1997	5445				C1
11	1621030106	Lê Minh	Hiếu	17/09/1997	5446				
12	1421040134	Thào A	Hử	12/9/1996	5447				
13	1221040104	Đinh Văn	Huân	17/11/1993	5448				
14	1421060151	Vũ Huy	Khánh	23/07/1996	5449				
15	1321040149	Lê Đắc	Kiên	6/10/1994	5450				
16	1321070554	Phùng Trung	Kiên	26/09/1995	5451				C1
17	1521070027	Vũ Văn	Lâm	6/10/1997	5452				
18	1421030427	Đặng Xuân	Linh	12/9/1995	5453				
19	1621070037	Trần Hữu	Linh	23/10/1998	5454				
20	1521070018	Lê Duy	Long	5/8/1997	5455				C1
21	1421040168	Nguyễn Hoàng	Long	11/10/1996	5456				
22	1421070083	Nguyễn Tiến	Mạnh	21/02/1996	5457				
23	1521040096	Nguyễn Tiến	Mạnh	9/9/1997	5458				
24	1321030713	Trần Duy	Mạnh	2/2/1995	5459				
25	1421030457	Đới Công	Minh	10/8/1996	5460				
26	1521010199	Phạm Văn	Nam	2/7/1997	5461				
27	1521060238	Kiều Thái	Nguyên	11/8/1996	5462				C1
28	1421070095	Nguyễn Chương	Nguyên	7/12/1994	5463				
29	1421060203	Trịnh Văn	Ninh	13/07/1996	5464				
30	1521070038	Bùi Hoàng	Phúc	22/05/1997	5465				C1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.

**DANH SÁCH PHÒNG THI LẦN 1 HỌC KỲ PHỤ (173HN-L1)
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Mã học phần: 4010110 Nhóm: 2_4010110 Tổ thi: 002_2_4010110 Tên HP: Toán tối ưu

Ngày thi: **10/8/2018**

Phòng thi: **HNAB305**

Tiết bắt đầu: **9**

Số tiết: **2**

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ng sinh	SBD	Mã đề	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	1521030369	Bùi Hạnh Thảo	Phương	23/10/1996	5466				
2	1621010123	Đỗ Nhật	Quang	30/05/1998	5467				
3	1521040290	Hồ Văn	Quang	22/01/1997	5468				
4	1621070103	Nguyễn Trọng	Quyền	22/10/1998	5469				C1
5	1521020028	Vũ Đình	Sơn	27/11/1997	5470				C1
6	1421050176	Phạm Thái	Tài	27/04/1996	5471				
7	1321070177	Cao Xuân	Thắng	12/2/1995	5472				C1
8	1521040041	Đào Văn	Thành	12/8/1996	5473				
9	1421040253	Nguyễn Doãn	Thành	10/11/1996	5474				
10	1621010077	Đinh Văn	Thiện	27/08/1998	5475				
11	1621030094	Trần Văn	Thiện	8/1/1998	5476				
12	1421060267	Dương Hồng	Thứ	10/2/1996	5477				
13	1621061038	Lê Khắc	Tiếp	22/09/1998	5478				C1
14	1421020164	Lê Đức	Tín	14/01/1995	5479				
15	1621030063	Lê Hà	Trang	1/8/1998	5480				
16	1521010296	Đỗ Danh	Triệu	12/9/1997	5481				
17	1521010147	Vũ Văn	Trọng	21/11/1997	5482				
18	1521040056	Lưu Quang	Trung	29/11/1997	5483				
19	1521030012	Trịnh Quốc	Trung	16/12/1996	5484				
20	1421040309	Lê Đức	Trường	28/12/1996	5485				
21	1521030338	Nguyễn Xuân	Trường	28/07/1996	5486				
22	1421060287	Mai Văn	Tú	15/12/1996	5487				
23	1421030237	Nguyễn Văn	Tú	30/12/1996	5488				
24	1421030217	Phương Anh	Tú	27/11/1996	5489				
25	1621030047	Lê Khắc	Tư	1/9/1998	5490				
26	1621070117	Lê Kim	Tuấn	18/07/1998	5491				C1
27	1421060293	Nguyễn Sỹ Minh	Tuấn	2/3/1996	5492				
28	1521030030	Phạm Thanh	Tùng	31/05/1995	5493				
29	1521070065	Đặng Thế	Tuyên	26/07/1996	5494				
30	1521040016	Trần Hoàng	Việt	28/02/1997	5495				
31	1521060171	Phạm Quốc	Vương	27/09/1997	5496				

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2:

Tổng số tờ:

Tổng số bài:

Lưu ý: C = Cấm thi; C1 = Cấm thi lần 1 (học phí)

C1: được thi khi có Biên lai nộp đủ HP HK3 2017-18.

Danh sách phòng thi có 02 bản: 1 bản dán ngoài phòng thi; 1 bản để CBCT sử dụng khi coi thi và sinh viên ký nhận khi thu bài thi.